



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 63

Số: **14**
(2669)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 2 - 4 - 2011



Minh họa của KHÁNH TOÀN

LÀM NGƯỜI THÌ KHÓ...

Truyện ngắn dự thi của HOÀNG TÙNG

1. Từ cái đàn mua đất, tôi đã có không có mấy chút cảm tình với thằng Nhân. Cảm xấp tiền đầy về khinh khỉnh, cái lưỡi nhọn hoắt của hắn liếm liếm vào đầu ngón tay cầu bẩn rồi thông thả đến sớt ruot đếm đếm. Chậm chậm. Đều đều. "Một triệu! Hai triệu..." Khi đã kiểm tra đầy đủ số tiền, thằng Nhân vênh mặt nhìn tôi như ban ơn: "Bán đất cho ông thực ra tôi ghét thích đầu! Con trai con dứa mà ghét biết rượu chè gì cả. Chán bỏ mẹ!" Tôi chỉ biết cười trừ. Trước cuộc gặp, cậu môi giới nhà đất đã dặn kỹ, phải thật mềm mỏng chứ không câu trước câu sau hấn cục tính lên là đối ý ngay. Mà hắn đã đối ý rồi thì có trời biết chuyện gì sẽ xảy ra. Tôi đã nghe kể rằng có người mua định xin một chút tiền "lấy lộc", thằng Nhân đã nổi khùng lên chửi luôn: "Đ. M! Lộc là cái gì? Bó mày bán giá rẻ rồi còn kỳ kéo nhức đầu! Phấn! Phấn hết!". Rồi hắn cầm cục tiền vút thẳng vào mặt người mua. Người ta cự nự lại thì hắn lập tức gờ mặt vác điếu cây vút khiến cả đám mua định xin loạn. Tính tình thằng Nhân ương ương dở dở như thế nhưng mọi người vẫn muốn mua đất ở đây vì hắn bán giá rẻ hơn chỗ khác thật. Tại sao hắn lại bán giá rẻ hơn? Chắc tại hắn chẳng có vợ con, gia đình cũng chẳng còn ai. Mà tôi cũng chẳng biết chính xác hắn làm nghề gì! Có lần xã giao tôi hỏi thằng Nhân xem hắn làm nghề

gì kiếm sống, hắn cười rũ rượi, phun cả rượu vào người tôi: "Làm gì á? Làm vua chứ làm gì". Tôi thắc mắc: "Làm vua? Nghĩa là thế nào?". Hắn khục khục trong cổ họng: "Tôi thích làm thì làm, thích chơi thì chơi, chẳng sợ bố con thằng chó nào, chẳng phải lo nghĩ gì. Ông xem thế chẳng phải làm vua thì làm gì?" Rồi hắn khoai chỉ vô đui: "Đ. M, có khi lại còn sướng hơn cả vua ý chứ". Kể ra thằng Nhân nói cũng có phần đúng. Cái bãi đất chó ỉa ở ven xóm Giếng vốn chỉ dành cho cái thứ dân ngụ cư cầu bơ cầu bất thế mà sau cơn vật đổi sao dời lại thành có giá. Con đường liên huyện mở đi qua ngay sát mảnh đất của hắn. Xe cộ cứ đi lại ầm ầm suốt ngày. Nghe nói người ta còn định mở khu công nghiệp ngay trên những thửa ruộng ngày xưa của xóm Giếng. Mà cũng chẳng hiểu tại sao dân thành phố cứ ứ ứ về đây mua đất. Thằng Nhân chẳng quan tâm. Càng nhiều người hỏi mua đất hắn càng thích. Thích nhất là hắn không phải nghĩ ngợi nhiều. Cái đầu của hắn ngại nghĩ nhiều con số. Cái đầu hắn ngại mặc cả nâng lên đặt xuống. Họ tự trả giá, tự nâng giá, tự tranh cướp nhau từng mét đất. Từ mấy triệu một sào giờ thành mấy triệu một mét. Càng xé xé nhau hắn càng được lợi. Cứ gọi là mấy chục, mấy trăm triệu dễ như không!

Tiền bán đất thằng Nhân chỉ dùng để đi ăn nhậu.

(Xem tiếp trang 20)

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN



ĐỘNG ĐẤT VÀ ĐỘNG LÒNG

Nhà thơ NGUYỄN HỮU QUÝ

Vụ trù vẫn là cái gì đó vô cùng lớn lao và bí ẩn. Trong muôn vạn thiên hà có mấy hành tinh mang sự sống như Trái đất, đó vẫn là câu hỏi chưa ai giải đáp được và có lẽ muôn đời là bí mật vĩnh hằng với con người. Hành tinh xanh nơi chúng ta sống, cho đến hôm nay, thập kỷ thứ 2 của thế kỷ XXI vẫn chưa ẩn những điều khó hiểu...

Con người nói chung là tham. Tham sống. Tham lớn. Tham giàu. Tham danh... Tham tham lắm lắm! Bởi thế mới có chiến tranh. Bởi thế mới có hiệu ứng nhà kính. Bởi thế mới bị cạn kiệt tài nguyên. Bởi thế mới bị sa mạc hóa. Bởi thế mới trơ trọc rừng đầu nguồn... Thiên nhiên không bằng lòng với cách ứng xử thô bạo của con người đối với mình, không chấp nhận lòng tham vô độ của những "sinh vật có ý thức" này và Ngài quyết dạy cho nó những bài học đau đớn. Ngài không khuyến chúng ta sống tạm bợ nhưng Ngài nhắc nhở cho mọi người biết cuộc sống này mong manh lắm. Không có gì vững chãi muôn năm cả. Không có gì không bất biến đổi thay cả. Cho và phá là bản chất của thiên nhiên thật thường. Xưa đã vậy. Nay cũng thế. Có thể Ngài chỉ động lòng để hiển hoá khi con người biết từ bỏ với thiên nhiên và với đồng loại. Trái ngược điều đó là "đổ lửa vào dầu" càng làm cho sự thịnh nộ của Ngài lớn hơn, thường xuyên hơn.

Núi lửa, động đất không phải chuyện mới, chuyện lạ. Nhưng, sức tàn phá khủng khiếp của nó thì bao giờ cũng bất ngờ và sau đó thường dính kèm theo những dư chấn phụ. Những rung lắc này tác động vào lòng người, dù có ở nơi bị tại họa hay không. Người ta "biết sợ" hơn để bớt ngạo nghễ, ngang tàng, phá phách. Người ta cảm nhận sự bất an, bất ổn và rất mong manh của kiếp người để thức tỉnh, bừng khởi làm cuộc tu tâm đích thực. Cuộc sống bớt dần những mưu mô thâm hiểm, những dáo lùa lường gạt, những giành tranh cầu xé, những bớt xén vô lương. Nói cụ thể hơn, ít nhất thì người ta cũng phải chần chừ suy tính khi định ăn bớt vật tư, vật liệu khi xây dựng những nhà cao tầng. Những người lãnh đạo đất nước biết lo cho dân cho nước xa hơn, dài hơn. Và, không thể không nói đến chiến lược trang bị kiến thức kỹ năng sống cho mọi người từ khi còn tấm bé. Ví dụ: khi xảy ra động đất ta phải xử trí thế nào? Với người Việt mình thì đó còn là những bài học vô lòng nhưng chưa được phổ cập toàn dân.

Lâu nay, chúng ta thích nói những điều cao cả lớn lao mà quên thấp giọng dặn dò những điều bé nhỏ vụn vặt nhưng rất cần thiết với đời sống. Một lời khuyên đôi khi cứu sống một mạng người, vô số mạng người. Khi nghe tin động đất ở Nhật, ở Myanmar và sau dư chấn vừa rồi ở Hà Nội, Sơn La, Thanh Hóa người ta mới rầm rĩ bàn về động đất, mới đề cập đến các cách phòng chống. Bây lâu nay ta bỏ lơ hay cái thói dân Việt mình nước đến chân mới nhảy. Thế mới hốt hoảng chen chúc. May mới chỉ là rung lắc, rung rinh, may chưa xảy ra sụp đổ. Nếu không thì chắc tai họa không lường hết. Chậm còn hơn không, cần phải đưa bài học về phòng chống động đất vào trường học và vào cuộc sống. Những bài học về xử trí tình huống tại chỗ và những bài học về tinh người lâu dài. Chống thói vô cảm đang phổ biến đại trà. Những động lòng trước mắt mắt đau thương đồng loại là dấu hiệu của sự phục sinh nhân phẩm đã bị mất đi rất nhiều. Bài học về ứng xử với thiên nhiên. Thân thiện thay thế phá phách. Hòa hóa thay thế bức tử.

Những bài học sau dư chấn Hà Nội, như thế, nên chăng?■

ĐÊM THƠ KEVIN BOWEN VÀ LỄ RA MẮT TẬP THƠ KHÚC HÁT THÀNH CỔ LOA

Với những cố gắng không ngừng nghỉ cho công cuộc hòa giải, kéo hai nền văn hóa Việt - Mỹ ngày càng trở nên gần gũi, gắn bó với nhau hơn, từ nhiều năm nay, nhà thơ Mỹ Kevin Bowen đã trở thành một tác giả, dịch giả có nhiều đóng góp trong việc giới thiệu và quảng bá văn học Việt Nam. Năm 2010 ông đã nhận huy chương vì sự nghiệp văn hóa do Hội Nhà văn Việt Nam trao tặng. Năm 2011 ông lại được trao giải thưởng Phan Chu Trinh cho những đóng góp của mình trong việc truyền bá văn hóa, văn học Việt Nam vào Mỹ. Và lần này với tập thơ "Khúc hát thành Cổ Loa", ông đã đánh một dấu mốc quan trọng nữa trong việc hòa hợp không chỉ là tình bạn mà còn là sự hòa hợp giữa hai nền văn hóa cách nhau nửa vòng trái đất.

Tối 22/3/2011, tại Hội trường nhà văn hóa Thanh Niên Hà Nội (37 Trần Bình Trọng) đã diễn ra đêm thơ và lễ ra mắt tập thơ mới "Khúc hát thành Cổ Loa" của Kevin Bowen trong không khí vô cùng ấm áp và trang trọng, với sự có mặt của rất nhiều những nhà văn nhà thơ vốn đã có nhiều tình cảm nặng với người bạn Mỹ này, như Nhà thơ Hữu Thỉnh - Chủ tịch Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, các nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, Trần Quang Quý, các nhà văn Lê Lưu, Chu Lai, Văn Giá... Cùng nhiều các phóng viên, nhà báo, sinh viên, công chúng yêu thơ. Và đặc biệt là vợ của tác giả, bà Leslie Bowen cùng cô con gái Lily Bowen của ông cũng có mặt tham dự.

Trong suốt thời gian gần 3 tiếng diễn ra đêm Thơ là không khí ấm áp tình bạn bè giữa những con người của hai dân tộc đã từng đứng hai bờ chiến tuyến. Nhà thơ Hữu

Thỉnh đã phát biểu: Chỉ với thơ đã có thể vẽ nên hoàn cảnh tâm hồn, vẽ nên hành trình suốt cuộc đời của nhà thơ. Nhưng với Kevin Bowen, một người yêu Việt Nam kiên nhẫn và sâu nặng, hơn 20 năm trước đã mời làm khách tại nhà mình hàng chục nhà văn nhà thơ Việt cộng; đã kiên trì đòi chính phủ Mỹ phải bình thường hóa quan hệ với Việt Nam đến mức có tổ chức đã kiện ông ra tòa vì thân Cộng, và sau hơn 4 năm tranh đấu, Kevin đã thắng kiện. Do đó, hơn một tập thơ, chúng ta chào mừng một trái tim bè bạn lớn của Việt Nam...

Đáp lại những tình cảm của những người bạn Việt Nam, nhà thơ Kevin Bowen xúc động nói: "Những người lính Mỹ đã từng nói với nhau, chúng tôi đánh mất tuổi thanh xuân của mình ở Việt Nam. Khi trở lại Việt Nam để tìm hiểu kỹ hơn dân tộc đã một thời là kẻ thù, chúng tôi từ ngạc nhiên đến yêu mến khâm phục. Từ yêu mến, chúng tôi tìm lại được tuổi thanh xuân đã mất. Vì tình yêu và thi ca chính là tuổi xuân của hết thảy con người..."

PV



Nhà thơ Kevin Bowen ký tặng sách cho độc giả tại buổi giao lưu.

KỶ HỢP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XII TRÁCH NHIỆM VÀ TẬN TÂM ĐẾN PHÚT CUỐI CÙNG...

Phiên họp chiều ngày 29/3 là phiên họp bế mạc kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa XII. Một nhiệm kỳ Quốc hội vừa khép lại, nhưng dư âm và ấn tượng tốt đẹp của nó chắc sẽ còn mãi. Đây là một nhiệm kỳ được đánh giá là dân chủ, thiết thực và thực sự có nhiều đổi mới. Cũng trong nhiệm kỳ này, nhiều vấn đề lớn đầu tiên đã diễn ra trong chương trình nghị sự, thể hiện tinh thần trách nhiệm của các Đại biểu quốc hội trước cử tri, trước nhân dân, đất nước, và cũng là quyết tâm đổi mới hoạt động của Quốc hội đang ngày càng được đề cao. Không khí và tinh thần đó đã thể hiện ngay đến giờ phút cuối cùng...

THEO chương trình nghị sự, trước khi bế mạc kỳ họp, Quốc hội sẽ biểu quyết thông qua 4 dự án luật. Tuy nhiên chỉ có 3 trong số đó được tán thành. Đến dự án luật Thủ đô, chỉ có 35,9% đại biểu tán thành thông qua dự án này và có tới 10,95% đại biểu không biểu quyết.

Dự án Luật Thủ đô vốn đã có một "hành trình" không mấy suôn sẻ trước khi được đưa ra biểu quyết tại kỳ họp lần này. Ban đầu, đây là dự án luật dự kiến được biên soạn và thông qua Quốc hội vào dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, và đã được trình trước Quốc hội từ kỳ họp thứ 7. Song do nội dung chuẩn bị sơ sài nên đã nhiều lần bị Ủy ban Thường vụ Quốc hội "bác". Cho đến kỳ họp cuối này, đây vẫn là một trong những dự luật có nhiều ý kiến tranh cãi nhất.

Tuy đồng tình về sự cần thiết phải có luật, song đa số Đại biểu không hài lòng với chất lượng của dự luật. Trong các phiên thảo luận hội trường, rất nhiều ý kiến cho rằng nếu dự án luật chưa chuẩn bị kỹ thì chưa nên thông qua. Cụ thể là "cần nghiên cứu nâng tầm luật lên cho xứng đáng là Luật Thủ đô, chứ như thế này thì chỉ mới là giải quyết những bức xúc hiện tại của một đô thị đặc biệt do quy mô lớn".

Một bộ luật xây dựng riêng cho thủ đô với những đặc thù riêng không phải là điều quá xa lạ. Tuy nhiên không phải nằm ở những nội dung cụ thể, mà chính là tinh thần của nó mới đang là điều cần được quan tâm. Có thể thấy đối với dự án Luật Thủ đô cho đến giờ phút này, vấn đề nổi bật chưa tìm được sự tiếng nói chung trong Quốc hội lần này chính là tính đặc thù của Thủ đô chưa được chỉ rõ, luật còn thể hiện nhiều điểm chưa thực sự công bằng với người nhập cư.... Bên cạnh đó Dự luật đưa ra lần này nhấn mạnh hơn đến tầm quan trọng của quy hoạch, phát triển cơ sở hạ tầng. Theo đó, Bộ Xây dựng chủ trì, có sự phối hợp của UBND thành phố, tổ chức lập quy hoạch, rồi trình Thủ tướng phê duyệt sau khi Quốc hội cho ý kiến... Những vấn đề này, qua phân tích, có thể thấy phần nào liên quan đến quy trình xây dựng luật, có đại biểu đã có ý kiến cho rằng Luật Xây dựng cho Thủ đô mà mọi vấn đề đều do Chính phủ phê duyệt thì sẽ không thể quy trách nhiệm cho lãnh đạo Thành phố nếu trong quá trình thực hiện có gì sai phạm... Bài học này vốn cũng từng không phải là vấn đề xa lạ gì...

Nhìn về nội dung luật thì vậy. Với một đất nước còn đang trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống luật pháp để bước vào con đường hội nhập quốc tế, việc một bộ luật chưa được thông qua trong một kỳ họp, trong một nhiệm kỳ Quốc hội chắc cũng không có gì là quá đặc biệt. Tuy nhiên nếu nhìn vào góc độ của các Đại biểu Quốc hội, chúng ta có thể an tâm một điều, các Đại biểu mà chúng ta lựa chọn đã thực sự có trách nhiệm và tận tâm đến tận phút cuối cùng... PV

THẤY, NGHĨ VÀ VIẾT

NGỒI MÀ NGẤM NGỢI...

BÓNG LAI

1 Sóng thần Sendai chồm lên nước Nhật đã qua ba tuần. Vẫn nghe có sóng ở trong lòng. Sóng xao vào tim... Cả vạn người vẫn chưa được tìm thấy thi thể và chắc sẽ không bao giờ tìm thấy. Nguyên một thành phố bị xóa sổ, còn có ai là người thân ở đây không để khóc thương đưa tiễn? Lệnh bệnh trong vịnh những xác giấy: ô tô, tàu bay, nhà cửa... Còn lại trên bờ là gió thốc, tuyết rơi, những căn lều dựng tạm trống trải. Còn lại là đói khát và canh cánh một thảm họa nữa có thể còn khốc liệt hơn: thảm họa hạt nhân.

Sóng dỗi lên óc. Cứ xoáy mãi một câu hỏi: người Nhật sao can trường, bình tĩnh vậy? Cái gì cho họ niềm tin và tự tin? Em bé ở Fukushima ơi, lúc này em ở đâu? Có ai còn biết đến em, còn nhớ đến em hay em đã lẫn vào bao người dân bình thường xứ mình cùng trong hoạn nạn? Với nghĩa cử như hoang đường ấy của em, ở đất nước chúng tôi dư luận sẽ còn theo em mãi đây...

Sóng, vẫn sóng lên lời. Sau kinh hoàng, khốc liệt, "họa vô đơn chí" ấy ít lâu, tình cờ được ngồi với mấy bạn người Nhật. Bảo với bạn cả thế giới đang không chỉ chia sẻ tổn thất mà còn cảm phục và kính ngạc trước tinh thần Nhật. Các bạn bảo lại rằng, chính các bạn ngạc nhiên trước sự ngạc nhiên của nhân loại. Với người Nhật, những ứng xử trước thảm họa mà thế giới ngợi ca ấy nó tự nhiên như nhiên, như gió vào nhà thì đóng cửa lại, quả sau vườn đã ươm thì hái nó xuống. Nói rằng tính cách của người Nhật thì chúng tôi không dám nhưng, hay là có sự khác biệt về giáo dục? Người Nhật từ nhỏ đã được biết rất rõ trên đất nước mình núi lửa, động đất và sóng thần nhiều hơn tài nguyên, nhưng thứ tài nguyên tưởng là gánh nặng của tài nguyên mà chúng tôi có lại là vô giá: con

người. Ai cũng yêu quý cuộc sống, người Nhật cũng vậy, nhưng chúng tôi hiểu nó là bạn đường của bất trắc. Trong hữu hạn của cuộc đời, hãy sống thật với mình và sống tốt với xung quanh, cái chết sẽ rất nhẹ nhàng với kẻ ra đi và cả người ở lại. Ra vậy, ra vậy.

Vẫn sóng, một triều sóng nữa. Tôi không ngừng nghĩ về câu chuyện liên quan đến cậu bé 9 tuổi người Fukushima kia. Nhưng ở một phương diện khác. Báo chí trong nước đăng tải câu chuyện này từ lời kể của một người Việt sống ở Nhật đã 40 năm. Người Việt ấy (một cảnh sát đang làm công vụ) cho biết đi theo anh suốt ngày để lấy tin là phóng viên Thời báo Hoàn cầu (một tờ báo luôn có nhiều độc giả) của Trung Quốc. Chứng kiến mọi chuyện, người phóng viên này bình luận: Năm mươi năm nữa, kinh tế Trung Quốc chắc chắn sẽ đứng đầu thế giới. Nhưng năm mươi năm nữa người Trung Quốc chắc chắn cũng chưa thể có tinh thần và đạo đức như người Nhật hôm nay. Xin cung cấp thêm cho bạn đọc một thông tin liên quan. Chính tờ Thời báo Hoàn cầu ấy khi xuất bản ở Trung Quốc còn đăng hai bức ảnh bên cạnh nhau: một bức cho thấy những người Nhật bị nạn binh lính xếp hàng dài chờ nhận đồ cứu trợ, bức kia là cảnh những người Trung Quốc chen chúc, tranh giành nhau mua muối iốt. Một sự tự chỉ trích xứng đáng không cần lời chú giải!

Ở ta, có tờ báo nào sẵn sàng cho lên khuôn những dòng hay những hình ảnh tương tự? Hay có lẽ cũng muốn mà ngại bóng ngại gió sợ "làm tổn thương dân tộc"? Hay vẫn tự thị rằng thế giới còn đang mong một sớm thức dậy được trở thành người Việt? Cách nào giúp ích cho sự trưởng thành của dân tộc mình?

2. Giữa những ngày dồn dập tin tức về động đất sóng thần với tan hoang đổ nát, đọc thấy một tin:

Chưa có dấu hiệu Chính phủ Nhật Bản xét lại viện trợ ODA cho Việt Nam. Đọc xong ngẩng lên, tờ báo rớt xuống. Không vui, chẳng buồn. Ngấm như có tiếng reo khe trong những dòng tin ấy.

Kỳ họp Quốc hội Khóa XII vừa kết thúc. Tái cơ cấu kinh tế hay một cách gọi khác: chuyển hướng nền kinh tế nước nhà chưa có điều kiện bàn trong kỳ họp cuối của khóa này nhưng chắc sẽ là vấn đề nóng ở kỳ họp sau. Sự phát triển của Việt Nam trong nhiều năm qua dựa quá nhiều vào nguồn vốn đầu tư với tỉ suất đầu tư cho một sản phẩm gần gấp đôi so với nước láng giềng Trung Quốc, và gấp bảy, tám lần so với Nhật Bản. Gọi là lãng phí cũng đúng, mà gọi là năng suất kém cũng phải. Do thế, tốc độ tăng trưởng 7 - 7,5% hàng năm tuy chưa phải là "siêu" ở một nước có mặt bằng kinh tế thấp mà đã được coi là "nóng" rồi. Bởi vì nó ngày càng tạo ra mất cân đối và thiếu bền vững. Tái cơ cấu là không quá nhấn mạnh vào đầu tư, tiền vốn, mà ở cách làm, tạo được những sản phẩm có giá trị gia tăng cao nhờ con người. Và nữa, đầu rồi, lâu lắm không nghe thấy khẩu hiệu "tự lực cánh sinh"?

Và nữa. Từ sự nghèo nàn tài nguyên của Nhật Bản mà nghĩ về "rừng vàng biển bạc" ở nước ta. Thử xét nguồn năng lượng trầm tích vẫn được cho là giàu có chẳng hạn. Thấy rõ rồi, chỉ vài năm nữa chúng ta sẽ trở thành nước nhập khẩu than đá. Nhà máy lọc dầu thứ hai - Nghi Sơn - chưa khởi công nhưng đã phải ký trước hợp đồng nhập nguyên liệu dầu thô từ Trung Đông; còn nhà máy thứ một - Dung Quất - theo đài Tiếng nói nước Nga, mới đây đã có sự thỏa thuận hai bên nhập dầu thô về chế biến từ mỏ Magumovski của Nga.

Thế thì nguồn tài nguyên nhìn vào trước hết và mãi mãi phải là con người, chỉ có thể là con người. ■

VẤN ĐỀ HÔM NAY



ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI NHÀ VĂN, TIẾN SĨ NGUYỄN MINH HỒNG

QUỐC HỘI ĐANG TỊNH TIẾN...

- Một trong những đại biểu tự ứng cử, trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XII
- Từ chú bé đi ở đến "ông Kim Ngọc trong y tế"
- Tự tích lũy kiến thức, tự tin, tin chắc những gì dân cần thì tự ứng cử.
Suy cho cùng thì làm bác sĩ hay đại biểu Quốc hội cũng đều vì con người
- Bàn thêm về Quốc hội và Dân chủ

PV: Xin giải thích rõ hơn về tấm card: Tiến sĩ, bác sĩ, nhà văn Nguyễn Minh Hồng – Đại biểu Quốc hội khóa XII?

Nguyễn Minh Hồng (NMH): Trong 4 chức nghiệp, nhà văn là cái sau cùng, tôi vào Hội năm 2007. Trên giấy tờ, tôi sinh năm 1944, nhưng là khai tăng tuổi để đi bộ đội. Tôi mồ côi từ năm 8 tuổi, phải đi ở chằn trâu cho chủ, cho bác; đang học lớp 5, nhà nghèo, ăn không đủ no nên đã xung phong đi bộ đội. Đi bộ đội thì được ăn no, được phát quần áo mới.

PV: Chứ không phải vì lòng yêu nước, căm thù giặc?

NMH: Bấy giờ còn bé, làm sao biết đến lòng yêu nước. Tiếp xúc với cử tử nơi ứng cử, tôi cứ thực thà nói thế nên dân tin và thương. Hồi ấy lớp 5 trong quân đội cũng được coi là có văn hóa, nên đã cho tôi đi học lớp y tá rồi y sĩ; vừa học thêm các lớp bổ túc văn hóa. Bác sĩ thì học chuyên tu, vàng, chuyên tu vừa ngu vừa dốt. Và như thế thì chẳng nói anh cũng rõ, cái học vị Tiến sĩ kia cũng coi như là hư vị, trên thấy thiết để làm việc với cộng sự nước ngoài thì cấp cho, tiến sĩ các vấn đề xã hội. Trong lý lịch mà Văn phòng Quốc hội quản lý, tôi không ghi tiến sĩ.

PV: Suy cho cùng, tiến sĩ, bác sĩ, văn sĩ và nghị sĩ mới nghe thì tưởng ồm ồm, kỳ thực đều là nghề chăm sóc chất lượng sống cho con người. Nhưng ở đây nảy sinh vấn đề: Cứ theo những nét chính của hành trình đời anh, sẽ dễ hình dung hơn nếu anh phấn đấu trở thành một quan chức nhà nước có cỡ, vì sao lại thành ông chủ một bệnh viện tư nhân?

NMH: Tôi phấn đấu suốt thời trai trẻ, trở thành Trưởng khoa Cận lâm sàng, Bí thư chi bộ của Bệnh viện Quân đội 354 vừa năm chưa đến 40. Nhưng cơ chế bao cấp đẩy chúng ta vào tri trệ bức xúc. Một lần tôi đưa chủ em đi khám chữa bệnh, đợi từ sớm đến gần 11 giờ trưa không có ai khám, đánh liều gõ cửa thấy bên trong đang họp, bà trưởng khoa nói chiếu hãy đến rồi đóng sập cửa trước mũi tôi. Mặt khác, trang thiết bị lạc hậu và thói làm việc qua loa khiến chất lượng khám chữa bệnh của thời ấy rất tệ. Ông bố của bạn tôi ở Hải Hưng trong khi pha chế một cây tre bị gãy xương tay. Đi chiếu chụp phim rồi bó bột, không khỏi; dịch vàng cứ rò rỉ và vết thương không liền, sau đi khám nhiều nơi đều kết luận là hoại tử xương, coi như vô phương cứu chữa. Tôi mang phim đến gặp GS Châu ở Bệnh viện Việt Đức nhờ xem giúp. Sau khi xem phim, xem các phác đồ điều trị qua bệnh án, hỏi rõ lý do gãy tay, GS Châu kết luận bệnh nhân bị lao xương, do xương bị ăn mòn bên trong nên mới gãy trong trường hợp không có vật đánh trực tiếp. Vậy là chữa lao xương, ông bố bạn tôi khỏi, sống thêm được 20 năm nữa. Ngay chính tôi, bị đau bụng chữa nhiều thuốc không khỏi, qua nhiều lần khám, chụp, nội soi cho kết quả ung thư ruột; ngao ngán hết cả người. Trước khi tắt nốt những hy vọng cuối cùng, tôi đến nhờ riêng GS Nguyễn Ngọc Doãn, con rể cụ Phan Kế Toại khám giúp. GS Doãn đặt ống nghe ở vùng bụng tôi, đó là cử chỉ không trường y nào dạy; ấy thế mà lại đặc dụng. Nghe đi nghe lại, GS Doãn cười cười bảo tôi cậu về xổ giun đi, giun nhiều quá. Tôi về xổ giun xong thì hết bệnh ung thư ruột!

Do cơ chế quan liêu bao cấp, ngành y có một nghịch lý: Các thầy thuốc giỏi được phân công chữa bệnh cho các bậc lương cao, người chức vụ cao rất ít bệnh tật do đó không có mấy việc làm; còn những thường dân hoặc do nghèo hoặc do quá vất vả trong sản xuất kinh doanh mà sinh lâm bệnh tật thì không được các thầy thuốc giỏi chữa cho, nhiều cái chết oan do tay nghề hoặc thiết bị khám bệnh lạc hậu gây ra.

Đó là những câu chuyện và tâm trạng của tôi vào năm 1978 – 79. Đến năm 1989 thì tôi quyết định xin nghỉ hưu để mở Phòng khám chữa bệnh theo yêu cầu.

PV: Đó là năm cực kỳ khó khăn, làm phát 3 con số, bức tường Berlin đổ khiến đổi mới ở ta giật mình.

NMH: Bây giờ nghĩ lại tôi cũng còn giật mình. Bạn bè ai cũng khuyên cứ bám lấy nhà nước, mình là đảng viên, sao lại đi ngược với con đường đã chọn. Rồi tiến bạc, phải đi vay của anh em bè bạn, phòng khám là mấy gian nhà cấp 4, mưa còn giọt. Tôi phải tự xin ra Đảng. Bà con Thanh Chương quê tôi nói ông là Kim Ngọc trong y tế, lời động viên khiến tôi vững tin hơn: Ông Kim Ngọc mất tiền đồ sản lạn hơn nhiều khi vì nóng dân no ấm, mình vì các bệnh nhân nghèo được các thầy thuốc giỏi chạy chữa, mất cái đảng viên đã thấm vào đâu?

PV: Đó là thời kỳ ở đâu cũng nói vụ án Nguyễn Văn Mười Hai, tin dưng đổ vô lung tung khắp đó đây, ông vay được tiền cũng là một sự lạ?



Ông Nguyễn Minh Hồng

NMH: Có lẽ tôi sống cũng không đến nỗi nào. Và lại, phòng khám mở ra là lập tức đồng bệnh nhân tới, người cho vay tiền cũng có cái để trông giỗ bố thóc. Tôi cũng không ngờ các thầy thuốc giỏi, các giáo sư đang bị cơ chế cũ ràng buộc, phần lớn nhàn rỗi và cũng bức xúc vì không có bệnh nhân để khám chữa. Tôi còn phát hiện ra rằng, các thầy thuốc giỏi còn rất có tâm, tôi nghiệm ra: Có Tâm, có Tài thì ắt có Tiến; trong 3 chữ T này, Tâm là quan trọng hơn cả.

PV: Tôi có xem VTV, Chương trình Người đương thời về ông, tôi nhớ là trong vòng tròn Tâm – Tiến, ông dành cho Tiến khoảng rất nhỏ, trong khi Tâm thì lớn; Tôi thích vòng tròn của con ông, bác sĩ Nguyễn Minh Sơn hơn, Tâm và Tiến lan tỏa song song nhau. Nó thật hơn. Nhưng xin sang vấn đề khác. Mở phòng khám 28 B Điện Biên Phủ, Hà Nội; rồi mở Bệnh viện Đa khoa Nguyễn Minh Hồng ở Vinh, Nghệ An. Đang làm ăn phát đạt thế, sao ông lại đi ứng cử vào Quốc hội?

NMH: Bạn bè nói nếu tôi vào Quốc hội thì có thể làm lợi cho bệnh nhân nghèo ở quê hương tôi hơn, tôi cũng thấy như thế. Và lại, trong việc khám chữa bệnh, trong quan hệ giữa doanh nghiệp với chính quyền có nhiều vướng mắc cần tháo gỡ bằng luật pháp, bằng phát biểu trực tiếp. Người mình đứng trước mỗi sự vật hay bàn tán phải thế này phải thế kia, bàn với nhau ở hàng nước, trên salong chứ ít ai chịu nói đến tận nơi cần nghe...

PV: Đó là nhược điểm của tính nết người Việt, có thời có câu "ai ai cũng làm tổ chức" là vì vậy. Nhưng nói cho số đông nghe được là việc khó. Nhà thơ Vũ Quần Phương vào Quốc hội chỉ với mục đích ra được một pháp lệnh (gồm cả phương cách) đầu tư sáng tác văn nghệ sao cho công bằng và hiệu quả; nhưng rồi cuộc sau 5 năm mãn nhiệm, ông ấy vẫn không làm nổi và công tác đầu tư sáng tác sau nhiều lần cải tiến vẫn cứ là "tiền chùng mở rộng".

NMH: Tôi may mắn có đóng góp vào Luật Khám chữa bệnh. Trong dự thảo, khoản trên nói bác sĩ phải có trách nhiệm cấp cứu người bệnh, khoản dưới lại nói cấm chữa bệnh ngoài chứng chỉ nghề nghiệp. Nếu Luật được thông qua, không thực hiện khoản 1 thì phạm luật, nhưng nếu bác sĩ có chứng chỉ hành nghề nội khoa mà cấp cứu tai nạn giao thông (ngoại khoa) cũng lại vi phạm khoản 2; trong khi sau 6 – 7 năm học, những đại cương về nghề mọi bác sĩ đều có học qua. Một điều khác, dự thảo viết Thấy thuốc có bốn phận phải thương yêu người bệnh, rất chung chung. Tôi đề nghị sửa lại là Thấy thuốc có bốn phận tận tụy với người bệnh, cụ thể hơn và có thể quan sát được.

PV: Chứ ai mà đóng đếm được lòng yêu thương? Những người soạn thảo vẫn quen tư duy đức trị và cảm tính, cứ muốn tin vào lòng tốt của con người, trong khi luật pháp sinh ra là nhằm ngăn ngừa kẻ xấu và Luật khám chữa bệnh nhằm răn đe kẻ thấy chết mà không cứu thì lại có khoản cấm người không có chứng chỉ nghề nghiệp (A) khám chữa bệnh (A). Thực ra, cấm cấm các thầy lang không có bằng cấp, không có nghề gia truyền thì phải viết rõ. Khi soạn thảo luật (và các văn bản quy phạm nói chung) mà không đủ tầm, đủ khả năng tiên lượng những ranh ma của kẻ lách luật thì hậu quả khôn lường. Tôi nhớ hồi đầu những năm 90, Nghị định 388 có điều giám đốc doanh nghiệp quốc doanh được toàn quyền với xí nghiệp và nhiều người đã mặc sức tác oai tác phúc với nhân viên, sa thải hàng loạt người lao động cho đến khi bức xúc quá

thì mới có Nghị định khác thay thế. Đó là chưa kể cần rút ra bài học từ Luật cổ phần hóa xí nghiệp quốc doanh của Nga, nó đã làm khánh kiệt tài sản quốc gia, biến một số giám đốc thành tỉ phú và số đông cư dân thất nghiệp. Và một trong các biện pháp phòng tránh những tai ương tương tự, là cần có những nhà soạn thảo dự luật, không nên để các nhà hành pháp dự thảo. Khi bộ A làm luật về ngành A, thì khách quan đến mấy, cũng khó tránh khỏi thiên lệch, các điều khoản có lợi cho người điều hành.

NMH: Nếu lo lắng của anh là sự thật, thì cũng còn có các đại biểu tham gia sửa chữa trước khi thông qua. Trong dự án luật sáp nhập thủ đô, tôi có phát biểu cái ý anh nói. Diện tích thủ đô lớn hay nhỏ là quan trọng, nhưng quy hoạch thủ đô đẹp và khang trang còn quan trọng hơn. Quy hoạch không tốt, thủ đô xấu thì càng lớn cái xấu càng lớn, con cháu sau này nó sẽ đập đi xây lại. Cần có đội ngũ kiến trúc tài giỏi, trong Nam ngoài Bắc hẳn phải có nhiều, ngồi với nhau để bàn bạc chọn lấy một quy hoạch tốt nhất. Mặt khác, cũng cần quy hoạch chi tiết đến tận phường xã và xuất bản công khai, tránh cho văn phòng kiến trúc sư không rơi vào tệ bán thông tin lấy tiền và các văn phòng, công ty nhà đất lừa đảo bằng các dự án ma làm khánh kiệt nhiều gia sản.

PV: Tôi không thể không lo lắng khi số đông đại biểu Quốc hội không chuyên trách, không có văn phòng riêng với những luật sư giỏi được ngân sách trả lương. Với các vị đại biểu Quốc hội là chủ tịch tỉnh, giám đốc sở thì quyền lợi và trách nhiệm thực của họ là ở địa phương, chưa ra đến Hà Nội điện thoại đã réo, xin ý kiến chỉ đạo và thậm chí là ý kiến gờ rõi ở nhà. Ngồi trong nghị trường không thể không sốt ruột, nghị viện các nước tiến tiến họp quanh năm, ở ta xuân thu nhị kỳ đã kêu là họp quá dài. Ấy là chưa kể, các nhà hành pháp khó tránh khỏi việc thông qua một điều luật thiên lệch, có lợi cho nhà hành pháp. Chúng ta ai cũng biết, người cây cần có ruộng, càng nhiều càng tốt, vậy nhưng tôi đã trực tiếp nghe nhiều ông chủ tịch xã trả lời phỏng vấn truyền hình về quỹ đất dự phòng trong Luật Đất đai 1993 (do xã quản lý), là 10 % chứ không phải như dự thảo là 5%. Tương tự, ngành điện làm pháp lệnh điện bắt cư dân nông thôn phải góp tiền làm đường điện, mua công tơ và khi thanh toán tiền điện thì phải trả lương cho một tổ điện tư nhân mấy chục người (làm thuê cho ngành điện) và những thất thoát điện năng có thực và không có thực trên đường dẫn. Nhà nước thu mỗi kw điện nông thôn giá 360 đ, nhưng trên thực tế, nông dân phải trả khoảng 1000 đ; trong khi người nông dân chở gạo vào bán cho thành phố, thì xe (giống đường điện) và cái cân (công tơ) và cả người ập tải bảo vệ gạo tránh thất thoát dọc đường do nông dân phải lo. Sự vô lý ấy đã tồn tại hơn 20 năm rồi!

NMH: Chủ tịch Quốc hội mới đây cũng có lưu ý vấn đề tỷ lệ hợp lý số đại biểu chuyên trách và hai khóa gần đây, với phương cách công khai hóa hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn cho thấy Quốc hội đang tịnh tiến.

PV: Việc Quốc hội công khai hóa quả là một tiến bộ trên hành trình dân chủ hóa đất nước, mang đến cho đời sống chính trị của nhân dân nhiều phần khởi. Có lần tôi nghe chính ông, khi bàn về báo cáo chi tiêu Ngân sách của Chính phủ, có yêu cầu cho biết rõ "số tiền chi đầu tư không hiệu quả, ví dụ lùn sập cầu và các đổ vỡ khác là bao nhiêu, chỉ cho tham những là mấy trăm mấy ngàn tỉ, để cử tri biết mà cố gắng chống tham nhũng" khiến nghị trường rào lên cười. Cử tri theo dõi TV hẳn cũng rất phấn khởi. Nhưng ông có quan sát thấy rằng, chỉ những đại biểu hoặc chuyên trách, hoặc đã nghỉ hưu mới hay phát biểu, chứ còn các vị hành pháp kiêm nhiệm thì không thấy chỉ ra những khiếm khuyết mà, như ông làm nghề y biết rất rõ những tiêu cực của ngành y, biết rất nhiều? Còn một điều nữa, xin coi như một nguyện vọng của cá nhân cử tri gửi đại biểu Quốc hội Nguyễn Minh Hồng, xin ông thưa lại trong kỳ họp cuối của QH khóa XII. Thưa ông, tháng 8 năm 1945, Hội nghị Quốc dân đại hội ở Tân Trào, có thể coi như tiền thân của Quốc hội cả thầy hội nghị có trên 60 đại biểu, thì 4 người là văn nghệ sĩ (15%). Vì sao lại nhiều thế? Vì bấy giờ Đảng và các nhà cách mạng coi tuyên truyền giác ngộ cách mạng là lực lượng chủ yếu của mình? Hẳn rồi, nhưng cũng còn vì coi văn nghệ sĩ là rường cột của dân tộc. Họ lấy khát vọng tự do dân chủ của mình làm men mà chung cất khát vọng dân chủ của dân nước. Phải chăng văn nghệ sĩ bây giờ chỉ còn là cỏ cho vui?

TUỆ NHI thực hiện

NĂM 2006, tôi ra thăm anh bạn ở một xã cách Vũng Tàu chừng mười km về phía bắc. Chuyển đi nhằm dự kiến giúp bạn giải quyết chuyện học hành cho sắp nhỏ. Một nhà có tới hai cháu rồi trường phổ thông với điểm thấp nên tụt hậu sau các cuộc thi. Trong dự cảm của tôi, anh em sẽ phải trao đổi rất kỹ về các cháu. Con anh thuộc diện sắp vào đại học nhưng chưa đứa nào biết nấu cơm cả! Nhưng, suốt buổi chiều đó, tôi cứ phải giữ phép lịch sự nghe giới thiệu về tiềm năng mảnh đất vốn cần cỗi bấy nay giờ nằm lọt thỏm trong một hành lang phát triển. Chỗ này anh đang "cơ cấu" thành 5 khu đất và sẽ đầu tư xây biệt thự với giá vài chục tỷ đồng. Anh hào hứng kể về các dự định, nhất là dự định mua hẳn một chiếc Lexus hơn 3 tỷ "để cho thằng em họ hợp hình" ngoài Đà Nẵng về biết mặt!

Một lần tôi được mời tư vấn cho gia đình kia khi họ vừa thua một vụ kiện hy hữu. Họ bị cả hai hộ dân kế cận, chung tường kiện và thua kiện vì chiếm của mỗi

Dream gây án mạng cho người bị cướp. Theo đó, tôi mở tiếp vài tờ báo này những năm 1998-1999 thì thấy tình hình tệ hơn, có tới 20 vụ cướp điện thoại di động trong một tháng. Thời đó, loại máy Motorola star tax nhỏ, màu đen, màn hình đen trắng là "thời thượng", là "mục tiêu" để cướp giật, nhiều khi để đổi mạng sống mà bây giờ nếu có, cho chưa chắc ai lấy.

Hồi viết bài "Xuất khẩu tiền mặt" trên báo Tuổi trẻ TP HCM, để tìm một đại lượng thật, tôi mượn vợ vài chục triệu để...cân. Thì thấy, mỗi kg tiền loại 20.000 đồng hiện hành, chỉ là hai chục triệu. Bây giờ, nhẩm tính lại, thấy một ông "bành" cùng phe nhóm xới đứt vài ngàn tỷ của nhà nước qua vụ ở Bộ N, tỉnh H, tập đoàn V...nguyên phần của vị này, phải chở bằng xe tải tiền mới hết. Nếu ngồi đếm bằng tay, có lẽ cả họ nhà ông này cứ ăn rồi đếm, đếm đến mỏi tay, ù tai hoa mắt hàng vài năm chưa hết!

Tiền ấy phải mua nhiều căn hộ, đầu tư nhiều phương tiện để giữ tiền và sinh lợi, nói tóm lại là cứ bạc cả đầu ra. Tôi

này, việc đem được hết mở sắt vụn ra khỏi vùng này xem chừng cũng còn mệt! Bao nhiêu sự nghiệp tan tành. Những chiếc xe hơi đời mới, còn nguyên đèn tín hiệu (chắc cả chủ xe) trôi dạt tùm tùm vào nhau như vỏ dưa ven chợ chiều hoặc bẹp dùm dưới bức tường đá vừa sập xuống. Những tòa nhà lớn bốc cháy ngùn ngụt. Nhiều tòa ngang dãy dọc bị đẩy trôi, tuấn tự như tiền, sống ẩn đi đâu, dạt theo đó. Sân bay Senda trở thành bãi rác đất tiền nhất thế giới với đăm cái máy bay thể thao, gần trăm cái xe ô tô con hạng sang và vô số củi đuốc, gỗ lạt nướng tựa vào nhau trong bùng bùng nhùng nhùng đất. Tôi thối hế một ý nghĩ bất ngờ.

Tôi bốc máy, gọi anh bạn là Giám thị một trại giam, nơi tạm lưu cư của những "nguyên" thứ trưởng này, tổng giám đốc kia, trưởng chi nhánh ngân hàng nợ chờ ra tòa và nói: Bây giờ, nếu cơ quan cảnh sát điều tra lấy những khúc phim, những hình ảnh bên Nhật vào trại giam, chiếu cho các "nhà" tham những loại cộm cán xem, có khi sẽ tạo được tác động tốt. Từ

dùng chờ phân ra ruộng, xem đoạn phim này sẽ ăn hận biết bao, việc làm của họ vô nghĩa biết bao. Ông bạn đang cay cú vì mất hơn trăm triệu đồng bồi thường cho chín phần đất kia, kể cả người thắng ông ta, kể cả "ông Tòa" chắc cũng tỉnh ra nhiều khi thấy rất rõ, rất nét một điều gì đó từ những hình ảnh ở Nhật Bản hôm qua!

Trong lý thuyết nhà Phật, có một câu: Khi ta chết đi, ta chẳng còn gì ngoài những thứ ta đã cho kẻ khác. Có lẽ, trong nhiều nguyên nhân khiến tệ tham nhũng phát triển, có một nguyên nhân là các "nhà tham nhũng" chưa thấu được lời hiền triết ấy, cũng như chưa thấy cảnh sống, lửa và những sự đổ vỡ hôm qua tại Nhật Bản! Mới hay, tại sao Bill Gates vĩ đại, trong dự cảm của mình, chỉ để cho con ruột không đến một phần vạn tài sản của ông, số còn lại để làm từ thiện. Trong khi đó, Roman Abramovich có lúc rất đau đầu vì phong độ của đội bóng Chelsea tụt dốc, cổ phiếu của mình giảm vài vạch. Rất may cho ông này, chiếc du thuyền vĩ đại của ông không

TỰ THÁN SAU THẢM HOẠ NHẬT BẢN

NGUYỄN HUY CƯỜNG

bên... 9cm chiều ngang đất (bằng chiều dài một bao thuốc lá). Nguyên khối nhà này là của nhà nước cấp trước đây. Hai hộ xây nhà trước, khi đập tường để xây đúng phân vạch thì bị chính nhà này phản đối (về nguyên tắc, nhà này có lý) và hai nhà kia thua, phải xây lùi về sau bức tường chung. Đến lượt nhà này xây đương nhiên thừa hưởng diện tích hơn hai nhà hàng xóm chứa lại 18cm đất x 14m chiều sâu, cả thảy hơn... một mét vuông đất. Bên kia kiện lại, bên này khó chứng minh vì lẽ gì nhà mình rộng hơn nhà khác 18cm khi trong giấy tờ gốc các hộ có chiều ngang thống nhất là 4m như nhau. Hơn nữa, khi xây cũng là kiểu xây tự phát, không có phép tắc gì nên cũng khó minh oan.

Vụ kiện này bên nguyên cũng nhận được sự ủng hộ của "ông Tòa" và ông Tòa này cũng không sai, án tại hồ sơ nên dễ quyết. Cuối cùng, nhà kia phải "ra" 120 triệu đồng cho 9 phần ngang đất mỗi bên (giá đất tại khu vực tranh chấp khoảng 70 triệu/m²)! Sau đấy, hai nhà này nhìn thấy nhau hàng ngày nhưng nhìn bằng ánh mắt thù hận ngút trời, ngáp đất! Ông chủ sự vừa thua cuộc bậm môi nói với tôi: "Em thế có bác, "nó" ăn của em trăm triệu này sẽ phải nôn ra máu, tháo ra huyết chứ đừng tưởng ngon". Câu nói hàm chứa một âm mưu trả hận khủng khiếp.

Một lần, nghỉ tại một khách sạn tư trong con hẻm nhỏ ở Hà Nội, sớm ra tôi nghe lỏm được câu chuyện của ông hàng xóm đối diện với nhà chủ. Câu chuyện rằng, ông đang rất "cay" khi không mua thêm được miếng đất 52m² giá 7 tỷ đồng kể nhà ông. Ông này về, chủ khách sạn chép miệng: "Coi vậy nhưng cha mẹ, anh em nó ở quê cả lũ bần hàn. Đàn cháu ra làm thuê quanh đây, khó khăn muốn vay mượn dăm triệu bạc lúc gặp khốn khó mà... nó thì có mỗi đứa con 6 tuổi". Hôm qua có việc, tôi giờ lại tờ báo Công an TP.HCM những năm 90 đọc, tình cờ phát hiện những dòng tin thú vị: ở 3 số báo liên tiếp trong một tháng, có đến 11 vụ cướp xe Dream. Có vụ cướp bắt thành, kẻ cướp bị người dân bắt được lỡ tay đánh chết. Có vụ là tin thi hành án tử hình, kẻ lia đời là đối tượng cướp xe



quen sơ sơ một vị thuộc nhóm này, đã có lần chứng kiến, ông xoi một tờ phở sáng, phải dùng sáu lần nghe điện thoại với đủ mọi cung bậc cảm xúc: xu phụ có, mơn trớn có, dọa nạt có, bực bội càng có! Như vậy cũng là một nỗi khổ...

Nhật Bản 11 tháng 3 năm 2011

Những chiếc tàu biển dài gần trăm mét sang trọng, chắc giá trị cả ngàn tỷ đồng VN bị sóng thần đẩy ào ạt vào sâu trong thành phố rồi nằm kênh tại đó sau khi lăn vài vòng như trái dưa chuột. Mai

đây, họ sẽ thấy những tòa ngang dãy dọc, những du thuyền mơ ước, những Camry, Lexus chẳng có ý nghĩa gì. Sau đó, chắc quá trình khai báo, cũng là khai tử những mỏ tài sản đang chiếm đoạt, chiếm dụng sẽ dễ dàng hơn. Người khai ra được cũng nhẹ nhàng hơn. Và lúc này, ông bạn tôi ở Vũng Tàu chắc sẽ bớt hứng khởi đi khi thấy khu đất của ông đẹp thật nhưng chỉ cao hơn mặt biển 5mét và thấp hơn ngọn sóng thần ở Nhật hôm qua 10 mét! Những kẻ cướp cái xe máy Dream mà bây giờ nhiều nông dân ở Long An chỉ

có mặt ở vùng biển Bắc Nhật Bản hôm 11/3 vừa qua! Năm 2008, tôi ra Hà Nội công tác đúng dịp rạp Tháng Tám chiếu bộ phim Mỹ *The day after tomorrow* (ngày tận thế), có bối cảnh y hệt Nhật Bản vừa qua. Xem xong lần thứ nhất, tôi mới thêm dăm cặp vợ chồng bạn bè thân hữu đến xem. Buổi cả phê sáng hôm sau, chúng tôi cùng ngồi trong tâm thái thần thiện hơn, dung hòa hơn, yêu thương và thông cảm với nhau hơn.

Tết rồi, từ Sài Gòn về thăm quê Bắc, niềm vui lớn nhất của tôi là được chứng kiến một điều khác thường. Một vị chức sắc lớn ngành Ngân hàng, đã vận động nhiều khả năng để về quê hương Tĩnh Cương, Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ xây cho quê một ngôi chùa khang trang và đem tới cho bà con 500 phần quà tết, mỗi phần 20 kg gạo. Nghĩa cử ấy đã đáng trân trọng nhưng còn một nét đáng quý hơn là trên tấm bia ghi tạc công đức, không hề có tên ông. Ông cho ghi trên đó rằng ngôi chùa do con cháu dân làng góp công xây dựng. Rồi vài thế hệ nữa qua đi, có thể khách vãng lai đến thăm chùa, sẽ không biết được có một con người vì nghĩa cả là ông nhưng người ta mặc nhiên ghi nhận: có một làng nọ, con cháu tử tôn đoàn kết, biết tôn vinh Thần Phật, dựng lên một ngôi chùa....

Cũng như hôm nay, cả thế giới nghiêng mình, không phải vì một nước Nhật có công nghệ tiên tiến mà là một phẩm chất thật sự cao quý: khả năng vượt qua thảm họa thiên nhiên, sự kết nối những giá trị cộng đồng ngay trong những lúc khốn khó nhất.

Trong khi đó, thật buồn khi người ta dăm đạp lên nhau, chen ép nhau để xin một *triệu ăn vua* Trấn, để hồng mau giàu, chống lên quan lên chức, để có những du thuyền, Lexus, Camry....

Hôm nay, mười ngày sau thảm họa tại nước Nhật xa xôi, xin được chia sẻ vài điều suy ngẫm... Sâu tận đáy lòng vẫn biết những dòng viết trên chỉ là những cảm xúc nhân văn và hoàn toàn chủ quan, nhưng suy cho cùng nếu không nói ra vấn cứ ăm ứ làm sao ấy. Thảm họa là một bất hạnh của con người. Nhưng đôi khi nó lại giúp cho con người nhận ra một điều gì đó để sống cho tử tế hơn.■

LÊ VINH THÁI

Gửi người bạn ở đất nước hoa anh đào

Thế giới bàng hoàng
đất rung
sóng thần
Iwate, Miyagi, Fukushima, Ibaraki, Chiba
chim dưới bùn đen
đứa trẻ tìm cha
bàn tay tìm hơi ấm
hơn hai mươi ngàn người tức tưởi
im hơi...

đất rung
sóng thần
nổi buồn chưa nguôi từ Kanto, Hokkaido, Kobe...
hàng triệu trái tim
hàng triệu đôi mắt
hàng triệu lời nguyện cầu
hàng triệu...

động đất, sóng thần
mất mát
bão lũ, thiên tai
vết đau...

bão lũ qua
miền Trung khúc ruột
năm 1953, 85, 99... năm 2010
tan hoang
cha mẹ, anh em, bè bạn không lời già biệt
khân trắng trên đầu...

ngày thảm họa
chia nhau đốt lửa, chở nhau đi bằng niềm tin
giờ trở về ngôi nhà đổ nát không người
sau một chiều...
nhưng sau một chiều
cụ già vực dậy dưới lớp hoang tàn
người người vượt qua sóng dữ
tiếng khóc của em bé vang lên trong lòng vùi dư chấn
thả vào không trung nhịp đập hàng triệu con tim...

chối non sẽ lên
trong câu hát Sakura
cùng ánh mặt trời...

**Cho con về lại một ngày**

Kính dâng Ba

Con nghe chiếc đồng hồ trong lồng ngực ba tích tắc
mười hai giờ khuya
rộn rã cơn đau nhói dưới sông lưng
nhịp tim ba thôi thúc
đau từ con, từ cơn mơ chưa hề báo trước

mỗi sáng chở ba
trên chiếc xe cha con mình nói về đứa cháu nội mà ba
chưa một lần rầy máng
về mấy đứa em con đang ở xa, ba từng ngày mong nhớ,
hẹn rồi mà chưa được vào thăm
chưa một lần...
giờ
bà con họ hàng đưa tiễn
ba không dựa vào con

ba đi
không còn ai đợi cửa chờ con mỗi lần vắng nhà và về lúc
thâu đêm
đất mùa này lạnh lắm
trên đồi hoang chỉ cây và gió và tiếng suối róc rách
ba nằm
cơn mưa xối xả vào con, vào nỗi buồn không thành tiếng
ba không nhìn con
ba nhìn về một nơi trong khung hình nhỏ
mình con nắm bắt lời xưng tội
trước ba

QUANG CHUYẾN

Bây giờ và ngày ấy...

Tình yêu sao khác tình yêu
Ai còn lấy nghĩa cô Kiều cân đong?
Tô Thị ơi... Ôi ngóng trông
Còn ai hoá đá chờ chồng như xưa?...

Bây giờ mưa khác cơn mưa
Đến đi bất chợt sáng trưa vội vàng
Bến sông cầu nối qua làng
Nào ai lỡ chuyến sang ngang đò đầy?

Bây giờ mây cũng khác mây
Phải chỉ trời đất đổi thay sắc màu?

Thuyền thấp thoáng bóng bướm nâu
Con thuyền ngày ấy... về đâu... con thuyền?...

Tiếng chim lịch chích bay chuyển
Đạt theo tiếng hót về miền vắng chim
Trời thăm thẳm nhớ hay quên
Đâu con diều sáo chao nghiêng lệch trời?

Tôi giờ như thế khác tôi
Vòng quay ý nghĩ lần nơi mặt đường
Bây giờ ai viết thơ sương
Ở nơi siêu thị khai trương bán hàng?...

Hoài niệm lời ru

Lời ru thưa thớt dần dần
Câu ru quên ý, lạc vắn rưng rờ
Thoảng thì gặp giọng à ơi
Khuất trong xa vắng đất trời chốn quê

Nhờ ơi kéo kệt tiếng tre
Đầu thuyền ghech bến chờ nghe sông hò
Nhờ ơi guốc vồng mòn trơ
Trăng say giấc ngủ nằm mơ hiện nhà
Nhờ ơi tiếng mẹ, lời bà
Câu ru thuở ấy đã xa theo người!...

Con tôi giờ khác thời tôi
Nặng con chẳng mượn nhờ lời ru xưa
Sáng chiếu mẹ đón, cha đưa
Cháu vào nhà trẻ lúc vừa "thời nôi"
Nếp ăn, nếp ngủ, nếp chơi
Nên mầm, nên lá, nên chồi ước mơ

Nào ai còn nhớ tiếng ru
Sông trôi, nước chảy bây giờ về đâu?...

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Thơ dặn riêng

Anh có danh hay anh có thơ
câu hỏi ăm ờ, có phải?

Thế sự làm người ta yếu đuối
cây thập tự nặng hơn thời đấng Ky-tô.

Anh viết dăm bài, anh viết ngàn trang.
Hay dễ khen chê cái vòng luẩn quẩn.
Thơ là thơ, dẫu nghiệp hay nghề
đều khô như giản đơn mọi việc.

Nhiều định nghĩa thường xuyên biến dạng.
Cái bóng của anh không thể ngồi yên lặng.
Sau khi tan vào những gì xa lạ
Anh thấy gương mặt mình trên vách tường cảm.

Bí kịch hay hài kịch đều phải dàn dựng
bằng tất cả máu của đời anh.
Đốt hết bao nhiêu cánh rừng năm tháng
Còn chút xá - lợi - thơ hay chỉ tro tàn?

Về một điều vô nghĩa

Đôi lần, tôi đã biết
không khi là thức ăn.

Hơn nửa tháng ngồi - xe - ngủ - mây - lạnh
trái tim nhờ căn nhà của nó.
Và tôi đau.

Quê nhà lắm bụi
cũng chen đua nóng lạnh giết giành
nhưng sau 24 giờ được đắm trong chốn thân quen
tim như cá về ao đầm cũ.

Không khi là những sớm mùa đông cả phê cùng bạn
những chiều với mây không biết để làm gì
những đêm và rào cản vượt qua...

Thực ra, không khi là bữa cơm quê mùa lũ
với ánh con tép đỏ nơi cái đĩa đất sét
giữa mở cá vụn. Ngày ấu thơ.

TRUYỆN NGẮN
DỰ THI

NHỮNG CÁNH CHIM LẠC

Truyện ngắn dự thi của HOÀNG THÁI SƠN

Đã từ lâu tôi có thói quen, cứ đêm đêm, trước khi đi ngủ, thường xé tờ lịch tường ngày cũ, liếc mắt qua tờ lịch hôm sau một cái rồi mới lên giường buông màn, và có lẽ vì vậy chẳng nên tôi có thể đi vào giấc ngủ khá ngon lành với một thoáng vui ngày mai chớp đến trong trí não. Mọi chuyện tưởng cứ thế êm trôi, nhưng bước sang năm nay, tâm trạng dần dà dăm ra ngày càng bấn loạn, tuy chưa đến mức bất an, nhưng quả là không còn được như xưa; tất cả lại chỉ vì những tờ lịch đáng yêu.

Tết năm nay, tôi được một anh học trò cũ khá thành đạt đang làm ăn xa mang biếu một cuốn lịch treo rất to và rất đẹp, nặng hơn kí, màu sắc rực rỡ. Tôi treo cuốn lịch lên tường đúng nơi lâu nay vẫn treo; và đêm đêm lại xé lịch rồi đi ngủ. Thế rồi một hôm, tôi quan sát kĩ các

ấy nhiều lần, bởi những giải thích của các nhà chuyên môn không làm tôi thoả mãn. Có ý kiến cho rằng đó là hình ảnh con người ngược thời gian trở về với tổ tiên; thậm chí có người còn cho đó là người xưa mô phỏng theo chiều tự quay của trái đất! (Họ quên mất sự tích chiếc bánh chưng - hình ảnh của mặt đất vuông đứng yên một chỗ, còn mặt trời đi từ đông sang tây, theo quan niệm con người thời Hùng Vương; đó là chưa nói bên phương Tây, mãi cuối thế kỉ XVII, Giáo hội vẫn còn trị tội Galilée về thuyết "quả đất tròn quay quanh mặt trời" mới mẻ và đúng đắn)... Như vậy rõ ràng con người đời nay đã vô tình gán cho con người buổi sơ khai lối tư duy khoa học giả dạn của mình, trong lúc họ chỉ biết hồn nhiên tưởng tượng mọi thứ với trí tuệ của tuổi thơ nhân loại... Dẫu sao mặc lòng, những gì người xưa để lại vẫn vô

chàng?

Cụ già mỉm cười:

- Ta người xứ này, tức đồng hương cùng nhà người thôi. Ta khuất mặt trần gian đã ngót ba ngàn năm nay, giờ mới tái xuất!

Nghe thế tôi càng trở nên mất hết tinh thần, dù tôi được mọi người coi là kẻ to gan.

- Đừng nhìn ta thế, cũng đừng sợ - Ông tiên động viên tôi - Ta là Tù trưởng xứ Đoài, người đời gọi ta là Lạc Đoài, đứng đầu một xứ dưới thời Tổ vương danh giá của nước Lạc Việt. Ngày nay thiên hạ lập đến thờ, rồi còn chọn ngày Giỗ Tổ vua Hùng làm ngày quốc lễ nữa chứ gì? Thật tuyệt vời!... Gần tháng nay đêm nào ta cũng thấy người trần trọc, khiến ta phải tìm gặp. Vì sao người mất ngủ? Có phải người ngạc nhiên và lấy làm buồn về hình những con chim Lạc

trống?

- Thưa... rất đẹp ạ.

- Còn cách sắp xếp?

- Thưa... dù các trống đồng được làm ra ở nhiều xứ sở và thời gian có khi rất xa nhau với độ to nhỏ, cao thấp và các hoạ tiết cũng không giống nhau nhưng tất cả đều cùng một hướng bay tới, đi tới. Đó là hướng ngược chiều kim đồng hồ.

Tù trưởng Lạc Đoài dương mắt:

- Ngược chiều kim đồng hồ là nghĩa làm sao? Tổ vương của ta gọi đó là hướng "thuận thiên - hợp địa", chứ đồng hồ là cái chi chi?

Tôi phải mất một lúc để giải thích cho con người ba ngàn năm trước về cái đồng hồ thời ta sống cũng như khái niệm thời gian, xưa, nay... Nghe xong, Tù trưởng gật đầu ra ý hiểu, rồi kể tôi nghe mọi chuyện, từ việc khai thác, đến kĩ nghệ đúc đồng ở các làng nghề, việc



Minh họa của LÊ TRÍ DŨNG

hình vẽ trên tờ lịch, thấy trên đó có hình mặt một chiếc trống đồng Đông Sơn, dù in chìm ảo mờ song nhìn lâu cũng nhận ra mọi chi tiết. Tôi giật mình khi bỗng thấy người làm lịch đã phạm một lỗi không nhỏ. Đó là tất cả hình chim muông, thú vật, cho đến con người trên mặt trống đều quay theo chiều kim đồng hồ quanh hình ngôi sao ở giữa; trong lúc trên tất cả những chiếc trống đồng xưa tìm thấy ở Việt Nam, thì những hoạ tiết nổi trên đều được vẽ quay ngược chiều kim đồng hồ. Điều này hẳn không ai không biết.

Đứng trước những gì người xưa để lại, lòng chúng ta dễ trở nên trẻ thơ, sẵn sàng tìm thấy trong đó vẻ đẹp, ý nghĩa của nó, dù nhiều khi không khỏi nảy sinh những câu hỏi. Hình ảnh những cánh chim Lạc bay ngược chiều kim đồng hồ nói lên điều gì, vì sao không bay theo chiều ngược lại? Tôi tự hỏi câu

cùng hấp dẫn, bởi vậy nếu ai đó làm khác đi, thay đổi đi, tự nhiên ta dăm ra thấy bất bình...

Tôi xem kĩ, đến tận tờ lịch cuối cùng của năm, và thấy không hiểu sao lại thế. Vì sao đàn chim Lạc ở đây bay xuôi? Cái câu hỏi ấy vẫn vương mãi trong tâm trí khiến tôi sinh ra cứ thao thức mãi.

Thế rồi một đêm, lúc đó đã gần sáng, tôi vừa chợp mắt, thì thấy một bóng hình xuất hiện bên giường. Đó là một ông già dáng dấp kì dị, mình trần xăm vài gai, đóng khố, chân cũng đi dép vải, râu tóc trắng xoá, trên đầu cắm ba chiếc lông chim bạch hạc, tay chống gậy trúc... Tôi nghĩ mình gặp Tiên chăng? Thoắt sau, tôi cùng cụ già đã đứng giữa một cánh đồng; và câu chuyện giữa hai chúng tôi được ghi lại sau đây là tôi đã "chuyển ngữ" thứ lời ăn tiếng nói cách nay ba ngàn năm thành câu chữ bây giờ.

- Dạ... thưa... Cụ là tiên giáng trần

trên mặt trống đồng trong cái tờ lịch người ta vẽ bầy bay ngược chiều với cái chiều như vốn dĩ xưa nay vẫn thấy trên những chiếc trống đồng phải không? Đáng quý thay hậu thế có kẻ còn biết trần trọc vì tổ tông đã mịt mờ trong sương khói... Ngót ba ngàn năm trước, lúc đó ta đang tuổi tráng niên, ta cũng đã phải mất ăn mất ngủ vì những cánh chim ấy đấy.

Tôi quỳ mọp xuống đất, hai bàn tay ôm gối vị Tù trưởng. Thấy vậy, Tù trưởng Lạc Đoài cúi tôi đứng lên, nói tiếp:

- Ta nghe nói đầu đầu cũng đào được trống đồng. Ngày nay thiên hạ đã đào tìm được mấy loại trống đồng?

Tôi vận hết trí nhớ, kể ra một loạt, nào trống đồng Đông Sơn, trống đồng Ngọc Lũ, trống đồng Làng Vạc, trống đồng Phú Phương...

- Thế người có nhận xét gì về các vũ nữ, vũ sĩ cũng như chim muông, hổ báo, hươu nai, các con thuyền vẽ trên mặt

chọn mẫu hình... Tất cả mười mấy vị tù trưởng của các xứ đều được Vua Hùng vời đến cung vua để bàn bạc. Mọi việc tiến triển tương đối nhanh; nhưng đến khâu trang trí trên mặt trống mới rắc rối, bởi phải thể hiện ở đó bộ mặt, sức sống, bản lĩnh, đặc điểm của đất nước, chứ đâu chỉ là chuyện vẽ vời tầm thường chim thú cho vui.

Cuộc họp bàn, nói như ngày nay là rất sôi nổi, rất dân chủ, ai có cao kiến gì cứ nói thẳng. Thế là các tù trưởng đều có ý kiến. Người bảo nên cho mọi thứ quay ngược, kẻ nói tốt nhất là quay xuôi... Kết quả là mười mấy vị tù trưởng chia đều hai phe, nhà vua cũng không thể đứng về một phe nào cho nặng đồng cân có tính quyết định như chuyện bầu ban ngày nay! Đúng là thời Nghiêu Thuấn! Đang lúc chưa biết nên thế nào, thì đám thị tì bước ra nói nhỏ vào tai nhà vua là đã rất khuya rồi, Người phải giữ gìn long thể;

vậy là nhà vua thấy tay, đứng dậy bảo mọi người đi nghỉ.

Sáng hôm sau, nhà vua thức dậy sớm. Sau khi khoác áo, vấn khăn, thấp nhang, đốt trầm lên bàn thờ Tổ, Người liền cho gọi các tù trưởng ra sân rồi dẫn lên một ngọn đồi cao trước hoàng cung. Từ đó có thể trông ra bốn phương tám hướng với phía trước là đồng rộng mênh mông có dòng sông xanh biếc chảy qua, xa xa là núi non trùng điệp, và trông về xuôi có thể thấy mờ mờ sương khói nơi mặt biển phẳng lì gợn sóng...

Khi ai nấy đã đông đủ, Vua Hùng bảo tất cả quây quanh Người, rồi nói:

- Trẫm đưa chư vị lên đây để hai con mắt sáng ra, chứ cứ cả ngày ngồi đằng sau màn the trướng gấm, hỏi phỏng còn thấy gì!

Các tù trưởng dạ ran. Thế rồi nhà vua bảo hãy ngó ta làm sao, thì chư vị cứ làm theo, và trả lời các câu hỏi của ta cho mạch lạc. Các tù trưởng đến gần hơn đằng sau lưng nhà vua, sẵn sàng đợi lệnh như năm kia đợi lệnh Người xông lên đánh tan đám rợ lùn, mặt to, da sẫm, trăn trướng tứ ngoại biển bời thuyền da cá sấu tiến vào đất liền cướp phá.

Nhà vua, đầu ngẩng cao, chậm chậm quay người nhìn ngược nhìn xuôi nhìn trên nhìn dưới, rồi đứng lại ở hướng chính Nam, đứng im như nín thở. Đôi mắt mở to, không chớp, Người hỏi:

- Đây là phương nào trong bốn phương tám hướng của trời cao đất dày, chư vị?

- Kính cẩn thưa... Phương Nam ạ.

- Phải rồi - Người hỏi tiếp - Dân Lạc Việt chúng ta nên nhìn về phương Nam hay quay lên phương Bắc?

Mọi người đồng thanh hô "Nhìn về phương Nam! Nhìn về phương Nam!".

- Nhớ lấy mà truyền lại cho con cháu ngàn đời, nghe chưa!

Tiếng dạ ran ran lúc một to. Nhà vua lại hỏi:

- Tổ tiên ta dạy ta kính nghiêm dâng thờ cái gì? Chư vị nói ta nghe?

Mọi người trả lời rõ ràng quan niệm tôn giáo của dân Lạc Việt là tục sùng bái Mặt Trời và Chim vật Tổ. Nghe thế, vua Hùng mừng lắm, mới hỏi vậy bây giờ từ phương chính Nam, ta nên quay theo hướng nào để đón được Mặt Trời mọc? Hướng đông hay tây?

- Kính cẩn thưa... theo phía tay trái, quay về hướng Đông, về hướng Đông!

- Chỉ phải! - Nhà vua nói đồng thanh - Phương Nam và Mặt Trời! Phương Nam và Mặt Trời! Bớ dân Lạc Việt! Đó là con đường đi tới của chúng ta! Quay... trái!

Dứt lời, Nhà vua đang thẳng hai tay, rồi từ từ quay mặt dần hướng trái, về phía Đông, nơi mặt trời đỏ như quả cầu lửa đang từ từ dâng lên khỏi mặt biển. Khuôn mặt phúc hậu của Người tràn ánh nắng ban mai của mùa xuân. Rồi cứ thế, nhà vua chậm rãi quay một vòng tròn trên hai bàn chân trụ của mình. Bây giờ đang đầu tháng ba, hoa đang thắm tươi trên cành, cỏ non mơn mớn khắp ruộng đồng bát ngát...

Các tù trưởng nhất nhất làm theo nhà vua: Hai tay đang thẳng, rồi từ hướng chính Nam, quay trái dần về phía Đông nơi có mặt trời đang lên trên biển cả thấp thoáng mấy cánh chim, từ đó lại quay lên hướng Bắc, rồi quay tiếp về phía hướng Tây, rồi quay trở lại nơi xuất phát ban đầu là hướng Nam. Những cái vòng tròn quay theo hướng Nam-Đông-Bắc-Tây hình thành từ các tù trưởng. Nhà vua vỗ tay bảo quay tiếp, quay nữa. Nhìn cảnh ấy, trong suy nghĩ của bậc hiền minh chợt trào dâng hình ảnh một đàn chim Lạc đang bay quanh Mặt Trời theo

TẢN VĂN

DÂY PHƠI VỎ BƯỞI

VI THUỖ LINH

TÔI sắp sang trung niên, 4/4, tròn 31 tuổi đời. Phương Tây kiêu hãnh tuổi, nhất là với phụ nữ. Giấu hay giảm tuổi làm gì; phải đối diện, đón nhận sự thật ấy, là cách "biết sợ" thời gian và để quý từng ngày sống.

Loáng cái đã qua rằm tháng Hai. Quả bưởi cúng mâm ngũ quả giờ mới đem ra bỏ. Cuoống rụng, da héo, mùi khô bốc. Thế mà áp Tết cô hàng bưởi thể bối "đích thị bưởi Diễn". Danh "bưởi Diễn cam Canh", ở chốn ven đô, bị mạo danh ngay tại chỗ, không khác tỉnh Phú Thọ bán bưởi "giả" giữa Đoan Hùng.

Tôi ưa bưởi loại hơi chua dòn dốt, vị chua dịu hợp với bà nội tôi. Bà mắc bệnh tiểu đường 15 năm cuối đời. Dứa, dâu tây và bưởi là những trái cây tôi vẫn mua cho bà, vì báo in lời khuyên bác sĩ, ăn mấy thứ quả này tốt lắm.

Trước Tết, bắt gặp hàng dâu tây bày khay gỗ đặt trên xe thổ đi bộ rong dọc phố Cầu Giấy, tôi cũng người nhớ bà tôi. Một quả dâu rơi xuống đường. Đang đạp xe, tôi cúi xuống nhặt. Không muốn bánh xe ai vô tình nghiền nát. Điện thoại di động rơi mà không để ý, về đến nhà, mới phát hiện ra. Gọi vào, máy tắt. Tất nhiên, sẽ chẳng có cơ hội cuộc lại. Chiếc máy thứ 17 bị mất.

... Mỗi tuần, tôi thường đun bồ kết, vỏ bưởi gội đầu cho bà. Bà ngồi trong khoảng sân nhỏ, cúi đầu xuống, tôi dội nước, xát chanh tươi, gãi cho bà. Bà yếu, phải diu lên cầu thang hay mỗi khi đứng dậy, ngày ngày ngồi phòng khách. Chỉ lúc gội đầu, bà ra ngoài trời. Bà thích tôi gội đầu và kỳ lưng lúc tắm. Trước kia, bồ kết nguyên quả nướng rồi bẻ vào nồi đun. Mấy năm nay, bồ kết xay cho vào túi lọc (kiểu gói trà Lipton) thật tiện. Sân nhà tôi có cái dây phơi bằng đồng, chuyên để phơi khăn bông lau mặt cho bà, cuối dây là những chuỗi vỏ bưởi. Bà hay bị chảy nước mắt, đã mổ thay thủy tinh thể 10 năm, nhưng thường xuyên phải chấm khăn mềm, loại khăn cho em bé.

Miền Bắc trước kia bưởi có mùa, dịp Thu mới rộ. Lũ trẻ ngày ấy thu thập hạt bưởi phơi khô, bóc vỏ hạt, xâu dây thép đốt đêm rằm trung thu. Bây giờ, chẳng đứa trẻ nào làm thế. Cũng chẳng mấy người đun vỏ bưởi gội đầu, khi bị bùa vây bởi hàng trăm loại dầu quảng cáo "tuyệt hảo" rờn rã ti vi. Bà bảo, gội bồ kết vỏ bưởi xát chanh, là sạch và thơm nhất. Tôi tin bà, lại chẳng đủ kiên trì mà giữ nếp truyền thống ấy, quen ra hiệu gội (mất 45 phút/lần).

Bưởi trong Nam bán ra Bắc quanh năm, nên không lo thiếu vỏ. Mùa Hè, những dây vỏ bưởi khô quắt, mẹ tôi gom lại đầu dây phơi dưới hiên, tránh mưa, mốc. Thế mà chỉ vướng nước mưa hắt, là liền mốc đen. Lại phải vứt hết và phơi những chuỗi vỏ mới.

Mẹ tôi thỉnh thoảng mua bưởi cho bà và cả nhà ăn, vỏ không đủ gội. Tôi thích tích một dây nhiều chuỗi vỏ, cho bà vui. Bà hay tích gom nhặt, để dành. Hàng tuần, đi đường, thấy hàng bưởi rong, tôi dừng lại, mua ít nhất 2 quả, có lần

6-7 quả, lấy cổ xin thêm vỏ mà chị xe thổ treo la liệt đầu ghi đông. Chị cho thoải mái, có chị chỉ cho 1 - 2 cái, bảo hẹn cho bà khách quen rồi, bà ấy đun uống (chẳng biết nước vỏ bưởi tác dụng gì, nếu biết chắc có tác dụng cho sức khỏe, chắc tôi cũng theo, những bài thuốc dân gian luôn lành). Cứ thế, tích và phơi, mốc, bỏ rồi lại phơi mới. Từ khi bà qua đời, 5 tháng nay, dây phơi nhà tôi không còn vỏ bưởi. Lúc gọt vỏ, tôi cũng không chú ý lựa dao xoay tròn đường cắt theo chiều kim đồng hồ thật đều để được dây vỏ liền một chuỗi. Cứ "phạt" vỏ cho nhanh, lấy vỏ làm gì nữa đâu. Mẹ mắng tôi ấu, ai nhìn thấy sẽ chế cười mẹ không chỉ dạy, từ chi tiết nhỏ cũng phải kiên trì, phải chịu uốn nắn.

Tôi không cãi và cũng chẳng điều trần với mẹ rằng, trước đây tôi vẫn gọt bưởi như ý mẹ. Nhưng bà nội mất rồi, tôi không muốn nhìn thấy chuỗi dây vỏ bưởi nữa. Nhớ bà mỗi ngày, giọng nói, dáng đi, từng đồ vật in bóng. Không dám vào phòng bà mấy tháng ròng, vì sợ không "thấy" bà. Không dám qua khu vực gần Bệnh viện E nơi bà trút hơi thở cuối.

Bao đêm ấp chiếc áo còn hơi bà vào ngực, úp mặt vào áo bà tôi khóc. Tôi đã làm được gì cho bà tôi, ngoài việc nhỏ mọn gội đầu?

Tối 21/3, gọt quả bưởi cuối cùng còn trong nhà, bưởi da xanh miền Tây Nam Bộ (do chị Giang hàng xóm ăn tết nhà chồng đem ra), tôi đã lượn dao để có dây vỏ bưởi. Và vắt vỏ lên dây phơi. Không hiểu sao tôi lại can đảm làm như thế. Đêm đến, tôi đọc lại tùy bút "Hơi thở từ ngôi mộ và món quà của người đã mất" của Nguyễn Quang Thiều. Ông viết rất hay, lay động vô cùng về làng, về kí ức thơ ấu, trong đó có nhiều kỉ niệm với những người thân đã mất của ông.

Ông kể rằng, cứ ngày 30 Tết, ông ra nghĩa trang làng Chùa, mời những người thân đã mất về ăn Tết. Ông cảm nhận được hơi ấm, sự bao dung của họ, điều mà nhiều lúc không tìm được từ người đang sống.

Người già hay sống bằng ký ức. Nhiều hồi niệm thế, tôi đã già ư?

Tôi làm đêm thơ tối 3/4, trước sinh nhật, đó là ngày 1/3 lịch trăng, bắt đầu Tết Thanh minh.

Sau đó tôi sẽ tảo mộ ông tôi, về Phù Lưu thăm bà tôi đang nằm lại đất làng.

Tôi sẽ lại phơi những dây vỏ bưởi. Cuối Đông, lại đun thêm nước lá mùi tằm gội. Tôi muốn gội đầu bồ kết, mỗi tuần gội mà nghĩ đến bà tưởng tượng đang gội cho bà, để được sống cùng bà thêm nữa... Tâm trí tôi bất cứ lúc nào cũng có thể hình dung lập tức mùi làn da mềm ẩm từ những ngón tay thanh thoát, bàn chân nhỏ nhắn tinh khôi khi tôi cắt móng cho bà. Và... tất cả như ngưng đọng trong hương tóc dịu dàng bay khắp trần gian của bà tôi...■

hướng mà lòng dạ mình đã ấp ủ từ lâu!

Các tù trưởng được lệnh ngừng quay, chấm dứt màn diễn hỗn nhiên đầy hào hứng nhưng vô cùng ý nghĩa. Đó chính là biểu hiện của một cách nhìn, một thứ thế giới quan mộc mạc, thô sơ của một dân tộc với trọng trách trước một miền đất, một xứ sở đã được "định phận tại thiên thư"!... Họ ôm nhau ca hát trong khi nhà vua sai rót rượu uống, cùng nhau cười tươi, rồi lần xuống núi.

Mọi người hiểu rõ ý chỉ của nhà vua, thật là sáng suốt. Vậy rồi tất thảy hình người, muông thú trên mặt Trống đã được các nghệ nhân đúc đồng tài hoa cho quay theo hướng bậc cao minh đã lựa chọn, tạo nên một tác phẩm nghệ thuật vô tiền khoáng hậu, hội tụ hồn thiêng

dân tộc. Phải chăng đây chính là tấm Quốc huy đầu tiên của quốc gia này?

Tôi toát hết mồ hôi, thức dậy trong bàng hoàng. Tôi chờ sáng trong tâm trạng nôn nao, rồi vẫy xe đến ngay Bảo tàng. Tôi là vị khách đầu tiên của bảo tàng hôm nay. Tôi vội vã đi thẳng vào nơi có những chiếc trống đồng trong ánh sáng của đèn chùm. Tôi nhìn ngắm rất lâu, rồi biết là vi phạm, nhưng tôi không thể không tìm cách mó tay vào mặt một chiếc trống. Tôi tin nơi bàn tay tôi đặt vào, ba ngàn năm trước từng có bậc tiền nhân cũng đã từng đặt bàn tay lên. Ý nghĩ đó làm tim tôi đập rộn. Hơi đồng mát lạnh. Mười tám cánh chim Lạc giang cánh, những chú hươu sao sừng tua tủa,

những con thuyền lướt sóng, những vũ sĩ vung cao tay kiếm, những vũ công tay múa, chân bước, ánh mắt long lanh... Tất cả, tất cả gọi nhau cùng bay theo hướng "thuận thiên - hợp địa"!

Tôi ngắm nghía, chiêm ngưỡng vầng mặt trời giữa mặt trống đồng toả sáng lên mọi vật đang bay chuyển xung quanh trong một vũ điệu mấy ngàn năm không dứt. Tôi hình dung bậc Tổ vương khai minh đứng giữa, bao xung quanh là toàn dân Lạc Việt mùa ca. Đó là festival đầu tiên, là lễ hội sớm nhất, tung bừng, hoành tráng nhất trong buổi bình minh dựng nước của chúng ta. Đó là bức thông điệp quý báu của cha ông dựng nên nước non này gửi tới muôn sau...■

Đống Hới, Xuân Tân Mão

TIẾP CẬN VĂN HỌC CÁC NƯỚC CHÂU Á BẰNG LÝ THUYẾT PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI

(Trích Báo cáo để dẫn tại Hội thảo quốc tế 14 - 15-3-2011 tại Hà Nội)

PHAN TRỌNG THƯỜNG

NẾU như Văn học các nước châu Á là một không gian khá xác định, rõ ràng thì khái niệm phương Tây ở đây lại tỏ ra khá mơ hồ. Không biết vào thời điểm R.Kipling đưa ra mệnh đề nổi tiếng "phương Đông là phương Đông, phương Tây là phương Tây" ông đã dựa trên những căn cứ địa lý cụ thể nào? Dựa vào vị trí dãy núi Carpat? vào biển Địa trung hải? hay vào ranh giới giữa một quốc gia cụ thể nào để phân định Đông - Tây? Cho đến nay nhận thức về vấn đề này vẫn tồn tại như một sự mặc định với nhiều cách giải thích khác nhau.

Mặc dù vậy, vào tiền bán thế kỷ XX, khi châu Âu phân cực thành hai hệ thống quốc gia với hai thể chế chính trị-xã hội và ý thức hệ tư tưởng tương ứng thì khái niệm phương Tây thường bao hàm cả các nước tư bản Tây Âu và Bắc Mỹ. Vì vậy, phạm vi lý thuyết phương Tây mà chúng ta đang khảo sát cần được hiểu một cách rộng rãi là các lý thuyết nghệ thuật phát sinh từ Âu - Mỹ hiện đại, trước hết là Tây Âu và Bắc Mỹ.

Như chúng ta đã biết, châu Âu trong nhiều thế kỷ luôn luôn giữ vai trò là cái nôi sản sinh lý thuyết. Nhưng từ thế kỷ 19 trở về trước, lý thuyết châu Âu dường như chỉ lưu hành chủ yếu ở châu Âu, ít có ảnh hưởng đến các nước châu Á.

Nhưng từ cuối thế kỷ XIX trở đi khi châu Âu và phương Tây tiến sang châu Á và phương Đông bằng các cuộc thập tự chinh thì một cuộc tiếp xúc và giao lưu mang màu sắc cưỡng bức đã diễn ra hầu hết các nước. Thực tại lịch sử đó khiến cho mệnh đề quen thuộc của R.Kipling mau chóng trở nên không còn phù hợp. Nhiều quốc gia châu Á xem đây là tiền đề lịch sử dẫn đến cuộc hội nhập lần thứ nhất với phương Tây, trong đó, quốc gia đầu tiên phải kể đến là Nhật Bản rồi đến các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam và các quốc gia Nam Á. Qua Tân thư và qua hệ thống giáo dục đào tạo, hệ thống lý thuyết, trước hết là hệ thống tư tưởng triết học, đạo đức pháp quyền phương Tây đã thâm nhập vào các nước châu Á, tác động đến thiết chế chính trị, đến tư tưởng học thuật, tạo ra một bước phát triển đột biến trong lịch sử các nước này.

Trong tình hình đó, văn học nghệ thuật tuy là một lĩnh vực hết sức đặc thù, chịu sự chi phối của các yếu tố truyền thống bản địa rất nhiều, nhưng dưới tác động của phương Tây, tại nhiều quốc gia châu Á, một diện mạo văn học mới đã hình thành. Hiện tượng Thơ mới, kịch mới xuất hiện ở hầu hết các nước châu Á. Sự ra đời của tiểu thuyết phương Tây, kịch... đã khiến cho cấu trúc của nền văn học dân tộc ở các quốc gia này thay đổi. Quan niệm và thi hiệu văn học cũng nảy sinh những yếu tố khác biệt so với truyền thống. Văn học phương Tây qua nhiều con đường đã tác động mạnh mẽ để tạo ra "một cuộc cách mạng trong thi ca" như Hoài Thanh đã mô tả khi tổng kết phong trào Thơ Mới ở Việt Nam.

Ngay từ những năm ba mươi, bốn mươi của thế kỷ XX, bên cạnh các ảnh hưởng trên lĩnh vực sáng tác, ở lĩnh vực nghiên cứu lý luận phê bình văn học, các trường phái lý thuyết từ châu Âu, trong đó bao gồm cả Tây Âu, trực tiếp là Pháp và Đông Âu, trực tiếp là Nga (Liên Xô cũ) đã được giới thiệu, vận dụng ở Việt Nam.

Thành tựu của những nhà nghiên cứu tiên phong như trường hợp Trương Tửu vận dụng học thuyết Phân tâm học của S.Freud vào nghiên cứu Truyện Kiều; hay học thuyết macxit vào nghiên cứu



Hội thảo tiếp cận văn học châu Á từ lý thuyết phương Tây hiện đại: Vận dụng, tương thích, thách thức và cơ hội.

Ảnh: CTV

Nguyễn Công Trứ chẳng hạn, cho thấy lý thuyết châu Âu không những tìm được đường đến Việt Nam mà còn tỏ ra có sự tương thích nhất định với các hiện tượng văn học dân tộc. Nếu có biểu hiện khiếm cưỡng hoặc cực đoan thì đó chưa chắc đã là do bản thân lý thuyết mà rất có thể là do trường hợp vận dụng hoặc đo lường tác nghiên cứu.

Do những hoàn cảnh lịch sử qui định, từ những năm bốn mươi của thế kỷ XX trở về trước, trên bình diện tư tưởng học thuật và văn chương nghệ thuật, Việt Nam hướng theo phương Tây và hòa nhập với phương Tây mạnh mẽ hơn. Có thể nói phần lớn các lý thuyết nghệ thuật tiên tiến đại và hiện đại đều đã được giới thức giả ưu tú của Việt Nam biết đến và vận dụng. Thành tựu tuy mới chỉ mang ý nghĩa bước đầu, nhưng đã ít nhiều cho thấy sự cởi mở, năng động của tư duy lý thuyết ở một nền văn học vốn không có truyền thống lý thuyết.

Từ 1945 trở đi, trong một bối cảnh thế giới mới và một bối cảnh lịch sử mới, ở Việt Nam, hệ thống lý thuyết macxit chiếm vị trí độc tôn trong lịch sử văn học. Không thể phủ nhận được rằng, trước khi đến Việt Nam, hệ thống này đã từng có ảnh hưởng khá mạnh ở các nước châu Âu và phương Tây, làm thành hệ thống tư tưởng mỹ học macxit phương Tây hiện đại. Với tư cách là hệ thống lý thuyết độc tôn, từ tư duy lý luận đến thực tiễn sáng tác phê bình và tiếp nhận văn học đều chịu sự chi phối của nó. Trong nhiều thập kỷ, từ những năm năm mươi đến cuối những năm bảy mươi của thế kỷ XX, giới nghiên cứu không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây dựa trên thực tiễn nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa đã nỗ lực chứng minh sự phù hợp và duy nhất đúng của hệ thống lý thuyết này, ít nhất là với các hiện tượng văn học được tạo ra từ chính lý thuyết đó. Mặc dù cho đến nay, đã có thể quan sát được số phận của nó, nhưng vẫn cần phải khách quan xem đây là một hiện tượng lịch sử trong văn học thế giới. Căn cứ là ở chỗ, lý thuyết nghệ thuật này đã tồn tại trong một thời kỳ lịch sử khá dài, đã tạo ra một khuynh hướng nghệ thuật bao gồm trong đó nhiều nhà văn, nhiều nghệ sỹ ưu tú của nhiều quốc gia, khu vực khác nhau trên thế giới với nhiều tác phẩm tiêu biểu tôn vinh các giá trị nghệ thuật vì con người. Thành tựu đó

mang tính lịch sử và là thành tựu có thật.

Nhưng chính trong thời kỳ này, do sự độc tôn của lý thuyết nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, các lý thuyết ngoài hệ thống, trong đó bao gồm cả Âu - Mỹ hiện đại đã không có được chỗ đứng cần thiết trong đời sống tư tưởng học thuật của Việt Nam cũng như một số nước khác trong khu vực. Trong một thời kỳ dài, Việt Nam tiếp xúc với các hệ thống lý thuyết phương Tây với thái độ kỳ thị và quan điểm phiến diện.

Nhưng cho đến nay quan điểm và thái độ đó cũng đã đi vào lịch sử.

Bắt đầu từ 1986, một thực tại lý thuyết mới đã hiện hữu ở Việt Nam. Đó không chỉ là kết quả trực tiếp của công cuộc đổi mới mà còn là kết quả của ý thức tự chiếm lĩnh, tự trang bị những điều kiện cần thiết để giao lưu, hội nhập và đối thoại với thế giới. Tư tưởng đa phương, đa diện không chỉ đóng vai trò quan trọng trong kinh tế, chính trị, ngoại giao mà còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn chương, nghệ thuật. Có thể xem đó là bước khởi đầu cho một sự chấn hưng lý thuyết ở Việt Nam.

Bên cạnh yêu cầu nhận thức lại hệ thống lý luận văn học và mỹ học macxit một cách đầy đủ, khách quan, khoa học hơn, với tư cách là hệ thống lý luận nền tảng ở Việt Nam hiện nay, những thành tựu bước đầu trong công tác dịch thuật, phổ biến và vận dụng các lý thuyết phương Tây và châu Âu hiện đại và tiên tiến đại như: Phân tâm học, Tự sự học, Thi pháp học, Ký hiệu học, Xã hội học nghệ thuật, Tâm lý học nghệ thuật, Lý thuyết tiếp nhận, Cấu trúc luận, văn học So sánh, Lý thuyết loại hình học, v.v... đã bước đầu cho thấy một sự cộng sinh tư tưởng, một cơ hội phát triển tự do các lý thuyết. Thực tế cho thấy nhiều công trình vận dụng các lý thuyết này vào nghiên cứu văn học dân tộc đã mang lại kết quả khả quan, làm thay đổi tư duy lý luận, thay đổi tập quán nghiên cứu, tác động tích cực tới thực tiễn sáng tác, khiếu cảm thụ nghệ thuật và tâm lý tiếp nhận của công chúng.

Nhưng cũng có những sự vận dụng mới chỉ mang lại hiệu quả ở phạm vi khoa học văn học, như những thử nghiệm lý thuyết. Trong tình hình tiếp xúc và lưu hành cùng lúc nhiều hệ thống lý thuyết như hiện nay, nếu việc tiếp thu, vận dụng không thật nhuần nhuyễn, thấu đáo dễ

dẫn đến tình trạng sống sít, xô bồ, không đủ tỉnh táo để nhận ra một cách khách quan những điểm khả thủ và những điều bất cập của mỗi hệ thống.

Thực tiễn văn học Việt Nam và các nước châu Á cho thấy các lý thuyết phương Tây không chỉ có khả năng giải mã được các hiện tượng văn học nảy sinh dưới tác động, ảnh hưởng của phương Tây trong quá trình giao lưu và tiếp nhận, mà còn có khả năng giải mã được cả các hiện tượng văn học truyền thống mang đậm bản sắc riêng biệt và đặc thù của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, trong khi thừa nhận khả năng của lý thuyết phương Tây, cũng phải đồng thời thừa nhận những ngoại lệ, những "điểm mù" mà lý thuyết không thể soi chiếu tới được. Cho dù mọi lý thuyết đều được khái quát nên từ những hiện tượng, những quá trình lịch sử và quá trình văn học cụ thể khác nhau, và do vậy, nó có khả năng làm sáng tỏ, giải thích được nhiều hiện tượng, nhưng không phải là tất cả, toàn bộ. Liệu lý thuyết phương Tây - vốn được hình thành từ một thực tiễn văn học khác, một truyền thống nghệ thuật khác, một hệ thống thi pháp thể loại khác - có trở nên đặc dụng đối với mọi trường hợp, mọi loại hình văn học vốn mang đậm đặc thù phương Đông và dân tộc hay lại rơi vào tình thế "bất khả tri" trước thơ Haikur của Nhật Bản hay thơ Thiền của Việt Nam? Văn chương thế giới không phải là nhất thể, mà trái lại hết sức phong phú, đa dạng. Lý thuyết Âu-Mỹ hiện đại liệu có thể sử dụng để tiếp nhận văn bản diễn ngôn văn chương mang đặc thù châu Á từ hệ thống chữ viết đến các phương tiện biểu đạt, quan niệm và tư duy nghệ thuật được không? Nhất là đối với các kiểu tổ chức văn bản văn chương nghệ thuật mang đậm dấu ấn truyền thống phương Đông, liệu có thể được giải mã bằng một lý thuyết ngoài hệ thống, chẳng hạn lý thuyết Tự sự của G. Genette, Cấu trúc luận của R. Jakobson, Thi pháp học của M. Bakhtin... được hay không? Đặc biệt là trước các tác phẩm văn học châu Á mà sự tiếp nhận nó gắn liền với tập quán thưởng thức, với truyền thống văn hóa - thẩm mỹ đặc thù thì Lý thuyết tiếp nhận của H.R.Jauss, của R.Ingarden, v.v... liệu có trở thành bộ cấm nang, thành công cụ vạn năng để mở ra các khả năng tiếp nhận, qua đó làm phong phú thêm ý nghĩa tác phẩm như cao vọng của lý thuyết được hay không? v.v...

Từ thực tiễn thế giới hiện đại, xu thế hội nhập đang được các quốc gia nhận thức là xu thế tất yếu, không thể đảo ngược được. Tuy nhiên, văn học với tư cách là một thành tố quan trọng của cấu trúc văn hóa dân tộc, để tồn tại và phát triển, luôn phải tự khẳng định bằng một quy luật khác, đó là nỗ lực gập gờ với thế giới ở những giá trị cơ bản, giá trị chung toa phải luôn giữ được nét độc đáo riêng, đặc trưng riêng của dân tộc.

Ảnh sáng lý thuyết, cho dù là lý thuyết phương Tây hay lý thuyết phương Đông chỉ trở nên đặc dụng hay hữu dụng khi nó là công cụ khám phá, khai mở được các bí ẩn nghệ thuật, giúp người ta phát hiện được các quy luật nghệ thuật nội tại, những giá trị tiềm tàng của văn chương. Mặt khác, điều năng của lý thuyết không làm tan biến thực thể văn chương mỗi dân tộc, biến tất cả những giá trị ấy chỉ còn là một hỗn hợp giống nhau, mà trái lại nó càng phải làm cho những độc đáo dân tộc của mỗi nền văn học trở nên rõ nét hơn, hấp dẫn hơn. ■



Nhà thơ Hoàng Tá sinh năm 1945. Quê quán: xã Tuấn Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Mất năm 1999.

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Mặt trời của mẹ* (thơ, 1977); *Chiều nhẹ cánh cò* (1987); *Hoa học thắm* (thơ, 1988); *Lời bé* (1991); *Cải sân chơi biết đi* (thơ, 1993).

Giải thưởng văn học: Giải thưởng văn học Hùng Vương năm 1990 (tập *Hoa học thắm*). Giải thưởng cuộc thi do Hội Nhà văn Việt Nam và Nxb Kim Đồng tổ chức năm 1987 (tập *Chiều nhẹ cánh cò*). Giải thưởng cuộc thi do Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em Việt Nam và UNICEP tổ chức năm 1991 (tập *Lời bé*). Giải A văn học thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam năm 1994 (tập *Cải sân chơi biết đi*).



CHỈ CÒN CON CHIM NHỎ...

NGUYỄN CẢNH TUÂN

VÀO tiết thanh minh năm Tân Mão, nhà thơ Hoàng Tá đã xa các thế hệ tuổi thơ tình theo tuổi ta vừa tròn 12 năm. Không hiểu ông có kịp "mang theo" những đứa con tinh thần khá mơ mộng, huyền ảo trong thế giới non tơ: *Mặt trời của em*, *Hoa học thắm*, *Cải sân chơi biết đi*... hay không. Còn tôi thì vất vả lắm phải tìm đến thư viện tỉnh, hai em trai của ông: Luật gia, họa sỹ Hoàng Trúc, bạn thơ trẻ Hoàng Minh mới có mấy tập thơ giấy đã úa vàng, thêm mấy chục bài... dạng còn lại cào. Tôi mượn câu thơ của nhà thơ Hữu Thỉnh viết tặng ông: "*Chiều rung chuông - chiều rung chuông*", để trò chuyện cùng ông về thơ viết cho các em.

Hoàng Tá đăng bài thơ đầu tiên trên Tuần báo Văn nghệ (HNV) năm 1975, kể về công việc sáng ngày của "Nắng" với những câu thơ vừa đẹp, vừa có hương vị riêng: "*Công việc đầu tiên / Nhật sương là cái... / Đất bóng cau xanh / Xuống hè tập múa*". Sau bài thơ mang sắc thái đồng dao đầu tiên ấy, thơ viết cho các em của ông đã dần dần được bạn đọc nhỏ tuổi, ngay cả người lớn cũng tìm đọc. Trong gần 25 năm viết thơ cho các em, khát vọng có được bài thơ hay cũng đã đến với ông. Chúng ta cùng dừng lại ở mấy lời bộc bạch của ông: "Trong những năm tháng tôi bị bệnh tật, các em thường đến giúp đỡ tôi tắm giặt và các việc nhỏ khác, những lúc nhàn rỗi các em thường múa hát cho tôi vui. Vì thế việc làm thơ cho các em có nghĩa là đáp lại tình cảm cao quý của các em. Các em thường có hành vi và quan sát rất thơ ngây, rất thơ, đó chính là chất liệu giúp tôi làm thơ được". Như vậy giữa nhà thơ và trẻ thơ đã có sự giao lưu. Ông nhớ lại từ một chi tiết rất ngộ mà rất thơ của các em thủ thi với ông: "gió rù đi chơi", "Roi méo đầu" và ông đã làm bài thơ *Lời bé*: "*Quả thị không bôi nước hoa / Mà thơm nước cả vườn nhà, bố ơi / Gió rù quả thị đi chơi / Lắc đầu nó bảo: Sợ roi méo đầu*". Những chất liệu con trẻ cảm ra; nhà thơ nâng lên tầm nhận thức cho trẻ là muốn đẹp, muốn điều tốt, thì phải biết quên đi cái ham muốn chưa cần thiết. Hai chữ méo đầu đặt ở cuối bài thơ là rất đặc sắc.

Hoàng Tá thường nhấn mạnh mọi chất liệu làm thơ là do các em đưa tới. Đó cũng là niềm vui, niềm hạnh phúc của thời gian 25 năm cầm bút của ông. Lợi thế thứ hai là ông được sinh ra ở miền quê thuần nông thuộc vùng đỉnh châu thổ sông Hồng, Có hồ sen mênh mông ôm cánh đồng... và có đầy đủ những thứ cần thiết để tạo nên một làng Trung du đậm đặc chiều sâu văn hóa cổ. Tất cả như ủa vào thơ ông cấp tập, như chạy đua với quỹ thời gian của người bị nhuộm bệnh nan y. Thơ Hoàng Tá đậm thắm tình người, dù là tình cảm

bộc lộ trực tiếp hay qua đối tượng để biểu hiện lòng mình. Đó là những tấm lòng với ông bà, cha mẹ, bè bạn, quê hương... được soi sáng bởi cách nhìn ngây thơ, ấm áp, thương yêu, bởi cách diễn mới được bởi đặt trẻ trung và nhiều khi rất hóm hỉnh.

Viết về bà, bài *Khói chiều*, chỉ có bốn cặp lục bát, tuy ngắn về câu nhưng dài về tứ thơ, chân mộc về ý mà sâu sắc về tình cảm: "*Chiều chiều từ mái rạ vàng / Xanh rờn ngọn khói nhẹ nhàng bay lên / Nghe thơm ngậy bát canh riêu / Với nổi cơm ủ cạnh niêu tếp đầy / Khói ơi, vươn nhẹ lên mây / Khói đừng bay quá làm cay mắt bà!*" Cả bài thơ không có một tiếng động nào. Sự im lặng ở đây càng gợi lên tình thương yêu bà của chú bé chăn trâu nhưng hăm ý bao la như ngày và đêm ở làng quê. Ông đã từng đón cảnh "*Chiều nhẹ cánh cò / Mẹ còn đứng cấy*" viết năm 1998, thì năm 1999 từ chốn thị thành đưa con nhìn về quê hương: "*Nhìn về, thương những bữa cơm / Con ăn chín bát, mẹ đem bầy lần / Mẹ ngồi nước mắt rân rân / Bóng chiều xuống khóa lấp dần nếp nhăn*", đó cũng là một trong số ít bài thơ, ít lắm để rồi ông vĩnh viễn xa người mẹ suốt đời làm lữ để nuôi mười người con khôn lớn từ hạt lúa, củ khoai.

Yếu tố tình kịch trong thơ ông khá đậm. Ông thường thành công trong đối thoại, làm nổi bật tứ thơ. Bài *Thỏ thẻ*; mở đầu khá bất ngờ: "*Hôm nào ông có khách / Để cháu đun nước cho*". Đứa cháu chừng còn bé lắm, nhưng muốn làm việc giúp ông... nhưng lực bất tòng tâm. Cái việc cháu làm... phải có ông giúp một tay. Cái siêu nặng. Việc ôm rạ, ngọn lửa bùng to, thổi ngọn khói... hẳn người ông đón nhận rất vui. "Ông cười xóa: thế thì / Lấy ai ngồi tiếp khách". Câu hỏi của ông khá đơn giản tình tế, dễ hiểu mà khó trả lời. Điều nhắc nhở cháu (và đối tượng rộng hơn) là về sự chủ động, tự lực trong công việc cụ thể, rộng ra là trong cuộc đời. Thơ viết cho các em tình kịch cao, lời thoại súc tích xuất hiện nhiều trong thơ ông. Bài *Hoa học thắm*, cuộc đối thoại giữa hoa sen và em bé thể hiện qua thể thơ lục bát. Bé hỏi hoa, nào vờ, việc học bài... Lời của hoa, hay phẩm chất tốt đẹp thể hiện đến dịu dàng, tin yêu: "*Bạn ơi, hoa chỉ học thắm / Sợ làm ồn ã mặt đầm mặt ao / Làn hương thanh khiết ngọt ngào / Là lời hoa đấy, nhưng nào ai hay / ... / Theo mạch tư duy kịch ta còn gặp. Ở các bài: Quả cam bị ngã, Thằng bươm, Tiếng chim cú cu, Đôi bạn, Mùa đông... tiêu biểu là bài Cải sân chơi biết đi; "Chiều bên kênh nước xanh rờn / Lung bễ mát rọi từng cơn gió hè / Hai anh em sáo bay về / Nhảy chơi trên cái lung bễ hiền lành / Sáo em: Hí... Hí... kia anh / Cải sân chơi của chúng mình biết đi...". Một tứ thơ mới và lạ khi nó xuất*

hiện vào năm 1982 trên thi đàn viết cho các em. Cải sân chơi mà biết đi, đồng nghĩa với việc niềm vui con trẻ sẽ được duy trì dù có mưa bão ập đến. Tiếng cười *Hí! Hí!* cất lên ở câu thơ thứ 5 khiến người lớn cũng muốn cười theo tiếng cười đó.

Như đã đề cập ở đầu bài viết, Hoàng Tá đi lại trên nạng gỗ hay xe lăn, ít có điều kiện đi ra khỏi làng. Nhưng ông sống giữa thiên nhiên thôn mạc hữu tình, giữa đàn trẻ nhỏ tìm đến ông để học chữ, học vẽ rồi nghe ông đọc thơ. Thêm nữa ông còn là một họa sỹ. Nên thơ ông giữa thiên nhiên, con trẻ cộng hưởng chung một niềm triu mến, độ lượng... Chỉ Chuẩn Chuẩn mĩnh đó, mừng bé Mừng Tôi đi học bằng động tác: "*Cứ cúi thòm không ngót / Vào má bé Mừng Tôi*". Quan sát tinh tế, mỹ cảm đẹp, khao khát được giao lưu giữa bạn bè và đồng loại; trong sự giao lưu ấy, với thế giới trẻ thơ là vui nhất, hốt nhiên nhất, xanh trong nhất. Một đường làng mùa xuân: "*Ngay ngáy gió rù bướm bay / Cây xanh đứng thả rơi đầy tiếng chim*". Con bướm vàng, được bé gỡ ra khỏi lưới nhện: "*Bướm thành hoa / Vàng như nắng / Lại vỗ cánh / đi chơi xuân*". Hai người bạn là Mưa và Gió được mô tả tình tình rất khác nhau, hợp với tự nhiên. Gió như người thân, Mưa cứ ngập ngừng ngoài sân như khách lạ. "*Gió mở tủ hương ra / Tỏa đầy nỗi bé ngủ*"; còn Gió: "*Hết đeo nhẫn cho hoa / Lại xâu cườm cho lá*", để rồi: "*Hai tình tình khác lạ / Thế mà rất thân nhau / Hắt mưa gió chung nhau / Một ước mơ, bạn nhí*". Bài: Những bức tranh xinh xinh tặng bé gồm bảy cặp lục bát được đặc tả 6 sinh vật: ong, tằm, vịt, kiến, bò, ngựa và hoa sen một thứ hoa nhiều và quý ở quê ông. Ông khắc họa: "*Hoa sen ăn sữa canh sen / Vừa ăn vừa cấy ngọn đèn xuống đêm*"; "*Kiểm được hạt tằm thơm tho / Vừa ăn con kiến vừa bỏ tìm con*". Viết về góc buồn cuộc đời, về những đứa trẻ lang thang câu thơ có sự liên tưởng logic: "*Đêm xui con bướm không nhà / Ngủ nhờ trên cái miệng hoa tối mờ / Cái hoa ngỡ kẻo ai cho / Ngồi ăn hết những giấc mơ bướm vàng*" (Con bướm không nhà). Từ hình ảnh con cò, tình thương nâng lên cung bậc rộng hơn: "*Cây xong, bươm bươm nhai trấu / Con trâu được ấm từ đầu đến chân / Trưa về thổi khói bên sân: "Ồ! Con bò nó vừa ăn thuốc Lào... / Thương con cò trắng biết bao / Suốt ngày đứng cầm chân vào ruộng sâu*".

Viết đến đây, tôi lại nhớ hình ảnh cụ Thiệu Thị Địa, vừa gặp gần đây. Cụ 97 tuổi tinh anh, da dẻ khỏe. Tôi nhắc lại việc cách đây đã 16 năm đến thăm nhà, được cụ mời ăn thả phan phậu luộc... và nghe anh Tá đọc thơ. Nhà ngày ấy nghèo lắm. Ông nhà mất sớm, cụ nói tôi nuôi mười đứa con bằng hạt lúa củ khoai vất vả lắm. Cụ cho biết anh Tá là

con thứ tư, tốt nghiệp lớp 10 diện được đi học ở Đức. Có ông cậu Lê Bá Lịch làm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Sơn La, nói với ông nhà tôi đưa Tá lên Sơn La lo công việc nhà nước, giúp đỡ phần nào các em ăn học. Cháu Tá bị bệnh hiểm nghèo, từ đột đi công tác ở Lào... Việc cháu chuyển vợ con ra Vĩnh Yên ở, tôi không muốn can ngăn, vì cháu có ý tạo cho con học hành tốt, bản thân có điều kiện tiếp xúc bạn bè, công việc. Cậu Lịch, trùng suy nghĩ như tôi, nhưng không muốn can thiệp một lần nữa. Cậu năm nay đã 93 tuổi, vẫn đọc lại thơ của cháu. Có lần cậu tâm sự với cháu Minh là anh Tá chuyển ra Vĩnh Yên, viết cả thơ người lớn, nhưng thơ cho các cháu không còn được hay như hồi ở quê.

Quả thật ngày ông chuyển ra Vĩnh Yên, công việc bận rộn vì bát cơm manh áo. Dạy họa, tham gia biên soạn tập Bà mẹ Việt Nam Anh hùng của tỉnh Vĩnh Phúc, làm thơ người lớn có một số bài khá được đưa vào tuyển tập ở trung ương, tỉnh như: Ông Xám phố huyện, Nhìn Về, Xem tranh VRUBEN... còn đọng lại trong trí nhớ bạn đọc như: "*Vẫn như cọng lá hiền lành / Ông ngồi ngửa mặt bên vành nón mé / Vẫn kêu khắc khoải trưa hè / Tiếng dầy đàn mỏng ướt nhoe mố hôi*"; viết về mẹ: "*Nhìn về, xa hút mệnh mỏng / Rung rung bóng mẹ trên đồng nắng thiêu / Tháng năm rom rạ thì nhiều / Ngón ngang trấu bụi thả diều lên mâm*". Cũng khoảng thời gian từ năm 1996 đến đầu năm 2000, ông viết thơ cho các em ít đi và để lại còn là lạ nên mất đi thể mạnh sẵn có, để thấy ở các bài: *Những anh gà công nghiệp, Chim - cá ước mơ, Dời xóm tiên, Mèo con biểu diễn dương cầm*...

Hoàng Tá ra đi khi tài hoa thơ viết cho thiếu nhi đang độ chín, nhiều hương sắc mới lạ, thơ người lớn đã có tín hiệu vui. Thành công, cái còn hạn chế ở thơ ông phụ thuộc yếu tố khách quan rất cơ bản đó là môi trường sống, môi giao cảm giữa thiên nhiên và con người, đặc biệt là sự yêu mến giữa trẻ thơ và ông. Nguyên nhân chủ quan, ngoài yếu tố bẩm sinh, phải tính đến hoàn cảnh khao khát cống hiến cho đời, lĩnh vực duy nhất là thơ với quỹ thời gian rất hạn hẹp. Để kết thúc bài viết, tôi ghi lại bài thơ của nhà thơ Hữu Thỉnh từ bút tích, kèm chữ ký tặng Hoàng Tá đề ngày 13/ 6/ 1990: "*Chiều rung chuông - chiều rung chuông / Có con chim nhỏ bị thương cuối trời / Tôi nhón nhác đi tìm người / Bước chân thì ngăn đường đời thì xa*". Con chim nhỏ trong ý niệm tôi giờ đang bay ở thế giới của Tiên, Phật. Cái còn lại của ông là mấy tập thơ đã đi vào công chúng. Do vậy, nhân 12 năm ngày ông ra đi và 72 năm ngày sinh (hồ sơ công tác lại ghi ông sinh năm 1945), tôi ghi lại đôi điều để nhớ ông!

Trong lễ trao giải cuộc thi "Thơ về Hà Nội" do báo Văn nghệ và đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội tổ chức, nhiều khán giả trầm trồ thú vị khi một cô gái Mỹ xinh đẹp bước lên sân khấu để nhận Tặng thưởng của cuộc thi trong tà áo dài duyên dáng. Bài thơ "Lại được ở giữa lòng Hà Nội" (*In Hanoi, Again*) của cô - nữ thi sĩ Jennifer Fossenbell đã gây ấn tượng sâu sắc trong lòng những người yêu thơ ngay trong ngày ra mắt đầu tiên của nó tại đêm thơ quốc tế Hạ Long, trong khuôn khổ Hội nghị Quốc tế Giới thiệu Văn học Việt Nam vào tháng 2/2010.

KHÔNG chỉ viết những bài thơ hay về Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung, Jennifer Fossenbell (sinh năm 1980) đã và đang có những đóng góp quan trọng cho việc giới thiệu thơ ca Việt Nam với bạn đọc quốc tế. Cô viết lời giới thiệu và là đồng dịch giả của tập thơ "Cánh đồng người" (tuyển thơ Trần Quang Quý, Nxb Hội Nhà văn 2010). Cô cũng là đồng dịch giả của hơn 70 bài thơ của các nhà thơ Việt Nam thuộc nhiều thế hệ. Những bài thơ này bao gồm các bài thơ cổ điển của các tác giả như Từ Đạo Hạnh, Lý Thường Kiệt, Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Trần Nhân Tông, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Du... đã

Nội mang tên "The Hanoi Writers' Collective" - để tạo diễn đàn và cộng đồng cho những nhà văn nhà thơ đang sống tại Hà Nội.

Tôi gặp Jennifer Fossenbell như một định mệnh: vào tháng 10 năm 2009, với ý nguyên muốn nhờ một nhà thơ bản xứ hiệu đính bản dịch của tập thơ "Cánh đồng người", tôi "đánh liều" viết thư cho những cá nhân và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật ở Hà Nội. Lá thư nói rõ "Tôi cần gấp một nhà thơ người Anh, Mỹ hoặc Úc đang sống ở Hà Nội để giúp hoàn thành bản dịch của một tập thơ. Công việc đòi hỏi nhiều thời gian và không có thù lao". Những tưởng yêu cầu "quá đáng" của tôi sẽ bị khước từ trong thời buổi "kinh tế thị trường", không ngờ chỉ sau một ngày, tôi đã có ba ứng cử viên cho nhiệm vụ không lương này.

Trong số ba ứng cử viên ấy, chỉ duy nhất Jennifer Fossenbell có thể gặp tôi ngay, còn hai người nữa thì hẹn vài ngày nữa. Buổi chiều nhạt nắng hôm ấy, một cô gái xinh đẹp tóc vàng, trông thật "bụi" với ba lỗ trên lưng, cưỡi trên một chiếc xe máy bình dân đến gặp tôi như thể vừa bước ra từ một câu chuyện cổ tích. Chúng tôi ngồi ngay vào bàn làm việc, và tôi nhận ra ngay lập tức đây là người tôi đang tìm kiếm. Cô làm việc cẩn trọng, chăm chú và nghiêm túc. Quan trọng hơn nữa: cô có khả năng

những cảm xúc vẹn nguyên. Chắc hẳn Jennifer sẽ không quên được cảm giác đứng trên sân thơ chính, trong tà áo dài Việt Nam, đọc vang bài thơ của mình trong ánh mắt dõi theo của hàng ngàn khán giả yêu thơ. Đó là chiếc áo dài đầu tiên, duy nhất mà Jennifer sở hữu cho đến nay, và nó đã cùng cô xuất hiện trong buổi đọc thơ thật sang trọng ở bảo tàng Nghệ thuật Kirkland ở Mỹ, vào tháng Tư năm 2010. Chắc hẳn tà áo dài đó cùng với những vần thơ xúc động của cô đã giúp tạo nên ấn tượng đặc biệt trong đêm thơ.

Được mời đọc thơ ở Mỹ và được nhận thù lao cho các buổi đọc đó, nhưng Jennifer vẫn luôn dành những tình cảm đặc biệt cho những buổi đọc thơ giao lưu với các tác giả và độc giả Việt Nam. Cô luôn tự trầm trồ khi được xúng xính khoác lên mình những bộ áo dài Việt Nam mượn từ bạn bè. Tôi biết rằng cô rất muốn may thêm những bộ áo dài khác, nhưng với khả năng tài chính eo hẹp (lương viết báo, hiệu đính, dịch thuật và dạy tiếng Anh của cô hiện nay chỉ đủ để trang trải cuộc sống), cô chỉ có thể trở thành cô gái Việt Nam trong phút chốc trong những bộ áo dài của người khác. Mặc dù thế, cô luôn luôn niềm nở, ân cần và hết mình trong những buổi biểu diễn và đọc thơ.

Tôi luôn nhớ lời Jennifer tâm sự "văn học Việt Nam

NGƯỜI CON GÁI MỸ Ở GIỮA LÒNG HÀ NỘI...

NGUYỄN PHAN QUẾ MAI



được khắc trên 15 bình gốm sứ Bát Tràng khổ lớn, được triển lãm trong Ngày thơ Việt Nam 2010 và hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Văn học Việt Nam. Với sự giúp đỡ của cô, những bài thơ về chiến tranh của các nhà thơ Việt Nam cũng đang là sứ giả của hòa bình: được cô giúp chuyển ngữ sang tiếng Anh, những bài thơ trong bản thảo tuyển tập "Lời thơ hòa bình từ hai phía" đã được đọc trong buổi giao lưu thơ xúc động giữa các nhà thơ Việt Nam và đoàn nhà thơ, cựu binh Mỹ vào tháng 11/2010 và đang được đọc ở Mỹ trong triển lãm "Hãy nói lời hòa bình" vòng quanh nước Mỹ.

It ai biết được rằng Jennifer Fossenbell thực hiện công việc dịch văn học Việt Nam một cách tự nguyện, vì tình yêu sâu sắc mà cô dành cho đất nước, con người và văn hóa Việt Nam. Sinh ra ở tiểu bang Colorado, Mỹ, trong một gia đình không có ai làm nghệ thuật, Jennifer Fossenbell bắt đầu làm thơ từ lúc 7 tuổi. Say mê với ngôn ngữ, cô theo học ngành ngôn ngữ học và ngoại ngữ tiếng Nga tại trường Đại học Colorado. Trong thời gian này, bài viết phê bình của cô về thơ Carolyn Forché đã nhận được Giải thưởng phê bình xuất sắc của trường Đại học Colorado State University. Các bài thơ độc đáo của cô cũng giúp cô dành được Học bổng Thơ của trường.

Sau khi tốt nghiệp đại học, Jennifer đã có thời gian rong ruổi đến các nước để làm việc. Cô đến Việt Nam để dạy tiếng Anh và làm việc cùng báo Vietnam News vào năm 2005. Sau khi trở về Mỹ, những kỷ niệm đẹp về Việt Nam đã thôi thúc cô quay trở lại Hà Nội vào năm 2009. Trong hai năm qua, không chỉ đóng góp cho việc dịch văn học Việt, Jennifer còn là người thành lập và hiện đang điều hành nhóm những cây bút quốc tế tại Hà

ngôn ngữ rất tốt và có nhiều kinh nghiệm trong việc hiệu đính thơ. Chúng tôi đã làm việc miệt mài trong nhiều tháng trời để hoàn thành bản dịch. Cô bước vào những buổi làm việc với tôi từ bầu trời mưa sùi sụt, hoặc nắng chang chang, nhưng nhất thiết phải với một nụ cười và tinh thần hồ hởi. Chúng tôi làm việc ở nhà, ở quán café, có nhiều khi cần sự hiện diện của nhà thơ Trần Quang Quý, để chúng tôi có thể "tra tấn" tác giả bằng những câu hỏi, để hiểu rõ ngọn ngành ý đồ của tác giả và hoàn cảnh xuất xứ của mỗi bài thơ. Sau những buổi làm việc, Jennifer lại có nhiều đêm khuya trầm ngâm một mình bên từng câu chữ, để bản dịch có thể chuyển tải được tốt nhất tinh thần của nguyên tác. Cô cũng viết một bài giới thiệu thật hay và sâu sắc về tập thơ "Cánh đồng người" - một bài giới thiệu mà sau nhiều lần dịch đi dịch lại và nhiều tháng trời hiệu đính, tôi mới có thể tạm bằng lòng với bản dịch tiếng Việt của nó.

Vì có ba "ứng cử viên" để nghị được tham gia dịch tập thơ "Cánh đồng người", tôi đã không muốn chỉ chọn Jennifer Fossenbell bằng linh cảm, vì thế đã nhờ cô chuyển cho tôi xem những bài thơ mà cô đã viết. Một mặt, tôi muốn tìm hiểu con người cô qua thơ, nhưng mặt khác, tôi âm thầm ước muốn có ân huệ được làm công việc dịch thơ với một nhà thơ bản xứ "chính hiệu", để các bản dịch thực sự là những bài thơ. Đọc chùm thơ mà Jennifer Fossenbell đã viết về Hà Nội, những câu thơ đầu tiên của bài "Lại được ở giữa lòng Hà Nội" hút tôi vào nhịp điệu của nó: *The city she opens her fingers to let me reenter the creases of her palm/The city she holds her head in front of the sun, keeping me in the shadow of her heavy hair* (Thành phố, Người mở những ngón tay đón tôi vào lại những đường chỉ tay trên bàn tay Người/Thành phố, Người giữ đầu mình trước mặt trời để tôi được ở trong bóng râm mái tóc dày của Người).

Tôi lập tức ngồi dịch ngay bài thơ này trong đêm hôm ấy, nhưng âm thầm gìn giữ và hiệu đính bài thơ đến hơn hai tháng sau mới dám đọc cho cô nghe. Sở dĩ tôi rất cẩn trọng trong bản dịch vì tình yêu của Jennifer dành cho Hà Nội và Việt Nam đặc biệt quá, tôi sẽ cố lỗi nếu không chuyển tải được vẻ đẹp của tình yêu ấy. Đọc bài thơ cô viết về Hà Nội, tôi luôn ghen lời ở câu cuối: *The city she is not my mother but she holds us anyway to her bosom and sings to me songs I can't understand but can't ever stop listening to* (Thành phố, Người không là mẹ tôi nhưng Người bế tôi vào ngực Người và hát cho tôi nghe những bài hát tôi không thể hiểu nhưng mãi mãi không thể không lắng nghe).

Những câu thơ ấy, tôi đã đọc cùng Jennifer trong ngày thơ Việt Nam 2010, tại sân thơ Văn Miếu, cùng với

là một kho báu chưa được khai phá của văn học thế giới. Tôi dịch thơ vì muốn nhiều người Mỹ và bạn đọc quốc tế hiểu thêm về vẻ đẹp của ngôn ngữ, chiều dày lịch sử, văn hóa Việt Nam".

Chính vì mong muốn giúp độc giả thế giới khám phá về "kho báu văn học Việt" mà Jennifer luôn trăn trở và cẩn trọng cùng với các bản dịch. Trong bài giới thiệu "Hồn Việt và những giá trị nhân bản trong thơ Trần Quang Quý", cô đã viết: "Người đời đã châm biếm rằng địa ngục đầy rẫy những kẻ dịch thơ. Nhưng những người yêu thơ biết rõ nhu cầu cần phải chuyển ngữ thơ, và việc chuyển ngữ này là một sự nỗ lực không hoàn mỹ". Để cố gắng vượt qua sự không hoàn mỹ đó, Jennifer đang cố gắng học thật giỏi tiếng Việt để có thể tự mình dịch cách tác phẩm, để tiếp tục cộng tác cùng với các dịch giả Việt Nam trong việc "đưa những tác phẩm của các nhà văn trẻ, có cách viết sáng tạo chưa hẳn được chấp nhận ở Việt Nam đến được với công chúng Mỹ".

Dù biết rằng không thể sống được bằng nghề làm thơ, nhưng Jennifer tâm sự "thơ ca đã cho tôi rất nhiều thứ quan trọng hơn vật chất. Bình thường, tôi phải đóng nhiều vai trong cuộc sống: vai người vợ, vai người con, vai cô giáo. Chỉ trong thơ, tôi mới sống thật với chính mình. Thơ ca giúp tôi lý giải tại sao con người đang sống, đang tồn tại".

Ngày thơ Việt Nam năm nay Jennifer không có mặt, nhưng nhiều người vẫn hào hứng nhắc lại bài thơ của cô, tiết mục đọc thơ của cô. Có người còn cho tôi nghe giọng đọc của Jennifer trên máy ghi âm điện thoại mà chị còn lưu từ ngày thơ Việt Nam năm ngoái. Sau này, khi tôi kể cho Jennifer nghe chuyện ấy, những giọt lệ thay nhau tuôn trào từ đôi mắt của cô. Jennifer nói rằng, thật không ngờ một người con gái đến từ nước Mỹ, một đất nước từng là kẻ thù của Việt Nam, mà lại được người Việt Nam yêu thương và đón nhận đến thế.

Mùa hè năm nay, Jennifer sẽ rời Hà Nội để trở về Mỹ. Cô sẽ theo học khóa học thạc sĩ về thơ ca. Trong tâm tưởng của tôi, Hà Nội sẽ vắng hơn khi không còn một cô gái Mỹ rong ruổi khắp mọi nẻo đường, mở lòng tiếp nhận tất cả để có thể viết được những bài thơ hay, hào sảng về Hà Nội như "Chợ thịt chó", "Mô tô", "Viết dưới mái hiên Hà Nội", "Sông đống", "Lại được ở giữa lòng Hà Nội"... Nhưng tôi tin rằng, dù ở nơi đâu, Jennifer Fossenbell cũng hướng về thi ca, con người, và đất nước Việt Nam vì đó mãi là một phần tâm hồn và cuộc sống của cô. ■

VĨNH BIỆT GIÁO SƯ VIỆN SỸ HOÀNG TRINH

MỘT DANH NHÂN
ĐI VỀ CÔI TIỀN

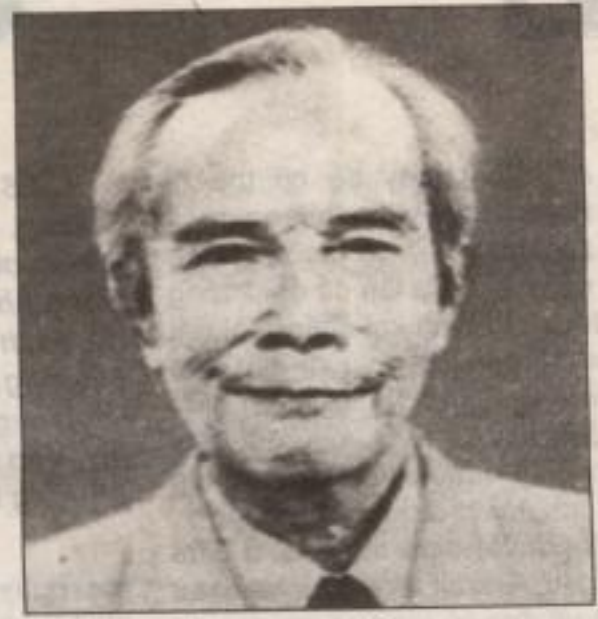
Giáo sư HỒ SỸ VỊNH

Đối với Hoàng Trinh - nhà nghiên cứu, cái gì có lợi cho dân tộc thì làm, dù cái đó rất khó đôi khi ông cũng đủ dũng khí để bơi vào dòng xoáy của tri thức thời đại thông tin. Tôn vinh ông là "nhà kỹ hiệu học tiên phong của Việt Nam" là câu đánh giá có cơ sở, bởi lẽ thì giờ vật chất mà ông để dành cho hệ thống để tài kỹ hiệu học phải kể từ những năm 70; số lượng công trình, bài viết, buổi thuyết trình theo hướng đề tài này phải kể đến hàng trăm. Và cái lớn hơn hết là ông đều khởi phát từ ý thức văn hóa dân tộc trên cả hai phương diện: nhận và cho. Lấy cuốn Từ kỹ hiệu học đến thi pháp học (1992) làm ví dụ. Mở đầu cuốn sách G.S đã tự nhận mình là người đam mê thơ ca dân tộc từ Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, cho đến "thơ mới", thơ ca yêu nước và cách mạng, và cả những vần ca dao, tục ngữ, khúc hát ru trước khi đọc thơ Pháp và những tinh hoa văn hóa nước ngoài. Khai thác những thành tựu về cách đọc thơ theo thi pháp kỹ hiệu học của Michael Riffaterre, của Iuri Lotman, của Henri Meschenic, G.S đã vận dụng cổ sáng tạo vào việc phân tích, bình giảng thơ, ca dao, tục ngữ Việt Nam. Việc vận dụng thi pháp kỹ hiệu học vào việc phân tích tác phẩm văn học là một phương thức trong nhiều phương thức nghiên cứu, đưa lại bổ ích, thú vị cho người đọc. Mục đích của xu hướng nghiên cứu này nằm trong trào lưu có tính quốc tế nhằm đổi mới nghiên cứu tính văn học, trả lại cho cấu trúc tác phẩm những yếu tố mà trước đây bị bỏ quên, những vùng tiềm năng của nhà văn bị coi nhẹ. Những công trình của G.S Hoàng được giới thiệu ở nước ngoài thường mang ý nghĩa kép: vừa giới thiệu những tinh hoa văn hóa Việt Nam và giúp cho bạn đọc nước ngoài, các nhà Đông phương học, Việt Nam ở nước ngoài hiểu được phần nào tâm vóc và quan điểm cởi mở

của khoa học xã hội Việt Nam vốn sinh ra và trưởng thành trong điều kiện khốc liệt của chiến tranh giải phóng; vừa thay mặt độc giả Việt Nam tiếp nhận tinh hoa của văn hóa thế giới.

Nền gương đạo đức của một nhà khoa học không chỉ là chuyện ghi công, mà còn là bài học cho nhiều thế hệ khoa học, đặc biệt là các nhà khoa học trẻ. Xin nêu 2 phẩm chất ở G.S Hoàng Trinh. Ở ông nổi bật là tính khiêm tốn, đôi khi rụt rè, nhưng là cử chỉ rụt rè của một bậc hiền tài. Nói chuyện với ông, chúng tôi thường học được đức tính biết mười, nói một. Khi đã ở tuổi ngoài 70, khi đã có nhiều công trình về lý luận văn học, văn học phương Tây và hàng chục công trình về kỹ hiệu học, thi pháp v.v..., vậy mà ông vẫn coi việc mình chỉ là để "Bày tỏ nguyện vọng tha thiết của mình", "để tham khảo ý kiến và học hỏi kinh nghiệm của các đồng nghiệp nước ngoài". Đối với ông, sự nghiệp nghiên cứu thơ ca là vô cùng to lớn, đứng trước nó như đứng trước "cái vô cực", bao giờ cũng thấy mình bé nhỏ "Lực bất tòng tâm". Vào tuổi 77, khi mà tên tuổi ông đã được các tổ chức biên soạn tiểu sử danh nhân đưa vào những từ điển của mình như những *Từ điển danh nhân của ABI* (1992 - 1993), *Ai là ai trên thế giới* (Who is who in the world) (1991 - 1992) ở Mỹ trung tâm biên soạn từ điển danh nhân Cambridge ở Anh, mà ông vẫn không tự bằng lòng, mà vẫn nguyện "Luôn cố gắng làm việc thầm lặng, hăng say, đeo đuổi đến cùng sự nghiệp để có thể trở thành một chuyên gia đáng tin cậy".

GS.VS. Hoàng Trinh mất đi để lại khoảng trống trong đời sống nghiên cứu và lý luận văn hóa, văn học nước nhà. Những trang viết đầy xúc động này của tôi, coi như một nén hương tưởng niệm dâng lên hương hồn ông với niềm tiếc thương vô hạn của chúng tôi, những thế hệ hậu sinh đang nguyện học tập và noi gương tài năng và đức độ của ông. ■



TIN BUỒN

Hội Nhà văn Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Văn học và gia đình vô cùng thương tiếc báo tin.

Nhà văn, Giáo sư Viện sỹ Hoàng Trinh, tên khai sinh là Hồ Tôn Trinh

Sinh ngày 28 - 9 - 1920 tại xã Đại Nài, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Tham gia Cách mạng từ tháng 8 năm 1945, Nguyên Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Tĩnh; Nguyên Viện trưởng Viện Văn học; Ủy viên Hội đồng Khoa học Viện KHXH Việt Nam, Tổng biên tập Tạp chí Văn Học, Ủy viên Ban Thường trực Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam

Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Viện sỹ danh dự Viện Hàn lâm Khoa học Hungari, Phó chủ tịch Hiệp hội các Hội đồng Khoa học xã hội Châu Á và Thái Bình Dương, Phó chủ tịch Ủy ban Quốc gia UNESCO

Huân chương kháng chiến hạng Nhất - Nhì - Ba.

Huân chương lao động hạng nhất.

Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT đợt 1 (năm 1996)

Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

Sau một thời gian lâm trọng bệnh, đã được các bác sỹ và gia đình hết lòng chăm sóc; nhưng do tuổi cao sức yếu, Nhà văn, Giáo sư, Viện sỹ Hoàng Trinh đã từ trần hồi 17 h 05' ngày 19 - 3 - 2011, hưởng thọ 92 tuổi.

Lễ viếng, lễ truy điệu và an táng Nhà văn Hoàng Trinh đã được cử hành trọng thể ngày 24 - 3 - 2011 tại Nhà tang lễ Bộ Quốc phòng trong niềm tiếc thương vô hạn của gia đình, bạn bè, đồng nghiệp cùng nhiều thế hệ học trò của ông

Hội Nhà văn Việt Nam và Tuần báo Văn Nghệ xin gửi lời chia buồn sâu sắc tới Viện Văn học và gia đình nhà văn, Giáo sư, Viện sỹ Hoàng Trinh

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM
TUẦN BÁO VĂN NGHỆ

NHỚ GIÁO SƯ - VIỆN SỸ HOÀNG TRINH

TÔN PHƯƠNG LAN

Nhớ đến Giáo sư Hoàng Trinh là có thể nói đến sự năng nổ, bền bỉ trong tự học, trong ý thức tập trung cao độ cho công việc của mình, nhất là việc học ngoại ngữ và sử dụng nó như một chìa khóa để mở cánh cửa đi vào khoa học, là sự dẻo dai trong công việc. Ông học tiếng Pháp từ thuở nhỏ và là đồng dịch giả của *Đất vỡ hoang* (M.Sölökhóp). Do thường phải đi công tác nước ngoài, ông càng thấm thía vai trò quan trọng của tiếng Anh trong giao tiếp, nên ông đã hết sức nỗ lực tự học để rồi dần dần làm chủ được ngôn ngữ này mặc dù vào thời điểm đó ông không còn trẻ nữa. Sự tập trung cao độ vào công việc của ông đã gắn với những mẫu mực có thật nghe đến như...đũa. Một lần, ông đạp xe đi từ hướng phố Hàng Gai về nhà ở Lý Thái Tổ. Ông cứ cầm cúi đạp xe mà không hề biết rằng tàu điện đang đến. Khi ông lái kịp dừng tàu và hét lên, đúng lúc bánh xe ông gần chạm thành tàu, cả phố đổ mắt vào kính ngục thì ông mới biết mình vừa qua một tình huống hết sức nguy hiểm. Một lần khác, thời bao cấp, khi đi bỏ phiếu bầu Quốc hội, ông không hay là mình đang xếp vào

dòng người chờ... đổi bún vì nơi đây cũng đang chằng đèn kết hoa rực rỡ. Chỉ đến khi bà hàng hỏi đến gạo ông đầu thì ông mới ở người. Cũng vào thời ấy, khu tập thể chúng tôi rất ít nhà có tivi nên chúng tôi thường sang xem nhờ nhà ông. Nhà chỉ có một phòng chừng 15m vuông vừa là nơi làm việc, vừa là phòng ngủ, tiếp khách, xem tivi. Thường ông ngồi cùng xem phim với mọi người nhưng chỉ mấy lần thôi là chúng tôi phát hiện ra ông chỉ "nhìn mà không thấy" bởi khi phim vào đoạn mà mọi người cùng cười phá lên thì ông quay ra ngơ ngác...để rồi khi hết phim, ông lại ngồi vào bàn làm việc. Bà nhà cho hay là ông vẫn có thói quen thường trở dậy từ 4 giờ sáng để viết. Sau này khi đã cao niên, ông vẫn tham gia nhiều đề tài khoa học cấp Nhà nước.

Nghiêm túc, cẩn trọng không chỉ trong công việc. Ít khi ai đó bắt gặp ông ăn mặc xuề xòa. Bao giờ ông cũng sơ-vin nghiêm chỉnh, gọn gàng và đi bộ rất nhanh. Tôi về cơ quan làm việc dưới quyền của cả năm đời viện trưởng. Có thể nói mỗi ông một tính cách, mỗi ông có một điểm nhấn trong cung cách ứng xử với nhân viên. Ở Giáo sư Hoàng Trinh,

tôi nghiệm ra ông là người ít nói, ít có những cử chỉ xuề xòa. Nhưng ông lại có sự quan tâm theo cách của mình. Đường đời của ông khá hanh thông, thành đạt nhưng tiếp xúc, quan sát ông, tôi thấy ông là người khiêm tốn, có phần lặng lẽ... Sau ngày nghỉ hưu, thay vì cho việc mời thân hữu đến nhà chơi nhân một dịp gì đó, thỉnh thoảng ông lại đi xe ôm, đi tắc xi đến thăm nhà bạn bè, đồng nghiệp. Bên cạnh ông luôn có bà săn sóc. Ông bà ở chung cùng con trai. Cô con dâu lại mở quán cà phê nên khi đã cao niên ông không phải sống cô đơn, quanh quẩn.

Trong hơn thập niên lại đây, nhiều người đã tậu thêm nhà, sắm thêm đồ đạc, chuyển đến nơi ở mới rộng rãi, tiện nghi đầy đủ hơn...nhưng ông vẫn sống trong một căn hộ chung cư cũ kỹ được phân hơn 25 năm về trước. Thỉnh thoảng tôi vẫn đến thăm ông bà. Những đồ đạc được sắm sanh từ ngày ông mới dọn về nhà mới vẫn còn, vẫn nước sơn cũ trên tường...Căn hộ tập thể của những năm tám mươi càng trở nên khiêm tốn giữa một con phố càng ngày càng trở nên đông đúc. Tuổi ngày một cao, sức vóc ông bà ngày một xuống.

Vẫn biết "miếng da lừa" sức khỏe của ông đã còn lại rất ít, nhưng khi được tin ông ra đi, tôi cũng không khỏi ngỡ ngàng, xúc động và thương tiếc. Mà không riêng gì tôi, bởi ông đi trong một giấc ngủ kéo dài, không ốm đau, không một sự chuẩn bị đối với cả vợ con...

Thế là đôi chân từng đi rất nhiều lần đến các miền đất trên thế giới để tìm hiểu, để học tập, để giao lưu... đã ngừng bước. Đã ngừng đập một trái tim từng đau đầu với sự phát triển của nền khoa học xã hội nước nhà. Vĩnh biệt một giáo sư từng có nhiều công lao trong việc đào tạo nên các thế hệ học trò, các nhà nghiên cứu, một Viện phó rồi là Viện trưởng đã có nhiều đóng góp trong sự phát triển của Viện Văn học mà tôi là một thành viên. Vĩnh biệt một nhà nghiên cứu có nhiều đóng góp cho nền học thuật nước nhà!...

Ông ra đi quá nhẹ nhàng thanh thản. Như là ông chỉ ngủ một giấc dài rồi sẽ dậy. Và trước mắt tôi, ông như vẫn còn đó, trong bộ quần áo sơ-vin giản dị, cúi đầu rào bước nhanh nhẹn trên hè phố Lý Thái Tổ đang mùa cây rụng lá...■

Quan Nhân - Hà Nội ngày 22 tháng 3 năm 2011



CON DÊ ĐEN

I. AL-KONI (LIBYA)

MẮT năm ngày để có thể đi xuyên qua vùng hoang mạc đỏ Hamada, và suốt những ngày ấy mưa lã đá dội xuống liên miên. Mưa chỉ tạnh khi chúng tôi đặt chân tới sa mạc Fezzan và đi sâu vào Sahara, rồi ngay lập tức bị lọt thõm giữa cơ man là đồi cát và những vùng đất cao. Những ngọn đồi được dựng lên bởi lớp lớp cây cọ, trải dài tít tắp hết tầm mắt.

Chúng tôi quyết định dừng lại ở giữa đoạn đường từ Burak đến Sabha, sau một cơn cát rất đẹp có rặng cọ quây xung quanh – những cây cọ vào tiết đông kể ra cũng không được mỡ màng như thường ngày.

Trước khi trời sập xuống, lù lục đã được tháo yên cương – bầy súc vật rất nhọc mệt sau chuyến đi một mạch ngày rưỡi liên không nghỉ. Mọi người vội vàng gom củi. Đống lửa được khơi lên cháy rất lớn, trên gò cát, cạnh một cây cọ thân to mập. Gió bắc thổi từ phía Hamada đỏ đã lảng đi đôi chút, nhưng mưa rào vẫn thường xuất hiện. Vùng cát gió Zulaf khao khát khí ẩm hàng ngàn năm nay tham lam hút sạch từng giọt mưa – nếu không thì cũng không thể khơi lên được đống lửa lớn như vậy, từ xa người ta có thể tưởng là một đám cháy – điều này chúng tôi biết được do kinh nghiệm của bản thân khi thường xuyên phải di chuyển trên sa mạc Sahara. Chúng tôi muốn sưởi ấm quá thế! Những năm ngày đêm mưa rào miền man suốt quãng đường chúng tôi đi trên Hamada đỏ, thế nên cả đoàn ướt như chuột lột. Tôi và Mamun, hết như những con cung quăng, quay vòng vòng quanh đống lửa, đến khi người bỗng rất lên thì lại chạy ra xa một chút, lúc nào thấy lạnh còng lại ào vào.

Mamun, cũng như mọi khi, vẫn cứ bận bịu với việc nướng món bánh mì trữ danh của mình – bánh mì nướng than. Ấm lên đôi chút rồi, gã ngấm bầu trời hoàng hôn, nhận xét:

- Cậu nhìn kia! Dòng nước trời cứ ập xuống những nơi chẳng cần đến chúng. Còn nơi đang cần thì lại keo kiệt đến từng giọt... Trên Hamada đỏ mưa rào không ngớt, rồi lại cả tuyết cũng rơi nữa. Thế mà Zalaf thì khốn khổ vì khô hạn.

Mamun lấy bột, đổ nước vào cái tô to, bắt đầu nhào bột – gã thích làm bánh, nhất là món bánh nướng than ở Sahara. Hồi sau, gã nói:

- Mà cuộc đời thì vẫn thường vậy đấy...

Tôi im lặng. Mà tôi chẳng hé răng nửa lời với gã từ khi chúng tôi đến sa mạc Zulaf. Rõ ràng là điều ấy khiến gã chạnh lòng, và gã, như thể để phản ứng, rụt rè tiếp:

- Thánh Alla nhân từ, nói gì thì nói. Có lẽ trong việc này cũng có một sự minh triết mà ta không hiểu được. Bởi Alla không thích như vậy.

Trong những lời ấy tôi cảm thấy một nỗi đau thấm kín không lời. Tôi không đáp, nghiêng rằng lại, bắt đầu lấy tay cào cát ướt và nặng, đào thành một cái hố sâu để trú tránh mưa và lạnh. Như thể đào huyết cho mình vậy. Bỗng tay tôi chạm phải một cái bình. Lúc ấy Mamun đang cày đất nói:

- Cái gì cái gì cũng đi về phía Bắc, ngay cả những cơn mưa... Cậu là nhà khoa học, đi cả châu Âu lẫn châu Mỹ rồi, cậu nói xem, thế có công bằng không?

Tôi đã tỉnh đáp lời để yên ùi gã, xoa dịu cơn đau đang dầy vò tâm hồn gã, nhưng hồn vía của tôi đã bị bắt mất rồi – cái bình! Tôi đào tiếp, moi cát phía trên rồi cào quanh cổ bình – tìm đập thỉnh thịch. Tôi thấy nghẹt thở. Bà, rồi cả bố

L.T.S: Ibrahim Al-Koni- nhà văn Libya, sinh năm 1948 tại vùng sa mạc Fezzan, từng theo học khoa Văn học so sánh, Đại học văn chương Gorky (Matxcova), và nhiều năm sống, làm việc tại Nga, Ba Lan, Thụy Sĩ. Ông là một trong những tiểu thuyết gia có tiếng của thế giới Ả-rập. Sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ, sách của ông được dịch ra 35 thứ tiếng trên thế giới. Tiểu thuyết "Bụi vàng" của ông vừa được xuất bản bằng tiếng Anh vào năm 2008.

Trong bối cảnh đất nước Libya của Ibrahim Al-Koni đang rơi vào vòng binh lửa, Văn nghệ xin giới thiệu một truyện ngắn của ông rút từ bộ sách "Amanach phương Đông", Nxb Văn học nghệ thuật, Matxcova, 1987.

mẹ ngày xưa cũng thường hay kể về những chiếc bình được nút kín bằng đất sét đựng đầy vàng. Nhưng thường thì luôn có cái gì đó làm hỏng việc. Những chiếc bình bị nổ tung ra và biến mất... Tôi vẫn nhớ lắm... Nhưng mà đây – cái bình – ngay trước mắt tôi đây thôi! Kho báu! Nơi giữ của! Cửa thời cổ xưa xa lắc. Tôi sẽ là triệu phú! Thánh Alla đã thưởng cho tôi vì sự trung thành với Sahara!

Tôi gạt được hết cát ra, ôm lấy chiếc bình bằng hai tay – một chiếc bình nâu xám và nứt rạn vì thời gian. Tôi vẫn nghe biết bao lần về Sahara vĩ đại, về những chiếc bình đựng vàng này. Và nó đây – trước mặt tôi, trên tay tôi... kỳ diệu thật!

... Tiếng kêu của Mamun kéo tôi về thực tại.

- Phải tìm ngay một con dê đen! Lay thánh Alla, lay thánh Alla! Một kho báu!

Tôi quay lại và buông giọng bực bội:

- Con dê đen nào ở đây nữa?

- Phải chọc tiết ngay một con dê, con dê non màu đen... Ngay lập tức!

Tôi sực nhớ những câu chuyện cổ của bà về những chiếc bình đựng vàng. Tôi gắt Mamun và điên tiết hỏi gã:

- Kiểm đầu được con dê đen ở sa mạc?..

Tôi đặt chiếc bình cạnh ngọn lửa. Ở bánh mì đã được nướng chín trên cát bỏng, ấm trà đã sôi. Câu hỏi của tôi làm Mamun bối rối. Gã thần thờ, nghĩ ngợi

mông lung cái gì đó... Nhưng nghĩ ra được gì chứ khi bên cạnh là chiếc bình đựng vàng?!

Mamun đến gần khi tôi bắt đầu lau cát trên cổ bình, nói:

- Không rõ có phải vàng trong đó không... - Gã tiến sát đến và hạ giọng thì thầm, lập bà lập bập vì hồi hộp, quả quyết – Có lẽ ta nên đi kiểm con dê... Ta sẽ gặp được ai đó chăn gia súc ở đây, trên sa mạc Zulaf...

Tôi chà cát cho đến khi ngón tay mò thấy một cái nút cũng xám xịt và rất chắc. Chiếc bình rất nặng!

Không nhìn Mamun, tôi bắt thử nắp, cái nắp không suy suyển – chắc quá, quý thật, dù chiếc bình đầy vết rạn... Có thể vì chiếc bình đã nằm bao lâu trong lòng Sahara...

Tôi rút dao ra – quyết định phá trình chiếc bình! Hy vọng lớn dần lên... Tôi phát cuồng. Trí tưởng tượng về ra những thỏi vàng đủ mọi hình dáng kích cỡ, những thỏi vàng cổ tích, những thỏi vàng kỳ diệu, món quà của thánh Alla, của thần linh bảo trợ Sahara – tất cả là của tôi, của một mình tôi! Ơn Trời! Xin thánh Alla đoái thương và cứu rỗi!

Cuối cùng tôi cũng phá được cái nút. Và nhìn thấy vàng, vàng thật, lấp lánh ánh lên, tràn ra trong ánh sáng bập bùng của đống lửa, lóa hết cả mắt!

Không phải một thỏi, và không phải

những viên nhỏ... Thật sướng mắt! Tôi quay về phía Mamun, mắt gã đang giấu một nét tham lam ham muốn. Chả cần phải chứng minh làm gì – đây đúng là vàng rồi.

Nước trong ấm reo vang, mùi trà khen khét bay ra – nhưng chúng tôi lòng dạ nào mà uống trà nữa. Mamun trải tấm chăn ra cát để đổ vàng vào. Cơn mưa rào tạnh ngắt, đàn lạc đà thôi không nhai đi nhai lại nữa. Khoảnh khắc này sẽ ăn sâu vào tâm trí. Im lặng tịch mịch đến nỗi tai đau buốt. Và rồi... rồi tiếng thở của Mamun, tiếng thở sướng vui hỗn hển... Quyền năng của vàng là vô tận.

Vàng đổ vào tấm chăn thành một dòng mạnh mẽ, và rồi cuộc đã làm thành một đụn lấp lánh. Nhưng chiếc bình... chiếc bình bỗng vỡ tan trên tay tôi và những mảnh vụn rơi thành đụn tro ngay cạnh đụn vàng thần kỳ kia.

Mamun nhìn tôi đầy ẩn ý – tôi đưa mắt đi và chỉ tập trung nhìn vào đống vàng.

Mamun gói đống vàng lại, thắt nút, cẩn thận để vào bao thổ. Chúng tôi thở phào. Ấm trà đã cạn và cháy sém. Bánh mì cũng cháy.

Chúng tôi tỉnh dậy trước khi mặt trời mọc. Mamun vội vã đi nhào bột hùng hục – đêm trước chúng tôi đã không ăn gì.

Tôi đi gom củi và vài phút sau trở lại, thấy Mamun mặt tối sầm. Có điều gì đã xảy ra – tôi đọc được điều ấy trong ánh nhìn của Mamun đối với tôi đã rất quen thuộc. Gã muốn nói mà rõ ràng là không dám, vẫn tiếp tục mê mải nhào bột... Tôi không kịp hỏi gì hết, bỗng nhìn thấy trên cát, cạnh chân gã tấm chăn được buộc thắt nút. Tôi lao tới như điên, sợ rằng tìm được vết tung ra không chịu đựng nổi, tôi tháo chăn... Thay vì đống vàng, trong tấm chăn có một đụn tro!

- Thế khi các con mở bình, vàng nhìn không giống như tro à? – Thầy cả Huma hỏi.

- Không! – Tôi nói một thôi một hồi – Vàng rõ là vàng thật mà! Tôi đã nhìn thấy! Vàng ánh lên lấp lánh, chảy tràn ra...

Thầy cả không cho tôi nói hết.

- Thế thì... Nghĩa là có vàng thật, – Thầy nói hoàn toàn bình thản khiến tôi căng thẳng.

Im lặng, chỉ có tiếng những con đom đóm đang bay về về trên đảo cát.

- Nghĩa là, lẽ ra cần phải kiểm một con dê con màu đen à? – tôi hỏi toạc móng heo.

Ông thầy già ho khan và đáp, không hiểu sao lại hạ giọng thật khó nghe:

- Người ta bảo thế... Nhưng vàng ở Sahara vĩ đại thường được tìm thấy ở nơi mà khó có thể kiểm cả dê trắng lẫn dê đen. Tất cả là cổ tích thôi...

Lại im lặng, chỉ có tiếng ầm nước sôi ùng ục. Rồi thầy cả lại nói:

- Nhưng nếu vàng đúng là đã biến thành tro rồi thì nghĩa là mỗi người trong các con đều là tội đồ.

Sững sờ vì lời tuyên án ấy, tôi ngồi gục mặt xuống đầu gối. Tôi, một kẻ đến đây từ châu Âu, châu Mỹ... Nhưng thốt nhiên Mamun cất tiếng, không giấu được vẻ cay độc:

- Thế ai, ai trong chúng ta mà không phạm tội, thưa thầy Huma? Thầy nói xem!

Chúng tôi im lặng rất lâu. Sự im lặng nặng nề. Bởi thế, tôi ghi nhớ rất rõ những lời thầy cả nói vào phút cuối. Thầy bảo:

- Con nói đúng! – đoạn chăm chú nhìn vào mắt tôi, rồi mắt Mamun.■

THUY ANH

(dịch qua bản tiếng Nga)



Minh họa của NGÔ XUÂN KHÔI

CHÙM TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN HIẾU

ĐANG ĐI ĐẾN HẠNH PHÚC

NÀNG đang ôm eo chàng. Chàng ngoẹo cổ nhìn lại nàng bằng động tác mà chàng cho rằng duyên nhất trong mọi động tác mà chàng có thể làm được. Có lần nàng đã thử thì "em chết vì cái liếc của anh khi anh ngoẹo cổ nhìn em". Nhìn họ, kẻ thờ ơ nhất trong cuộc đời này cũng bảo đó là một đôi đẹp. Biểu tượng sinh động, hoàn mỹ nhất của tình yêu lứa đôi. Bởi vì họ đang đi đến hạnh phúc. Nói nôm và cụ thể hơn vì đó là một cặp trai gái đang trên đường đi phát thiệp mời bè bạn và người thân đến dự đám cưới của họ vào ngày thứ hai tuần sau. Tối nay là tối thứ ba. Tức là họ chỉ cách ngày hạnh phúc nhất của đời người tính chỉ ly là năm ngày, sáu đêm nữa. Chính vì thế nên họ vẫn đeo nhau đi trên bờ đê làng mặc dù lúc đó trời phía đông đã hiện lên nhao nhao những làn chớp đồng. Lúc chàng rủ ga trước cổng báo hiệu, nàng ló ra môi cong nũng nịu "có khi mưa đấy". Chàng cứng cổ am tường nói "mẹ anh bảo chớp đồng nhay nháy, gà gáy mới mưa". "Thế à? Nhớ mưa thì sao?". "Mưa thì anh che cho em chứ sao. Che cho cả đời còn được nữa là trận mưa". "Ghe nhỉ. Thế thì chờ em". "À này". "Gì thế?". "Đeo nhẫn rồi đấy à". "Đeo thử xem có vừa không. Để hôm ấy đỡ lúng túng". "Thế thì em cũng vào đeo cho có đôi nhé". "Ừ cho có đôi. Nhưng nhanh lên, đợi lâu, sốt ruột lắm đấy". "Biết rồi, khiếp". "Hạnh phúc không thể trì hoãn". Chàng véo von như hát. Nàng nhon nhon đi vào rồi lại nhon nhon đi ra với vẻ hỉ hả, tin cậy.

- Còn mấy cái nữa nhĩ?
Nàng hỏi giọng ngọt thủ.
- Mười hai cái.
Chàng nói giọng trầm tĩnh.
- Như thế mình phải đi mười một chỗ thôi vì cái Loan, cái Vinh và anh Lâm ở cùng một khu nhà. Cái Loan với anh Vinh mới giận nhau to chứ không mình chỉ cần mỗi một thiệp.
- Biết đâu sau đám cưới mình họ lại làm lành thì sao.
- Ừ nhỉ. Em cũng muốn thế lắm. Cơ mà cái Loan nó cố chấp lắm.
- Vinh nó cũng tốt đấy chứ.

- Vẫn biết thế nhưng em nghe cái Loan kể nó tình cờ đọc được tin nhắn của người yêu cũ của anh Vinh giọng tha thiết lắm.

- Thế là ghen đúng không?
- Ai mà chả ghen. Anh cũng cứ liệu liệu đấy. Giọng nàng từ kể lẽ chuyện sang hôn yêu.

- Em yên tâm đi. Chiều nào đi làm về anh cũng cho em kiểm tra lại điện thoại.
- Nhờ anh xóa hết những tin làm em nghi ngờ thì sao.

Bàn tay nàng cầu nhẹ vào lưng chàng. Chàng buông một tay xoa nhẹ lên mu tay nàng, giọng khản khải.

- Làm con trai cái gì cũng phải đang hoàng nhất là với vợ yêu của mình. Có như thế con cái về sau mới học được

những đức tính tốt của bố mẹ.

- Nhìn xa trông rộng thế. Nàng ngả đầu vào lưng chàng. Hai tay ôm chặt. Thế anh thích có mấy đứa con?

- Bây giờ nhà nào cũng chỉ hai thôi.
- Anh là con một, nên nếu được thoải mái em sẽ đẻ cho anh hai trai một gái.

- Thế kia à. Cái mồm, cái mồm. Nói thì dễ. Thế có nuôi được không?
Một tiếng nổ vang lưng trời. Nàng rút cổ miết má mình vào lưng chàng.

- Sấm đấy.
- Kệ sấm trước càng khó mưa. Mẹ anh nói rồi.

- Anh này. Em đã tính. Sau cưới em sẽ đăng kí học lớp tiếng Anh ở cơ quan.

- Tất nhiên nghề của em việc ấy rất cần.

- Anh chả hiểu gì cả. Công việc là một chuyện. Cái chính là em muốn thông thạo tiếng ấy để sau này dạy cho con. Mai sau không có ngoại ngữ thì khổ lắm.

- Chỉ sợ có mang rồi em lại ngại thôi.
- Ừ, ừ. Em đã nhất quyết rồi. Hai năm sau mới đẻ. Thông thạo tiếng Anh, em sẽ được lên lương. Sau đó đẻ liền mất công nuôi một thế.

- Anh cũng nghĩ thế. Hai năm đúng rồi. Sếp vừa bảo anh đang nằm trong danh sách được cử đi học thêm lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ở Pháp.

- Thế à? Sao bây giờ mới nói. Đi lâu không?

- Sáu tháng. Phải hi sinh một tí thôi. Khi về... Thôi chả nói nữa. Nói trước không bước khỏi đầu.

- Nói đi, nói đi. Giấu em làm gì. Sáu tháng à. Kia đi chậm thôi. Trời hình như xầm hơn thì phải. Sang bên ấy không được lén tén đầu đấy nhớ.

- Làm gì có chuyện đó. Anh yêu em suốt đời.

Cuối trời sấm ục ục như bụng người đầy hơi.

Chàng vòng tay quàng vào lưng nàng để mình hoá cho lời hứa. Nàng quàng tay lên ngực chàng. Hai cái nhẫn cưới loé sáng vì ánh sáng của làn chớp rồi liền sau đó là tiếng nổ vang trời. Chàng rùng mình như bị ai đánh mạnh vào gáy. Hai tay chàng vung lên. Chiếc xe máy mất người đang đá lao mạnh xuống vệ đê.

Chàng và nàng mỗi người vàng vọt chỗ nằm im lặng.

- Có người ngã kia.

Trên đê vài bóng người lố nhố đang tản ra.

- Khổ quá, sét đánh trúng người thì phải...

- Kia cả xe máy...

- Hẳn hai người. Đấy đấy. Chắc họ đeo nhau. Đỡ họ dậy xem có làm sao không.

Mấy người tốt bụng chia nhau xốc xộc lao đến. Một chiếc ô tô đi ngược chiều, thấy bóng người đi chậm. Ánh đèn của nó soi rõ mấy tấm thiệp cưới vương trên cỏ bên cạnh thân hình chàng sóng sượt.



Minh họa của ĐỖ DỪNG

B UỔI sáng mùa xuân tuyệt đẹp. Mặt trời hàng tỉ tuổi hôm nay trở lại với vẻ e ấp của cô gái già tìm được người yêu. Lấp ló sau đám mây trắng đục như mảnh khăn cũ của cô gái nghèo biết trang điểm. Cô cây run rẩy như chờ đợi sự xoa vuốt của gió. Trên bờ đê, hai con cào cào đang chậm chạp bò lại gần nhau. Cào cào đực là anh chàng mới lớn, vạm vỡ khoác đôi cánh màu nâu nhạt điểm dứa. "Chỉ cần một cái nhún là ta đến được bên nàng Song hỡi bình linh, đừng làm nàng hoảng hốt, nàng sẽ hiểu lầm ta mất". Cào cào đực nghiêng cái mặt dài thườn (giống người mặt dài thì xấu vì bị ví như lưỡi cày. Ở giống cào cào mặt càng dài, càng nhọn càng đẹp) nửa tảng rằng nhểnh lên. Ấy là động tác làm duyên của cào cào đực. Chàng ta cúi xuống ngất một nhánh cỏ non mỡ. Chàng nhẹ nhàng đi đến, chàng sẽ tặng nàng ngọn cỏ này, như giống người tặng hoa. Ngọn cỏ ngon biết bao. Nàng thử nếm đi. Cứ là ngọt thấu đến tận cẳng. Cào cào cái vểnh đầu hình tam giác, giương đôi mắt màu ngọc lam nhìn. Nàng ao ước lắm chứ. Nàng cái nào chả thích người yêu mình cường tráng, khoẻ mạnh. Đôi râu trên chóp đầu nàng ngo ngoáy về ung thuận. Nàng hơi cúi xuống. Bàn chân thứ nhất của chàng đặt lên gờ lưng nàng. Ôi, phút giây chờ đợi... Cách đôi cào cào hơn ba mét có một đôi trai gái. Để xứng với mùa xuân kì diệu, hai người đẹp tuyệt vời. Màu hồng trên má cô gái, cơ bắp cuộn cuộn trên tay chàng trai. Mồm cô gái ngậm ngọn cỏ may để làm duyên chứ không phải để ăn như nàng cào cào. Khuôn mặt chàng vuông vức (giống cào cào mặt vuông thì dị dạng, ở giống người mặt càng vuông càng chứng tỏ chất

đàn ông vì nó được gọi là mặt chữ điền, loại mặt thường được gán cho kẻ sĩ và người phúc hậu) vênh lên làm điệu thuốc chàng đang ngậm vênh cao hơn để chứng tỏ chàng đã lớn. Cô gái ghènh mặt nheo mắt nhìn trời rồi cúi xuống nhìn thảm cỏ. Nàng bỗng reo lên tinh nghịch và thơ ngây:

- Hai con cào cào. Anh nhìn thấy không? Đấy, đấy...
Cô gái cố cười thành tiếng nắc nẻ, cánh tay trần choàng lên cổ chàng trai để hướng cho chàng nhìn thấy.

- Ừ nhỉ.
- Bắt cho em đi. Bắt cả đôi nhé.
- Được rồi.

Chàng gỡ tay nàng, thu mình lại, gờ tay chop nhanh. Cào cào đực mặc dù đang mê mải trong ái tình vẫn đảo mắt, giạt mình đập cẳng xuống đất bay vọt lên. Cào cào cái vì thụ động trong tình ái nên không nhảy kịp, liền bị tóm gọn. Chàng làm điệu dâng con cào cào bằng hai tay cho người yêu.

- Ơ, sao chỉ có một con?
- Con kia khôn quá.

- Anh chán lắm. Cô gái cố ý làm mặt phụng phịu.
- Ấy. Bể cẳng nó đi, không nó nhảy mất bây giờ.

Cô gái nhoe cười. Hai chiếc cào cào rơi xuống

mặt cỏ.

- Áo đỏ, áo xanh này.

- Ừ nhỉ.

- Em vật cánh ngoài của nó đi trông đẹp hơn đúng không?

Hai chiếc cánh xanh rờn duyên dáng của con cào cào bị ngắt rơi là tả.

- Kia, bắt hết tay em rồi.

Chàng trai sốt sắng nâng tay cô gái xuýt xoa khi thấy từ miệng cào cào vì đau tiết ra thứ nước màu nâu sền sệt.

- Khiếp.

Cô gái quàng con cào cào đi.

- Bắt thật, giống này hay ăn phân trâu lắm đấy.

- Thế à?

Chàng trai nhặt con cào cào rồi vung tay ném.

Con cào cào tội nghiệp bị tung nửa vòng trên không rồi rơi xuống mặt hồ nước ven đê. Con cào cào cái tuyệt vọng khua chân rồi rít làm loang những vòng xoắn rần rần nhỏ. Nhưng chỉ một thoáng sau, mấy chú cá mương lấu lỉnh đã lao đến tranh giành con mồi...

Đôi trai gái ngồi một lúc lúc đứng dậy, tay trong tay bước đi duyên dáng, vô tư, vui vẻ.

TRÒ CHƠI

Cô gái nhoe cười. Hai chiếc cào cào rơi xuống

TẶNG THẾ PHIỆT

Thế giới sẽ đi về đâu?

Tổng thống Mỹ Anh Pháp...
Cùng hát đồng ca thương xót
Dân Lybia di! Dân Lybia di!
Ta đến đây để cứu các người...
Và đầu kém xử Mặt Trời động đất
Bom thông minh, hành trình Tomahawk
Giữa sa mạc chọn ốc đảo màu xanh
Tan nát đau thương đầu tránh dân lành.

Ở xứ sở Lybia sa mạc
Tomahawk đủ biến Gaddafi hóa cát
Cần chi cớ máy không chiến tranh
Hay NATO
Diễn tập bắn đạn thật
Rân đe thế lực đang lên?
Hay đầu hỏa vàng đen
Hóa thành Bảo Vệ Nhân Quyền?
Dân Lybia di! Dân Lybia di!
Đẩy biển tàu chiến, đen trời mây bay
Xót thương bao người chết thảm phơi thây.
Lúc này thế giới
Ở nước Nhật đang gánh chịu nỗi đau đồng loại

Động đất, sóng thần tang thương
Thiên nhiên vô thường
Khó tránh.
Nhưng Lybia là việc của Con Người
Thế giới sẽ đi về đâu?

NGUYỄN BẢO CHÂN

Những vết thương

Tặng Nori Nagakami, bạn tôi

Lẽ ra Nori kể chuyện mùa anh đào nở
nhưng chị lại viết về nỗi đau
từng cơn đau Nhật Bản
ngợp thở tới
những cơn chữ ngã nghiêng
nứt tóc
gãy vụn
hoang mang
đau Nori viết
giãn đi, rằng chị không biết phơi quần áo các con mình
ở đâu
trong nhà hay dưới ánh trời
lúc nhà máy điện hạt nhân Fukushima vừa nổ...

Lẽ ra Nori kể chuyện mùa anh đào nở
nhưng chị lại nói đến nỗi ám ảnh
tháng Ba rét mướt
những người Nhật tìm nhau
đắm mình trong tuyết
những em bé mất mẹ cha
lặng lẽ cùng người lớn xếp hàng
chờ bữa sáng
Nori kiên nhẫn
hong khô nước mắt

ĐINH PHẠM THÁI

Em bé Sendai - Miyagi và bà mẹ

Động đất, sóng thần, cháy lò hạt nhân
Đổ nát tàn hoang đảo Nhật
Bụi phóng xạ lẫn vào mây vào búp anh đào...
Một giọt nước cũng gieo mầm chết

và hong áo các con bằng hơi ấm của mình
chị không biết nên vui hay buồn
khi chị có thể trở về nhà
bởi đã may mắn hơn bao người khác...

Lẽ ra Nori kể chuyện mùa anh đào nở
nhưng chị lại nhắc tới nụ cười
nắng mai rồi rít
rạng ngời gương mặt hai đứa con trai
lúc chúng nhìn thấy mẹ trên ngưỡng cửa
mẹ lại giặt áo, đan len và nấu nướng
lại ngồi trước máy tính, viết gì đó
thật bình yên
như thể cuộc sống vẫn lành nguyên
nhưng các cậu bé đâu biết
dư chấn trong lòng mẹ
âm thầm quấy đạp
bùng dậy
bạt ngàn cơn chữ
trùng trùng nỗi đau
mang tên Nhật Bản
khắc vào trái đất khốn khổ
những vết thương tươi...

21-3-2011

ẢNH BÁO CHÍ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM MẠNH THƯỜNG

ẢNH báo chí là một loại hình có chức năng phản ánh, cung cấp những thông tin nóng hổi, sự kiện mới một cách độc lập nhằm ngợi ca con người mới với những hành động đẹp, điển hình, đầy nhân bản... hoặc phê phán, lên án những thiếu sót, những việc làm vô nhân tính... đồng thời phát hiện, phân tích các điển hình tiên tiến, những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng... cũng như các hoạt động về văn hoá, nghệ thuật. Vì vậy, báo chí phải tuyệt đối trung thực, phóng viên ảnh phải là người trung thực. Ảnh báo chí quyết không được dàn dựng, sắp đặt, bố trí giả tạo, tô vẽ thêm bớt một cách tùy tiện. Một bài học đau xót cho làng phóng viên ảnh Việt Nam vẫn còn đó: Trong những năm chống Mỹ, rõ lên phong trào "sân mây bay giặc Mỹ cháy". Do không chụp được, phóng viên VĐ đã bố trí một khẩu đội súng cao xạ 12ly7 bắn mây bay ban đêm, nhưng không có mây bay, tác giả đã vẽ chiếc máy bay cháy đang lao xuống những đường dây thép (dây thông tin); hoặc trong chiến tranh biên giới phía Bắc, phóng viên MĐ nhớ đến một đầu máy kéo ban đêm để chụp với chú thích "Xe tăng giặc bị bắn cháy" - những bức ảnh đó bị phát hiện và hai nhà báo bị treo máy một thời gian. Hoặc chiếc xe tăng đầu tiên vào Dinh Độc lập Sài Gòn hồi 11 giờ 38 phút ngày 30-4-1975; một nhà báo không chụp được, đã dàn dựng lại để chụp; và khẳng định trong bài viết của mình đăng trên tạp chí Nhiếp ảnh (số 40 ra tháng 2-1985) - đó là chiếc xe tăng đầu tiên đánh chiếm Dinh Độc lập? Sau này bà Munder, một phóng viên người Pháp chụp được bức ảnh đó - đã tặng Bảo tàng Khoa học Lịch sử Quân đội người ta mới biết bức ảnh của phóng viên kia là không đúng, nhưng đến nay vẫn chưa được xử lý. Thế mới biết, tính trung thực là nhân tố hàng đầu và là yếu tố quan trọng nhất của ảnh báo chí...

Rõ ràng, những ảnh thời sự được cập nhật trong ngày đăng báo, là mang ý nghĩa sâu sắc, có giá trị lịch sử, được tồn tại qua năm tháng, nó sẽ trở thành ảnh tư liệu. Ảnh tư liệu là những gì đang tồn tại quanh ta, là một bộ phận của ảnh báo chí vô cùng quý giá. Đó là những tác phẩm *Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập tại quảng trường Ba Đình lịch sử* ngày 2-9-1945, *Bác Hồ ở Mặt trận Đông Khê* (Vũ Năng An); *Nữ dân quân* (Nguyễn Đình Ưu); *O du kích nhỏ* (Phan Thoan); *Tứ thần sấm xuống xe trâu* (Văn Bào); *Đi trực chiến* (Mai Nam)... Tất nhiên, ảnh báo chí không chỉ là để trang trí, minh họa cho bài viết, mà nó phải mang đến thêm thông tin cho câu chuyện, bổ sung thêm một yếu tố thị giác vào bài viết. Một bức ảnh báo chí tốt, là kể lại câu chuyện



Bức ảnh Kim Phúc của Nick Ut đoạt giải Pulitzer năm 1973

mà không cần ngôn từ gì ngoài chú thích ảnh. Thí dụ bức ảnh *Nụ hôn chiến thắng* của Alfred Eisensteadt, chụp tại quảng trường Thời đại - New York sau ngày chiến tranh thế giới kết thúc - những người lính còn sống sót trở về gặp nhau mừng rỡ trao cho nhau nụ hôn nồng cháy, với bối cảnh xung quanh là những người thân ra đón. Cùng với ý nghĩa đó, sau 20 năm chiến đấu chống Mỹ thắng lợi; nhà báo Lâm Hồng Long đã ghi lại cảnh *Hai mẹ con người tử tù ngày gặp lại*, với nỗi vui trào nước mắt. Nhưng tiếc thay không có bối cảnh, khiến người xem không biết được sự kiện diễn ra ở đâu và lúc nào? Vì vậy, mỗi phóng viên ảnh phải luôn luôn có ý thức khi đưa ảnh lên báo là cung cấp những thông tin mà bạn đọc quan tâm. Bởi bất luận thời nào, công chúng là người muốn biết tin tức, đặc biệt là tin tức bằng hình ảnh. Tuy vậy, trước đây không chỉ ở Việt Nam mà ở các nước trên thế giới như Thụy Điển, Đức, Pháp... phóng viên ảnh bao giờ cũng ở vị trí thấp hơn phóng viên viết. Thông thường, phóng viên viết yêu cầu phóng viên ảnh chụp theo ý mình, trực tiếp chọn ảnh và hình như, coi phóng viên ảnh là người đi "làm thuê" cho mình, ảnh chỉ làm nhiệm vụ minh họa cho bài viết... Cũng ngang tài ngang sức, nhưng phóng viên viết bao giờ cũng được hưởng lương, cấp bậc cao hơn; có tờ báo đã phải chuyển phóng viên ảnh sang bộ phận viết một thời gian, để "nâng

cấp" cho họ, sau khi được hưởng cấp mới, lại được trở về bộ phận ảnh?

Trong công cuộc đổi mới và hội nhập toàn cầu, việc nhìn nhận ảnh báo chí hiện đại đã có sự đổi thay lớn. Bởi lẽ giờ đây, từ lãnh đạo đến công chúng đều hiểu rõ tầm quan trọng của ảnh báo chí; khiến cho bạn đọc cảm thấy hứng thú hơn - khi bài viết có in những bức ảnh khẳng định nội dung chân thực của câu chuyện. Nói như vậy, không phải lúc nào, nơi nào, phóng viên ảnh đều được đánh giá cao. Do đó cần phải phấn đấu cho vị thế của phóng viên ảnh được nâng cao hơn nữa. Một trong những chức năng quan trọng của ảnh báo chí là thông tin phản ánh trung thực, sinh động; là "tiếng nói" bằng hình ảnh, một bình chũm quan trọng hợp thành báo chí hiện đại, để ghi lại những gì đang vận động (không bắt sự vật đứng lại dàn dựng bố trí để chụp) một cách hiệu quả nhất...

Báo chí của ta là báo chí cách mạng, vì lợi ích nhân dân, lấy sự thật xã hội làm chân lý để thực hiện quyền làm chủ xã hội. Vì vậy, phóng viên ảnh phải nắm vững quan điểm duy vật biện chứng về nhận thức luận để chọn đề tài và nội dung phản ánh. Ngôn ngữ ảnh báo chí là chính luận. Trong ảnh, người phóng viên phải khẳng định chính kiến của mình (ủng hộ hay phản đối). Rất tiếc trong cơ chế thị trường hiện nay, nhan nhản trên mặt báo nhiều bức ảnh vô bổ, chẳng có giá trị thông tin, thậm chí còn dùng photoshop tô vẽ thay hình đổi dạng làm mất bản chất sự thật. Một câu hỏi đặt ra - tại sao hiện nay, ảnh báo chí Việt Nam không có tiếng vang trên trường quốc tế như những năm tháng trước đây? Có người cho rằng ở ta hiện không sự kiện lớn xảy ra. Điều này không hoàn toàn chính xác, bởi thời gian vừa qua, chúng ta đã trải qua bao sự kiện cực lớn như những trận bão lụt cướp đi sinh mạng hàng trăm người, hàng vạn con người đang kêu cứu... Nhưng chúng ta chỉ thấy những bức ảnh vô cảm như trao hàng cứu trợ, các nhà lãnh đạo thăm hỏi bắt tay... mà thiếu đi những hình ảnh sinh động nói lên những cảnh ngộ bi thương, hay những hành động quên mình cứu người đứng cảm. Sở dĩ có tình trạng đó, là do phóng viên không có điều kiện hoặc ngại tiếp cận với sự kiện. Bởi chụp ảnh trong những tình huống như thế - không khác nào ra trận, có thể đối diện với cái chết - tinh thần đó chỉ có trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhưng lại quá xa lạ trong khung cảnh hòa bình hôm nay. Đó là một thực tế đáng buồn, mà mỗi người cầm máy chúng ta cần phải quan tâm, suy nghĩ.



QUA gần sáu trăm trang sách, nhà văn Hữu Phương đã tái tạo cả một bức tranh rộng lớn về thực tiễn chiến tranh nhân dân trên bối cảnh một làng quê Quảng Bình từ năm 1968 đến sau ngày đất nước thống nhất (1975) vài ba năm. Đó là những năm tháng dữ dội, đau thương, oanh liệt và hào hùng của đất nước, cũng là của miền quê khói lửa chiến tranh giáp đầu cầu giới tuyến trong kháng chiến chống Mỹ.

Tất cả các địa danh mà tác giả đưa vào tác phẩm chủ yếu được giữ nguyên như địa danh có thực ở Quảng Bình. Từ làng Đại Hoà, cầu Chánh Hoà, chợ Hoàn Lão (Bố Trạch) quê anh, đến sông Nhật Lệ, sông Đại Giang, Thị xã Đồng Hới, cầu Dải, bến phà Quán Hàu, cầu Long

manh trong lao động sản xuất, và chiến đấu.

Trong tác phẩm, tác giả còn đề cập đến nhiều vấn đề về đạo lý, về chủ nghĩa nhân văn trong con người, đó là cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, bền bỉ, lâu dài và gay gắt. Tất cả tập trung ở hình tượng người lính trong chiến tranh. Do vậy, tiểu thuyết vừa mang tính sử thi lại vừa mang tính xã hội sâu sắc, đa dạng.

Minh họa cho chủ đề ấy, tác giả đã dày công xây dựng nhân vật Thiện, một nhân vật trung tâm của tác phẩm. Anh là học sinh tốt nghiệp Phổ thông cấp 3, tình nguyện không vào Đại học, ở lại địa phương để lao động sản xuất và chiến đấu. Hàng hải nhiệt tình, năng nổ, trách nhiệm, anh là một trong những rường cột của sức sống mới làng Đại Hoà. Khi tiến tuyến gọi, anh xung phong đi khám tuyến và trở thành người lính vượt Trường Sơn vào Nam đánh Mỹ. Anh cưới vợ trước lúc lên đường, để vợ thay

nhau lên sàn đấu quyền Anh tại vực Long Vương hoang vắng của mảnh đất Đại Hoà của họ. Hai bên nốc-ao, đều để lại cho nhau những thương tích sầm sẫm mặt mày. Cuối cùng, Sơn đã lên xe máy vũ chạy và hấn ta đã chết vì tai nạn giao thông do không cầm vững tay lái, xe va vào cọc đường, bởi mắt Sơn bị Thiện đâm toả hoa ra trước đó.

Sơn chết, Thiện ôm xác bạn mà khóc. Đã dằng dặc đau đớn và căm thù như một trận mưa rào xoá sạch tất cả. Hình ảnh đó tôn lên giá trị nhân văn trong một con người từng mặc áo lính.

Lúc còn làm ở HTX, Sơn giờ trò bữa dôi cây ấu, rồi à uôm để nhận được công điểm. Hấn mê say Cẩm, cô gái bạn học cùng lớp, cùng chung thôn xóm và rắp tâm hăm hại. Một đêm, hấn đội mặt nạ đến nghĩa địa, nơi Cẩm đang thắp hương cho một liệt sĩ là người yêu của cô, để cưỡng bức, cướp đi sự trong trắng đời con gái của cô. Chuyện không thành,

cương vị này, hấn tìm cách chiếm đoạt Hoà, vợ của Thiện, vi phạm chính sách phụ vận. Khi chuyện sắp vỡ lở, vi bụng Hoà ngày một to, hấn trốn tránh bằng cách nham hiểm bày mưu cho Hoà. Theo mưu kế của Sơn, Hoà dụ ông Duẩn, bố chồng của mình, thấy giáo cũ của Sơn, ăn nằm với mình một lần và sau đó vu oan giá hoạ cái thai trong bụng mình là tác phẩm vô đạo đức của bố chồng. Vì mắc bẫy, ông Duẩn thấy quá nhục nhã đã bỏ làng, bỏ xóm ra đi...

Một kẻ lưu manh chính trị, một kẻ lừa dối phản bạn, một gã Sở Khanh, bề biết mấy cảnh phù dung như Sơn, thế mà cuối cùng tác giả đã để cho nhân vật này chết vì tai nạn giao thông... Phải chăng đó là một kết cục của cái ác, một phương tiện trừng phạt của công lý tự nhiên theo đạo lý truyền thống? Trong tác phẩm, cái chết của Sơn không được một nhân vật nào bình luận để qua đó có thể thấy tác giả bộc lộ quan niệm của mình. Có lẽ đó là một điều đáng tiếc chăng?

CHÂN TRỜI QUÁ KHỨ VÀ CON MẮT SUY NGẪM

(Tiểu thuyết của Hữu Phương, Giải B cuộc thi tiểu thuyết Hội Nhà văn Việt Nam 2005-2010)

HỒ NGỌC DIỆP

Đại, xã Thủ Thử...v.v tác giả không hề thay tên, đổi chữ, khiến cho người đọc, nhất là người đọc ở Quảng Bình, thấy câu chuyện trong tác phẩm như thực, như đã từng xảy ra trong những năm tháng lịch sử vừa qua.

Tác giả *Chân trời mùa hạ* đã chọn địa phương thôn Đại Hoà, xã Đại Trạch làm trung tâm diễn biến cốt truyện. Đây cũng là quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn của tác giả.

Trong tác phẩm, người dân ở đây, từ già đến trẻ, tất cả đều chung tay gánh vác công việc, vừa sản xuất vừa chiến đấu để không những đảm bảo cuộc sống cho mình mà còn góp phần cung cấp sức của, sức người cho tiến tuyến. Những thanh niên nam nữ vốn là học sinh tốt nghiệp cấp 3 tình nguyện không vào Đại học, ở lại quê hương, những Thiện, Cẩm, Xuyên, Phương... ngày ra đồng, tối canh trực bãi biển chống biệt kích Mỹ nguy xâm nhập. Vừa sản xuất, họ vừa trực sẵn bắn máy bay Mỹ bằng súng bộ binh. Khi tiến tuyến gọi, họ đã tình nguyện lên tuyến đầu, trở thành chiến sĩ trong những binh đoàn TNXP và bộ đội trên những cung đường ra trận và chiến trường diệt Mỹ. Rồi chiến trường, họ lại trở lại quê hương xây dựng HTX hoặc trở lại trường Đại học tiếp tục con đường học hành của mình.

Bằng nhiều nhân vật, tình tiết, chi tiết phong phú và đan quện, tác giả thêu dệt nên vẻ đẹp hào hùng quả cảm của một thế hệ trẻ trưởng thành trong những năm tháng quê hương bước vào kháng chiến. Bên cạnh họ, còn có những ông Niệm, ông Duẩn, ông Mễ, ông Thảo, ông Quý, bà Mây, chị Loan, anh Khánh...v.v, những con người chân chất, bình dị, sống yêu thương gắn bó, giàu tình làng nghĩa xóm, tận tụy với công việc HTX, thôn xóm, ứng biến giỏi giang trước mọi tình huống, khi bán kính đau thương bởi chiến tranh ác liệt huỷ diệt của Mỹ gieo xuống ngày một thu sát vào mỗi người trong họ.

Họ là hình ảnh điển hình cho những người dân Quảng Bình gian khổ nhưng can trường bền bỉ chịu đựng, đối đầu sức

minh giúp đỡ hôm sớm người cha thân yêu đã đơn độc nuôi gia đình từ mười mấy năm qua.

Sau bảy năm ở chiến trường Trị Thiên, hoạt động nằm vùng để giữ phong trào cách mạng sau Mậu Thân 1968 chìm trong khủng bố, từng bị thương và được một nữ bác sĩ sản khoa cứu chữa trong nhà riêng của mình, anh đã trở về quê hương khi đất nước hết chiến tranh. Nhưng, một thảm kịch vấy bừa đời anh: vợ ngoại tình, có con riêng; người cha thân yêu thì mắc bẫy của những kẻ sống tâng tận lương tâm, đã mặc cảm, bỏ làng ra đi mất tích.

Anh đã sẵn sàng tha thứ cho Hoà như những người lính cao thượng khác sau chiến tranh trở về tha thứ cho những người vợ đã trót lầm lỡ. Nhưng Hoà đã không trở lại trong vòng tay chấp nhận của anh.

Nhờ vào những bài báo của một phóng viên mặt trận mù mờ viết về cha mình, anh đã đi tìm được mộ của cha. Ông Duẩn, cha anh, vì nổi mặc cảm và đau khổ, đã bỏ làng ra đi, tìm nơi bom đạn để tự hủy hoại thân thể mình. Nhưng bao nhiêu lần, bom đạn Mỹ đều từ chối ông. Trong quãng ngày thơ thẩn đó, ông Duẩn đã vô tình lập nên chiến công như một người anh hùng không tên tuổi: ngồi lên bom nổ chậm, cảnh giới cho đồng xe chạy về tiến tuyến, rồi một mình bắn rơi một máy bay Mỹ F4H, rồi dạy học, xoá mù chữ và nâng bậc một lớp học cho con em ở Nông trường Lê Giang, rồi mới rụi chết âm thầm.

Trước khi lên đường vào Đại học, trở lại con đường học hành sau chiến tranh, anh đã tìm hiểu và vạch mặt chỉ trần Sơn, nguyên bạn học cùng lớp với anh, cùng lên đường làm nghĩa vụ quân sự một đợt với anh, nhưng là kẻ mảnh lỏi, cơ hội, ích kỷ, tìm cách "chiếm đoạt" công danh. Chính hấn là thủ phạm gieo rắc những tội lỗi trong gia đình của anh.

Với nhân vật này, nhà văn Hữu Phương đã lột tả cái giả trong cái "thật" của một người lính già. Cuối tác phẩm, tác giả đã đẩy Sơn và Thiện, kẻ thù của



hắn nuôi ý chí, sự thèm khát, quyết chinh phục bằng được cô gái này, nhưng đến mãi cuối đời mà không sao thực hiện được. Hấn vào bộ đội với những toan tính ích kỷ. Bằng nhiều mảnh lỏi, hấn vừa là tác giả kịch bản, vừa là đạo diễn, vừa là diễn viên của những vở kịch cuộc đời mà chỉ chính mình hấn biết. Với những trò kịch ấy, hấn đã cướp đi sự trong trắng, tôn sùng, tin tưởng của Thẩm, cô gái trong nhà trọ lúc đơn vị huấn luyện cơ bản ở đây, trước khi vào chiến trường, để rồi sau đó hấn quên cô như sau một giấc ngủ. Ở chiến trường, hấn đã đánh cắp giấy không chỉ của Trại trưởng, bố đẻ của Thẩm trước lúc ông hy sinh để sau đó trở về địa phương nhờ giấy tờ đó tạo "vỏ bọc" có lợi cho mình. Ngoài mặt trận, hấn ma mãnh cướp đi sự trinh nguyên và lòng tin dâng hiến của Xuyên, cô y tá cùng quê, tại trạm cứu thương, để rồi sau đó chỉ coi cô như một cơn gió thoảng. Sau ba năm tám tháng ở rừng, trong một Binh trạm, với giấy tờ giả mạo, hấn trở về địa phương trong tư cách là một thương binh là Đảng viên kết nạp tại mặt trận. Người ta tin tưởng và giao cho hấn chức Chủ nhiệm HTX, sau đó là Bí thư Đảng uỷ xã. Vài năm sau, hấn được đề bạt làm Trưởng phòng nông nghiệp Huyện. Ở

Rồi ông Duẩn, nạn nhân của vở kịch đầy mưu mô thâm hiểm do Sơn dựng nên, khi chết vẫn chưa được minh oan lòng mình. Những cô Thẩm, cô Xuyên, cô Hoà, nạn nhân của sự lừa đảo đã tự dâng hiến sự trong trắng và hạnh phúc của mình, đều chưa một lần có dịp chỉ tay vạch trần bản chất đê hèn của Sơn.

Pháp luật cũng chưa sờ gáy Sơn về tội làm giả lý lịch để leo cao, tiến chức. Và cái làng Đại Hoà không một ai đứng lên tố cáo cái gian hùng của hấn trước ánh sáng, cũng không bình luận tố thái độ gì khi hấn chết. Do đó, phải chăng, tác giả chỉ ra rằng, Sơn là hiện tượng ngẫu nhiên của cuộc sống, một sản phẩm của thói ích kỷ, bất nhân đang tồn tại, ẩn tàng lâu dài trong xã hội ta. Do vậy, khi tác phẩm khép lại, người đọc có thể cảm thấy ảm ức, bức dọc, khó chịu, một điều gì đó khó nói; bởi người ta phải băn khoăn vì sao tác giả không đáp ứng thoả đáng tâm lý: cái thiện phải thắng?

Đọc *Chân trời mùa hạ*, ai cũng có thể thấy mình, quê hương mình thời Miền Bắc còn chiến tranh, nếu như đã từng có những ngày sống ấy. Những trang viết của Hữu Phương về thủy lợi, ruộng đồng, bò mẹ, chống đói, chống rét, pháo sáng Mỹ, bom đạn Mỹ, làm hầm và ngủ hầm và đặc biệt về săn bắt chim cá... Có thể nói là những dòng viết chảy từ máu thịt của anh. Nó có thể làm nên những chuyên đề độc lập trong tiểu thuyết.

Một đặc điểm nữa: Hữu Phương rất có tài trong việc miêu tả các quan hệ thân thể giữa các cặp nam nữ, đủ mọi lứa tuổi, trong mọi hoàn cảnh, khá chi li tường tận. Phải chăng, đó là một nét gây hấp dẫn trong phong cách hiện thực của nhà văn.

Xét trên toàn bộ, tiểu thuyết *Chân trời mùa hạ* là một tác phẩm viết về chiến tranh nhân dân và hình tượng người lính trong chiến tranh chống Mỹ khá sinh động, chân thực và do đó đầy ngẫm nghĩ về con người và số phận con người. ■



NGƯỜI NHẬT VÀNG TỪ THỜI GIAN

(Đọc *Lý luận phê bình và đời sống văn chương* của Nguyễn Ngọc Thiện - Nxb Hội Nhà văn, 2010)

NGUYỄN LONG

MỘT trong những điểm hấp dẫn ở tác phẩm nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Thiện là cảm nhận về độ tin cậy của văn bản. Theo vào trang văn của Nguyễn Ngọc Thiện, tôi có được cái cảm giác như đi vào trong cõi thực vốn có của nó, không còn thấy ngỡ ngàng, muốn tra cứu lại một văn bản nào đó xem có đúng vậy không. Trên cơ sở tư liệu đó, Nguyễn Ngọc Thiện đã dựng lại rất có hồn diện mạo của nhiều sự kiện văn học phức tạp, có khi bị thời gian che khuất hoặc do hoàn cảnh khách quan của lịch sử chưa thể đánh giá đúng đắn hoặc nhìn nhận còn chưa thấu đáo. Với năng lực tư duy sắc sảo, anh đã đóng góp vào thành tựu chung của khoa học nghiên cứu văn học nước nhà những đánh giá giàu chất khoa học, giàu chất thẩm mỹ, có lý, có tình.

Trong cuốn sách này, ở Phần thứ nhất: *Lý luận, phê bình với đời sống văn chương*, Nguyễn Ngọc Thiện đã khái quát một cách thuyết phục về sự hình thành và phát triển của diện mạo lý luận, phê bình văn chương ở ta xuyên suốt thế kỷ XX. Ở bài *Lý luận, phê bình văn học Việt Nam 1930 - 1945, tác giả nhìn nhận tiến trình qua "các cuộc tranh luận văn học"* bởi các cuộc tranh luận ấy "có ý nghĩa đối với việc tìm hiểu tư duy lý luận, phê bình trong giai đoạn này" (tr 17-18). Cuộc tranh luận về truyện Kiều (1924 - 1945), tác giả đánh giá: qua đó, "tư duy lý

luận, phê bình văn học đã có một bước tiến trong nhận thức, đánh giá về tác giả, tác phẩm văn học quá khứ" (tr 21). Cuộc tranh luận về Quốc học "thực chất là sự nhìn nhận, khẳng định vai trò quan trọng của tri thức khoa học, nền tảng văn hóa, văn học, bản sắc văn minh tinh thần đối với tiến bộ xã hội và sự hưng vong của quốc gia" (tr 25). Cuộc tranh luận Thơ mới / Thơ cũ "cho thấy vai trò mở đường của tư duy lý luận và những cú hích của tranh luận, phê bình đã là những nhân tố góp phần vào sự ra đời và chiến thắng của Thơ mới ..." (tr 29). Cuộc tranh luận "Nghệ thuật vị nghệ thuật" hay "Nghệ thuật vị nhân sinh" là "sự khơi mào, đặt nền tảng của tư duy lý luận mà-xít khi tham gia giải quyết các vấn đề tư tưởng - học thuật cơ bản từ hồi đó, đồng thời cũng là tạo những tiền đề dùng dần, để lúc có điều kiện trở lại bàn bạc tiếp, đào sâu và mở rộng hơn nữa cho ngã ngũ và có thể tiếp cận tới đa chân lý nghệ thuật" (tr 32-33). Cuộc tranh luận "Đâm hay không đâm" trong tác phẩm của Vũ Trọng Phụng được tác giả nhìn nhận là "chứa đựng một chiều sâu học thuật đáng kể. Nó góp phần làm sáng tỏ cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng văn học đương thời là khuynh hướng văn học lãng mạn thoát li với khuynh hướng hiện thực tả chân, từ đó cho thấy quan niệm

về chủ nghĩa hiện thực của các nhà văn hồi ấy" (tr 33).

Cũng trong bài viết này, tác giả định danh các khuynh hướng phê bình chủ yếu như: Phê bình ấn tượng, trực cảm còn gọi là phê bình chủ quan; Phê bình lý trí, khoa học còn gọi là phê bình khách quan; Phê bình biện giải, luận thuyết hay còn gọi là phê bình lý luận... Phần nói về Sự hình thành đội ngũ tác giả lý luận, phê bình cũng giúp cho người đọc hình dung lại những thế hệ tiền bối kế tiếp nhau trên chặng đường đi tới của văn chương nước nhà trong gần một thế kỷ: Phan Kế Bính, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng ... Thiều Sơn, Hoài Thanh, Hải Triều, Trần Thanh Mai, Đặng Thai Mai ... Kiều Thanh Quế, Nguyễn Đình Thi, Như Phong...

Bài *Lý luận, phê bình văn học Việt Nam 1945-1954* là bài viết khá công phu, dài 45 trang. Tuy thời gian chỉ mười năm nhưng đây thuộc về giai đoạn đầu xây dựng nền văn học mới với bao khó khăn, phức tạp. Nguyễn Ngọc Thiện xác định đây là giai đoạn "khẳng định, phát triển đường lối văn nghệ của Đảng, xác lập sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng trên mặt trận văn hóa, văn nghệ". Trong phần Mấy vấn đề chủ yếu của lý luận đặt ra trong tiến trình xây dựng nền văn nghệ dân chủ mới, tác giả đề cập tới cuộc tranh luận nghệ thuật và tuyên truyền; vấn đề đánh giá văn học nghệ thuật quá khứ của dân tộc; vấn đề

"Cách mạng hóa tư tưởng, quần chúng hóa sinh hoạt"; vấn đề chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Người đọc có dịp tiếp cận với không khí phê bình văn chương của "Cái thuở ban đầu dân quốc ấy..." với những người khai phá, mở lối cho nền văn học mới phát triển trong hoàn cảnh chiến tranh.

Bài *Diện mạo mới của sự phát triển Lý luận, phê bình văn học Việt Nam 1945 - 1975* là bài viết dùng làm Lời giới thiệu cho cuốn *Văn học Việt Nam thế kỷ XX - Lý luận, phê bình 1945-1975*, Quyển Năm, tập VII, Nxb Văn học, H. 2008; Nguyễn Ngọc Thiện có đề cập tới giai đoạn 1954 - 1975 khi lý luận, phê bình văn học phát triển trong bối cảnh chính trị xã hội đặc biệt: đất nước tạm thời bị chia cắt.

Các bài viết gần đây: *Đường lối văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam với việc trau dồi tri thức lý luận, kỹ năng chuyên nghiệp, tạo nguồn cho tài năng phát triển và Qua ý kiến đồng chí Lê Duẩn về công tác văn hoá, văn nghệ là sự thấm thấu và nâng cao nhận thức của tác giả trên những định hướng lớn của đường lối văn nghệ cách mạng*.

Cuối phần thứ nhất, tác giả có những bài viết về Phan Khôi, Lan Khai, Hoài Thanh, Phương Lưu, Ma Văn Kháng ...

Phần thứ hai là *Lược khảo 34 tác giả lý luận, phê bình văn học Việt Nam thế kỷ XX*. Các bài này ngắn gọn, súc tích, bộ mặt tinh thần của những gương mặt tiêu biểu Tuy vậy, hy vọng con số này sẽ còn được kéo dài trong các tập sách tiếp theo của Nguyễn Ngọc Thiện.

Phần phụ lục đúng là Lời bạn tri âm gồm 33 bài viết của các nhà phê bình và bạn đọc cảm nhận, đánh giá về các công trình của PGS-TS. Nguyễn Ngọc Thiện. Giáo sư, Viện sĩ Hoàng Trinh là bậc cao niên cả về tuổi đời và tuổi nghề so với tác giả, trong bài giới thiệu tác phẩm đầu tay *Văn chương và tác giả*, đã nhận xét về tay nghề của Nguyễn Ngọc Thiện như sau: "Những bài viết chắc tay, thể hiện sự chín chắn, khoáng đạt trong cảm thụ văn chương cùng người làm ra nó". Nguyễn Ngọc Thiện đã có "thao tác nghiên cứu công phu, trung thực trước tư liệu khoa học. Anh trân trọng đi sâu lý luận và thành tựu nghiên cứu của những người đi trước trong nước và trên thế giới" (tr 411). Một người khác thuộc thế hệ tiếp theo, PGS-TS. Nguyễn Đăng Điệp thì rất nỗ lực công sức và tâm huyết của người "nhật vàng từ thời gian" Nguyễn Ngọc Thiện (tr 532). ■

KHẮC KHOẢI VỚI HỒN QUÊ

(Đọc tập thơ *Cho cau gập trầu* của Trần Đỗ Liêm, Nxb Văn Nghệ, 2009)

NGÔ MINH

ĐỌC Trần Đỗ Liêm dễ nhận ra thơ anh mang mang một nỗi niềm tha thiết, day dứt chân thật về quê hương, con người. Sự chân thật đa diết lời cuốn qua từng bài. Trong thơ ca mỗi nhà đều có một "bản quán thơ" tạo nên giọng điệu, ngôn ngữ riêng. Với Trần Đỗ Liêm bản quán thơ đó chính là Hồn Quê Khắc Khoải.

Hồn quê, hồn nước là cái còn lại mà mỗi đời người mang theo cho đến tận cùng thể xác. Hồn quê trong thơ Trần Đỗ Liêm rất cụ thể, như các cổ vật hay sản vật, những món ăn dân dã thân thuộc, ... nhiều khi là những hình ảnh buồn dung dị, khuất lấp ở đâu đó nơi đầu làng, cuối xóm, nhưng vô cùng chất chứa nhòa mờ, không rõ ràng, nhưng ám ảnh, lay động.

Hoài niệm hồn quê đó được đẩy lên ở cấp độ những trăn trở, tự vấn, tự nghiệm hay sám hối trước thực tại, khi những hồn quê cắt ruột đang ngày càng bị phai nhạt trong tâm hồn con người. Đó chính là "triết lý" trong thơ của anh.

Những câu thơ ấy là nỗi lòng tác giả: Có và mất, hăm hở mà đau buồn, day dứt, lo lắng khôn nguôi - hồn quê đó được đẩy đến những xúc cảm tâm linh, như nỗi nhớ hình bóng, ánh linh của đồng đội xưa từng bên nhau chiến đấu...

Là một doanh nhân làm thơ, chưa là nhà thơ "chuyên nghiệp", nhưng Trần Đỗ Liêm có những câu thơ hay, một số câu thơ ám ảnh. Những câu thơ "thật thơ" như thế ta gặp nhiều trong tập *Cho cau gập trầu*. ■



NHỮNG CHÂN DUNG ĐƯỢC TẠC BẰNG TÂM HỒN

(Đọc *Bức chân dung để lại* của Phạm Đình Trọng, Nxb Quân đội Nhân dân - 2010)

LÊ PHÚ KHẢI

Bức Chân Dung Để Lại của Phạm Đình Trọng gồm 29 bài kí trong ba phần bố cục theo cổ điển: *Chuyện đời nghệ sĩ*, *Gương mặt cuộc sống* và *Những mảnh kí ức*.

Tên tập sách *Bức Chân Dung Để Lại* cũng là tên bài viết nhiều cảm xúc kể về đời cống hiến lặng lẽ của một nhà biên kịch kiêm đạo diễn phim tài liệu quân đội, nghệ sĩ Phan Quang Đình. Cả cuộc đời làm đạo diễn điện ảnh ông đã đòi hỏi, đã hướng dẫn nhiều nhà quay phim ghi lại cho mai sau hàng vạn chân dung đồng đội và nhân dân, thế mà lúc ông đột ngột từ trần tại quê nhà Đà Nẵng, xưởng Phim Quân đội Nhân dân ở Hà Nội, nơi ông làm việc, tổ chức lễ truy điệu ông lại không làm sao tìm được bức ảnh chân dung của ông để đặt lên hương án...

Mỗi người đều có bức chân dung để lại trong thời gian. Tấm vóc đậm nhạt và sức bền lâu của bức chân dung phụ thuộc vào tài năng và tấm lòng người đó để lại trên

đời. Nhưng không phải ai cũng nhận ra: bức chân dung đó trong thời gian chỉ được phát hiện và dựng lại qua màn cảm nghệ sĩ. *Bức Chân Dung Để Lại* là một chặng đường nhà văn Phạm Đình Trọng khám phá, phát hiện thế giới tâm hồn người nghệ sĩ, người Anh hùng và con người bình dị.

Bút kí là một thể loại sự thật, là thông điệp của cuộc sống đang diễn ra, là những sự kiện có thật trong đời và trong tâm hồn con người. Ký sự chân dung trong *Bức Chân Dung Để Lại* cho tôi gặp những miền đất đã đến, đã để lại kỉ niệm và những nhân vật trong *Bức Chân Dung* ... đều thuộc "Lúa Chúng Tôi" (Tên một bài trong tập sách) tôi đều đã gặp gỡ, thậm chí đã viết về họ. Gặp lại nhưng tôi vẫn thấy vừa quen vừa lạ: vì người viết không chỉ ghi chép những điều tai nghe mắt thấy, không chỉ phác họa hình hài, vóc dáng nhân vật, không chỉ kể về

sự việc mà dùng những chi tiết đắt giá tạo sự phát hiện đời sống tinh cảm nhân vật, phác họa chân dung tâm hồn họ.

Thành công của Phạm Đình Trọng là ở chỗ viết về nhân vật có thật nhưng nhà văn không dừng lại ở sự kiện biên niên, không dừng lại ở thống kê thành tích mà biết tìm tòi, phát hiện chi tiết đời thường phát lộ thế giới tâm hồn nhân vật. Đó là những chi tiết mà thế kỉ văn học phải có.

Chiến khu An Phú Đông của Sài Gòn - Gia Định trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cả nước đều biết. Đã có nhiều bài báo, cuốn sách, bộ phim miêu tả, ngợi ca An Phú Đông. Đã từng nhiều lần về thăm nhập thực tế ở đó, đến khi đọc *Gặp gỡ ở An Phú Đông* trong *Bức Chân Dung Để Lại*, người viết bài này vẫn nhận ra những phát hiện riêng của Phạm Đình Trọng: một bức chân dung trung thực, sinh

động mà mới mẻ - chân dung những người dân binh dị!

Tôi nhận ra Phạm Đình Trọng đã thành công hơn bất cứ ai đã từng viết về An Phú Đông: Vì dân không bỏ đất, cách mạng không thể bỏ dân... Ngày nay trong kinh tế thị trường, tác đất tác vàng, An Phú Đông vẫn dành đất làm nhà cho người chiến sĩ An Phú Đông năm xưa, nhà thơ Xuân Miên, có chỗ đi về! Dân An Phú Đông là vậy!

Có nhà lí luận cho rằng, một bài kí hay phải hội đủ bốn điều kiện: Có thông tin mới. Người viết phải am hiểu đề tài viết. Người viết phải có tư cách hướng dẫn, dẫn dắt người đọc khám phá đề tài. Có chất thơ, có mạch cảm hứng trữ tình và truyền cảm hứng đến người đọc để hấp dẫn, cuốn hút người đọc. Nếu quả đúng như vậy thì *Bức Chân Dung Để Lại* đã hội đủ bốn tiêu chí, bốn đòi hỏi đó. ■



KỶ NIỆM 10 NĂM NGÀY MẤT CỦA NHẠC SĨ TRỊNH CÔNG SƠN

TRỊNH CÔNG SƠN VIẾT VÀ VẼ

NGUYỄN DUY

Không chỉ là một nhạc sĩ lừng danh, Trịnh Công Sơn còn là một nghệ sĩ đa tài hiếm có của mọi thời đại. Ông đã để lại cho đời cả một gia tài âm nhạc đồ sộ chừng 600 bài hát với ca từ đích thực là thơ; một kho tàng tranh gốm nhiều chất liệu hội họa; và rất nhiều những trang văn đặc sắc. Trong chương trình "Mười năm nhớ Trịnh Công Sơn" vào dịp kỷ niệm ngày ông giã từ "cõi tạm" (1.4.2001 - 1.4.2011),

song hành với các đêm Nhạc Trịnh tại Hà Nội - Huế - Tp.Hồ Chí Minh, là các triển lãm Hội họa Trịnh Công Sơn, phát hành loạt sách về Trịnh Công Sơn cùng với thư tình và đoản văn của Trịnh Công Sơn được sưu tập.

Văn Nghệ xin trân trọng giới thiệu một số đoản văn Trịnh Công Sơn viết về các nhà văn thân thiết, rút từ trong di cảo viết tay, kèm theo kí họa chân dung do chính ông vẽ

NHỚ NGUYỄN TUÂN^(*)

THUỞ đương thời, cụ Tuân và tôi kết nghĩa làm bạn vong niên. Thế mà cũng đã già một con giáp. Trời đất sinh ra con người sống chết biết thủy chung. Tôi chỉ trôi nổi một chuyến bay mà lỡ hẳn cả một phút gần gũi cuối cùng trong chuyến đi dài của cụ. Ngắm cho cùng, thế cũng đã gọi là phụ nhau rồi.



Nguyễn Tuân trong trí nhớ của Trịnh Công Sơn, Orléans - Pháp, 1989

Ngày trước, trong những lần gặp mặt, tôi để ý cụ chẳng ăn uống bao nhiêu. Chỉ nhìn ngắm, ngắm ngắm, và luận bàn tán tỉnh món ăn món uống thì nhiều. Ly rượu ngon rót ra để đấy. Món ăn bày ra cũng để đấy. Con mắt tinh tế chỉ gửi đi một cái nhìn điểm đậm trên cái uống cái ăn, thoáng qua, rồi thu lại.

Có những trang văn học không chứa chan, hào sảng vì thiếu bóng dáng của ly rượu. Có những cuốn sách miêu tả một đời người mà lại không bày nổi một món ăn ngon. Biết đâu lại còn có cả những nền văn học không biết khóc.

Hình như cụ Tuân luôn luôn muốn bình thường hóa mọi tình huống của cuộc đời. Cái chết từ lâu đã không còn làm ai ngạc nhiên. Chiến tranh đã là một phần đời bất trắc của nhân loại. Thế thì người ta không thể chờ đợi giải quyết mọi sự bất ổn của thế gian xong mới làm việc khác.

Những chuyện đời thường mà cụ Tuân ấp ủ, tiếc thay, đã không có và không còn dịp để biến thành chữ thành câu trên trang giấy. Phút này nghĩ lại thấy tiếc đã không ghi chép được gì. Hóa ra, trong sự bất lực của bút giấy, cụ đã cố tình mượn những buổi gặp gỡ trò chuyện lan man với một vài người để kể những chuyện đời chưa viết được. Cụ đã làm lại cái công việc của bậc hiền giả ngày xưa để lại cho đời những trang bạch tự. Người tri kỷ thì đọc thấy mà kẻ vô tâm thì không.

Chữ nghĩa ngắm cho cùng cũng là một thứ thị phi nó buộc vào mệnh người rồi thì không gỡ được. Nhưng đã có những bữa ăn không có thật trong đời thì còn trách móc làm gì những dòng chữ đã tồn tại chỉ vì một giấc mơ còn con đời khi không có thật cho hạnh phúc mỗi thời của con người mà tồn tại.

Tôi tiếc thương cho những tâm hồn rộng mà cả cuộc đời không chạm được với bao la. Những tình tế của tình cảm bị thui chột vì sự dưng tực. Những khao khát độ sức với vô biên bị dồn nén.

Cái cơn khát của cụ Tuân cũng là cơn khát của nhiều

người. Nhưng khi đã phải biến cơn khát thành cái đạo thì ầu cũng là một phần nào đã xóa được tội với đời và cả với bản thân mình nữa.

Tôi tin rằng ông cụ Tuân đã hiểu những gì cụ cần phải làm. Cái phút định nói thêm một đôi điều nữa thì cụ đành phải chọn sự tịch lặng của vô ngôn. Không thể làm kẻ thời cơ để một lần nữa sống sai cái đạo lý làm người của mình. Cụ đã chọn ra đi ở cái lúc mà cụ biết rằng trong con đường văn học đã có những sứ giả mới của một niềm tin vô ngại ở cuối đời.

Trong cái dòng suy tưởng miên man về lẽ sống tôi ngỡ rằng cụ Tuân đã cảm thấy quá lẻ loi. Cụ Tuân là kẻ cô đơn nhuộm màu Đông phương đã mang vào những năm sau cùng của đời mình cho một niềm lặng lẽ riêng tư không cần biện giải.

Cụ có thể viết hàng trăm câu chuyện nhưng vở kịch về đời mình cụ không viết lại được nữa. Có một sự xui xẻo nào đó đã làm bong gân và cụ bước lệch chân trên đường. Từ đó mọi sự như người ta vẫn thường nói là cụ không còn tìm được một sự hài lòng nào nữa giữa mình với chính mình.■

(*) Nguyễn Tuân (10.7.1910 - 28.7.1987)

TRƯỚC BAN THỜ VĂN CAO^(*)

KHI người ta vui buồn thì người ta có thể ở trong nỗi buồn và ở ngoài nỗi buồn. Ở ngoài để nhìn ngắm mình buồn như thế nào và ở trong để tự mình gặm nhấm nỗi buồn của chính mình.

Ngồi nhìn ban thờ anh Văn Cao tôi tưởng đây là một cảnh của một cuốn phim nào đó về anh. Có thể sắm một vai cho một cuốn phim là chuyện bình thường. Anh Văn Cao cũng đã từng đóng vai này vai nọ trong cuộc sống. Nhưng hôm nay, giữa Hà Nội này, hình như anh không đóng một vai nào cả. Đóng kịch cũng là một trò vui nhưng không phải ai trong đời sống này cũng thích đùa. Đùa cho vui thì tốt nhưng đùa dai quá đời lúc cũng phiền.

Anh Văn cũng có cái khía cạnh thích đùa trong đời sống nhưng mà đùa với ai là một chuyện khác. Đùa để thấy chẳng có gì trọng trọng trong cuộc đời. Tôi thường hay muốn nhìn cuộc đời rất nhẹ và đời cũng trả lại những cơn gió nhẹ nhàng cho tôi. Anh Văn hình như cũng muốn tìm về một điều gì nhẹ nhàng như thế. Nhưng cái nhẹ nhàng ấy bây giờ đang ở đâu. Ở đâu thì anh Văn tự biết lấy. Và để biết đôi điều trong cuộc sống thì chính giờ phút này anh biết rõ hơn ai cả. Anh đi qua cái sống và cái chết và bây giờ anh đang ở đâu. Đang ở đâu nhiều khi anh Văn cũng không biết. Đang ở đâu là một câu hỏi nhiều khi cả đời không trả lời được.

Anh Văn ơi, chết có nghĩa là không còn có mặt trong cuộc đời này nữa. Tuy nhiên không có mặt nơi này biết đâu vẫn có thể có mặt ở một nơi nào đó. Làm sao mình họa một cuộc đời cho thật hoàn chỉnh. Khó quá. Thế thì anh Văn đã ra đi hay vẫn còn ở lại. Ra đi và ở lại hình như cũng là những khái niệm tương đối có một điều gì đó rất mơ hồ về sự hiện hữu.

Đêm nay Hà Nội hát nhạc anh. Anh vẫn có mặt và như thế có nghĩa rằng hôm qua cũng chỉ là hôm nay, và quá khứ cũng phần nào chỉ là hiện tại. Anh vẫn ở đó dù ly rượu trên bàn không thuộc về anh nữa. Ở đó hoặc không còn ở đó thì có gì quan trọng vì ở và đi chỉ là một thứ hành trình vô nghĩa.

Anh Văn ơi, sao anh ra đi mà tôi cứ có cảm giác như một cuộc hành hương từng bừng về cố quận. Chỉ thấy nụ cười và nụ cười. Nụ cười anh đã lỡ mở ra không cần giấu diếm với một không gian nhỏ bé quanh anh.

Ở đâu rồi và ở đâu anh đang bước những bước đi không chính xác. Không chính xác đôi khi cũng là bản chất của người nghệ sĩ. Anh thì cần gì nghệ sĩ hay không. Quên đi những ai tự cho mình là nghệ sĩ. Anh cứ là anh như một kẻ tình cờ lạc lối đến nơi này. Không mưu toan gì, không ăn hận gì nhưng dù sao cũng phải yêu

thương cuộc đời này dù anh đang ở một cuộc đời khác. Một cuộc đời khác, anh Văn ơi, chỉ là để nhớ cuộc đời này.

Như vậy đã một năm rồi. Anh đi xa, quá xa, xa đến độ tôi không còn cầm được bàn tay anh nữa. Anh đi xa mà vẫn còn gần. Gần lắm vì những ly rượu bạn này uống hàng ngày vẫn cứ nhớ Văn Cao. Nhớ Văn Cao, nhớ Nguyễn Tuân, Bùi Xuân Phái, nhớ Nguyễn Sáng, và anh Nguyễn Xuân Khoát.

Nhớ biết bao nhiêu người không đếm được trong cuộc đời vừa bao la vừa nhỏ bé này. Những con người to lớn, và cuộc đời nhỏ bé. Và cũng thế, cuộc đời to lớn và con người vô cùng nhỏ bé. Nhỏ bé và lớn lao thì cũng vậy mà thôi. Cái lớn nằm trong cái nhỏ và cái nhỏ cũng có thể là vô biên.

Anh Văn Cao ơi, anh muốn anh là nhỏ hay là vĩ đại. Vĩ đại chỉ là một giấc mơ không có thực. Đùng bao giờ mơ tưởng một giấc mộng có thể đưa ta về một bờ bến của vĩnh hằng. Hư vô đôi khi có thể là một niềm an ủi anh Văn ạ. Anh ở đó và anh đừng nghĩ rằng những con người còn ở lại trong cuộc sống này không biết thế chấp cuộc đời mình với hư vô. Hư vô và hư không thì cũng vậy. Nó mang đến cho mình một nỗi trống trải trong lòng nhưng có thật.

Sống là đánh đu với chốn hồ nghi. Bao giờ chúng ta ra khỏi đời này thì nỗi hồ nghi kia mới không tồn tại nữa.

Chỉ riêng tôi và những ai đã từng gần gũi yêu mến anh. Tôi nhớ anh và nghĩ rằng cuộc đời vẫn còn anh ở đó. Anh cứ miệt mài ở một cõi khác và cõi này thì vẫn còn những nụ cười mãi mãi dâng hiến cho cuộc đời này.

Anh Văn, thế là một năm anh xa lìa bạn này. Xa cách mà vẫn nhớ nhung nhau. Bên từng ly rượu. Đừng buồn nghe anh Văn.

Anh Văn ơi, đừng buồn, bởi có gì tồn tại mãi đâu. Có đấy và mất đấy. Cái tồn tại hôm nay là tạm bợ, cái vĩnh viễn là tấm lòng chung thủy quá hiếm hoi.

Sống là đánh đu với chốn hồ nghi.

Lá ơi,

Bây giờ là ở chốn nào?

(Lá - Tập thơ Văn Cao)

(1996)■



Văn Cao trong trí nhớ của Trịnh Công Sơn, Orléans - Pháp, 1989

(*) Văn Cao (15.11.1923 - 10.7.1995)



Bùi Giáng - còn hai con mắt khóc người một con
Tranh màu dầu của Trịnh Công Sơn, 1989.

BÙI GIÁNG^(*) TRONG CÔI NÀO ĐÂY

HỒI chuông báo tử vang lên và một người nằm xuống. Vĩnh viễn xa lìa cuộc đời này. Vĩnh viễn chia lìa. Bùi Giáng thi sĩ mãi mãi trung niên không còn tuổi tác, không còn số phận, không còn quá khứ, không còn hiện tại, không còn tương lai.

Bùi Giáng thi sĩ trung niên là ai?

Là hư không, là vô thường, là thiên niên kỷ trước, là lâu không, là vô biên mẫu nhiệm, là bất quái trận đổ vỡ ra bề tặc mà rồi cùng vẫn luân lưu một sự đời triền miên nói cười hả hê vu vơ mẫu nhiệm.

Ở cõi đời này, anh đã đến, đã sống và đã rơi vào một cơn hôn mê bất tận. Anh nói cười bằng một thứ ngôn ngữ xa lạ với thế gian và từ đó sinh ra ngộ nhận. Ngộ nhận gây nên đớn đau và cũng từ phía đớn đau ấy anh như kẻ đắm tàu mang đi cùng mình một nỗi tuyệt vọng bất khả tư nghi.

Bùi Giáng đi thi sĩ Bùi Giáng đi. Anh đã mắng chửi tôi suốt một đời như một hiện giả đi qua cuộc đời đã mắng chửi một hòn đá cuội. Tôi đã giác ngộ ra điều đó trong phút anh chia tay với cuộc đời này. Dù sao lý do để tồn tại, tôi nghĩ rằng với anh cũng chỉ bằng một giây phút lâm chung. Anh đã yên tâm nhắm mắt, nằm nghỉ trong một giấc ngủ dài. Anh không còn bận tâm về một thiên đường hay một địa ngục nào nữa. Bởi vì, nói cho cùng, thiên đường và địa ngục cũng chính là anh trong cõi tịch lặng của bảo lai diện mặc.

Anh đã sống không buồn vui và cũng đã chết không vui buồn. Anh đã sống như đã chết và bây giờ anh chết chính là thời khắc anh được phục sinh. Trên thập giá hồng anh bước xuống và anh nói rằng. "Tao đã phục sinh". Bạn bè của tôi ơi tôi đã phục sinh và tôi sẽ nói cho các bạn bè nghe: có một tình yêu đối với tất cả mọi người, một tình yêu vô tận, vô cùng to lớn đó là tình yêu đối với nỗi đau của tất cả mọi người.

Bùi Giáng con đường, Bùi Giáng xứ sở, Bùi Giáng đi qua

cuộc đời bé nhỏ. Bé nhỏ mà to. To lớn vô cùng. Bùi Giáng hiền hòa. Bùi Giáng hiểm nguy - Bùi Giáng thi sĩ, Bùi Giáng cũng chẳng ra gì. Đôi khi phi thường quá. Nhiều khi cũng rất phi thường, phi thường trong cõi vô thường.

Bùi Giáng muốn hình vạn trạng. Nói không hết lời. Hết lời là cạn, Bùi Giáng chảy hoài. Chảy đến trăm năm, chảy bằng nỗi nhớ. Nhớ đời, nhớ cõi. Nhớ cõi xa xăm. Lên ngôi một bận. Nhớ trời lặn đạn. Nhớ em vô tận. Nhớ chốn mệnh mỏng. Bùi Giáng không còn. Ai đi ai nhớ. Bùi Giáng hư vô. Nhớ làm gì nữa. Bùi Giáng ơi đi nhớ làm gì nữa. Nhớ làm gì nữa Bùi Giáng ơi đi.

Bùi Giáng chính là "Le dernier des Mohicans"^(*) trong cõi thi ca to lớn của đất nước này.

Làm sao có thể chia sẻ được một tâm hồn bỏ tất đốn đau như thế.

Tôi xin ghi lại ở đây những câu thơ cuối cùng anh tặng tôi trước lúc lâm chung.

"Công Sơn trịnh trọng phiêu bóng

Bảo rằng thơ nhạc còn ngân ấy thôi

Lối về vườn tược xa xôi

Thừa Thiên Đà Nẵng muốn nơi một mình"

Bây giờ anh ra đi tôi xin tặng lại anh trong cõi phiêu bóng mộng du lãng đãng vài câu trong bài hát mới nhất của tôi:

Tiến thoái lưỡng nan đi về lặn đạn

Ngày xưa lặn đạn không biết về đâu

....

Tiến thoái lưỡng nan đi về lặn đạn

Ngày nay lặn đạn là giọt hư không.

(7-10-1998)■

(*) Bùi Giáng (17.12.1926 - 7.10.1998)

(**) Người cuối cùng của bộ tộc Mohican - nguyên tác The Last of the Mohicans, tiểu thuyết lịch sử của nhà văn Mỹ James Fenimore Cooper, xuất bản lần đầu năm 1826. Năm 1992, tiểu thuyết được dựng thành bộ phim cùng tên.

NHÂN CHUYỆN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TRINH CÔNG SƠN Ở HUẾ

CÓ CON ĐƯỜNG NÀM NGHE NẮNG MƯA

TƯƠNG LAI

NHƯ một âm ảnh nghệ thuật, bóng dáng "con đường" trong xúc cảm thẩm mỹ của Trịnh Công Sơn thật là phong phú và độc đáo bởi đa tầng ngữ nghĩa. Với Trịnh, con đường là để "từ đó con người đi tìm những con người", theo Trịnh, con đường "làm nên một thứ văn tự, hay nói nôm na hơn, là một thứ chữ viết báo hiệu sự có mặt của đời sống con người" [Thế giới âm nhạc-tháng 3-1997].

Hình như Lỗ Tấn có nói đại ý trên mặt đất vốn không có đường, người ta đi lâu thì thành đường thôi. Trong giai điệu và ca từ của Trịnh Công Sơn, hình ảnh "con đường" thường xuyên xuất hiện. Và, cứ mỗi lần như vậy lại chuyển tải những thông điệp mới. Những thông điệp rất độc đáo, lung linh huyền hoặc sắc màu của người nghệ sĩ tài hoa, để từ đó tạo dựng nên con đường, những con đường của Trịnh Công Sơn, con đường, những con đường của riêng Trịnh trong lòng người. Và chính cái rất riêng ấy tô điểm thêm cho sự lung linh của cuộc đời. Cuộc đời "vấn lạp lảnh hoa/ trên đường đi".

Đó là "đường đi suốt mùa nắng lên thấp đáy", "có nắng vàng lặc trên lối đi", có "lá hát như mưa suốt con đường đi/ có mặt đường vàng hoa như gấm" [Em còn nhớ hay em đã quên], nhưng cũng lại "có đường xa và nắng chiếu quanh què" [Tôi đi đứng tuyệt vọng], vì thế mà "tìm lân trên đường mòn" [Ru ta ngậm ngùi], bởi lẽ "đường về xa trời đất mỏng lung" [Vàng phai trước ngõ]. Trong cõi mỏng lung ấy, trong "trăm năm một cõi đi về" ấy, người nghệ sĩ đắm say trong cô đơn ấy cứ "bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi". Và có lúc con đường trở thành "đường chạy vòng quanh/ một vòng tiểu tụy/ một bờ cỏ non/ một bờ mộng mị ngày xưa" [Một cõi đi về]! Tầng tầng lớp lớp những ý tưởng, xúc cảm dồn nén vào trong hình tượng "con đường" của Trịnh.

Cho nên, phải chăng chỉ riêng với hình tượng "con đường" trong tác phẩm của Trịnh Công Sơn cũng đã đủ để người nghệ sĩ thiên tài này có chỗ đứng cho riêng mình, một cõi đi về trong xúc cảm thẩm mỹ của thế giới nghệ thuật nói chung và âm nhạc nói riêng, độc đáo, huyền hoặc say đắm lòng người. Nhưng với Trịnh, đâu chỉ có một con đường! Mà rất nhiều, rất nhiều những "đường dài qua cầu lại nối" [Em còn nhớ hay em đã quên].

Thế giới âm nhạc với cảm quan thẩm mỹ đa dạng và độc đáo trong sáng tạo của âm thanh, hình ảnh, ngữ nghĩa của Trịnh phong phú, đa dạng, huyền hoặc đến kỳ ảo, hấp dẫn như một thứ ma lực khó diễn đạt bằng lời. Ngôn từ dường như bất lực trước cái riêng tư của Trịnh. Tuyệt đối riêng tư, không hề lặp lại, không thể lặp lại trong bất cứ sự bất chước vô tình hay cố ý nào. Chính điều đó làm nên một vùng cảm xúc nghệ thuật riêng của Trịnh. Riêng, rất riêng để rồi bất gặp được cái chung, rất chung trong cảm quan nghệ thuật của đồng bào công chúng.

Nghiem ra, khi một người không có cái gì riêng của mình thì phải thấy ở người đó chẳng có gì hết. Trịnh Công Sơn có rất nhiều, vì anh biết giữ lấy cái rất riêng của mình để làm giàu có mãi lên đang có thể hiển danh cho cuộc đời. Vì thế, cuộc đời trân trọng sự đóng góp sáng tạo của một tài năng khó so sánh với ai về người nghệ sĩ của mình. Cho nên, lấy tên Trịnh Công Sơn đặt cho một con đường là một ứng xử văn hóa, đáp ứng được đòi hỏi của công chúng biết tôn vinh văn hóa và thưởng thức nghệ thuật. Là một ứng xử văn hóa vì đó chính là biểu thị sự trân trọng sự nghiệp bất tử của một tài năng lớn. Vì thế, thật xúc động khi, đi trước một bước, thành phố quê hương của Trịnh Công Sơn đã dành cho người nghệ sĩ của mình một con đường đẹp của Huế! Con đường bắt đầu từ chân cầu Gia Hội, góc đường Chi Lăng, chạy dọc bờ sông Hương thơ mộng đến góc đường Nguyễn Bình Khiêm với những khúc quanh mềm mại, cây xanh, nhà cổ và mặt nước xanh trong, khoan thai trầm mặc. Phải chăng đây chính là con "đường quen lối từng sớm chiều mong" [Như một lời chia tay] nằm cạnh dòng sông của những "ngàn xưa trời đến bây giờ" [Gần như niềm tuyệt vọng] mà người nhạc sĩ tài hoa ấy đã từng "lặng lẽ lắng nghe" [Tôi đang lắng nghe].

Thật ra, khi chưa có con đường mang tên Trịnh Công Sơn thì đã có những "con đường của Trịnh Công Sơn" từng xao xuyến, xốn xang lòng người. Trịnh Công Sơn đã là "một hiện tượng" độc đáo trong đời sống Việt Nam đương đại. "Nhạc Trịnh" đã trở thành một nốt nhấn không thể trộn lẫn, không thể sao chép trong đời sống âm nhạc và nghệ thuật từng xao động tâm tư nhiều thế hệ. Nói "nhiều thế hệ", bởi có những người đã hát nhạc Trịnh trước năm 1975 giữa thành phố Sài Gòn, và cũng có

những người lính Trường Sơn, trong đêm khuya im tiếng bom, đã ghé sát tai vào chiếc radio đã chiến mà lên nghe những giai điệu và ca từ thật lạ. Rất lạ, nhưng lại rất gần với những rung động nghệ thuật có chất men say làm dịu mát tâm hồn.

Và rồi sau 1975, thật lạ lùng, từ nơi đô hội chốn thị thành cho đến những thôn cùng xóm vắng nơi thôn dã, người ta hát nhạc Trịnh. Lạ lùng hơn nữa, có lần xe tôi qua cổng Trời ở Mèo Vạc, chạy dọc con đường gỗ ghề để rồi phải dừng lại trước một đồng lúa đốt lên bên vệ đường ở mếp vực Mã Pí Lèng nhìn xuống thung lũng có con sông Nho Quế mờ mờ, nơi các cháu bé chân bõng ngồi sưởi ấm để xoa bớt đi cái lạnh của sương muối đang giăng đầy, bỗng thoáng đầu đó xa xa có tiếng hát: "cụm rừng nào lá xác xơ cây, từ vực sâu nghe lời mới đã dậy". Chao ôi, đúng rồi, "Cát bụi"! Nắng chiếu đã tắt, trong ánh hoàng hôn làm nhòe dần cảnh vật, chỉ loáng thoáng dáng hình mấy chàng thanh niên, hình như mấy anh bộ đội đi lấy củi rừng về. Thế đó. Tiếng hát Trịnh Công Sơn ngân nga trên con đường đèo heo hút gió nơi cao nguyên núi đá Đồng Văn - Mèo Vạc của Hà Giang "sóng núi từ bề" [Nguyễn Tuấn] này! Cái sức huyền hoặc kỳ lạ của nhạc Trịnh là vậy!

Thì ra, không phải chỉ có "xốn xao con đường, xốn xao lá nhòe phố mong manh nhòe phố mưa" [Đoàn khúc thu Hà Nội] giữa lòng Hà Nội. Không phải chỉ có con đường "dưới hiên nhà/ nước dâng tràn/ phố bỗng là dòng sông uốn quanh" [Em còn nhớ hay em đã quên] giữa Sài Gòn. Không phải chỉ có con "đường xa áo bay/ nắng qua mắt buồn lòng hoa bướm say/ lối em đi về trời không có mây" [Hạ trắng], với những con đường có "ngân cây thấp nên lên hai hàng/ để nắng đi vào trong mắt em" [Nắng thủy tinh]. Còn có những con "đường dài hun hút cho mắt thêm sâu" [Điểm Xưa]. Còn có "đường về ới quá dài" [Phôi pha]. "Có đường xa và nắng chiếu quanh què" [Tôi đi đứng tuyệt vọng]. Có "con đường dài vắng người" [Hãy cứ vui như mọi ngày] để rồi "những dấu chân người cũng bụi mờ" [Cho một người nằm xuống].

Có bao nhiêu con đường trong thi phẩm - nhạc phẩm của Trịnh Công Sơn, là có bấy nhiêu sắc thái độc đáo trong huyền hoặc và

hết sức bất ngờ. Sự huyền hoặc và bất ngờ với những sáng tạo của ngôn từ và giai điệu của Trịnh đã tạo ra những hình tượng có sức cuốn hút đến kỳ lạ. Và rồi cứ thế, Trịnh dẫn dắt ta "đi lên non cao đi về biển rộng" [Một cõi đi về] trên những "đạm trường/ ngàn dâu cổ quận muốn trùng trùng nhớ thương". Để rồi từ nơi "muốn trùng nhớ thương" ấy, Trịnh lay gọi thức tỉnh trong sâu thẳm tâm hồn Việt Nam hãy "Nhớ về cội nguồn/ Nhớ về đoạn đường/ Từ đó ra đi".

"Con đường" trong sáng tạo nghệ thuật của Trịnh Công Sơn quả thực có sức biểu cảm hiếm có nếu chưa muốn nói là độc nhất. Và rồi đây "con đường nằm nghe nắng mưa" [Em còn nhớ hay em đã quên], trong lòng thành phố, con đường Trịnh Công Sơn, sẽ là minh chứng tuyệt vời về sự trân trọng một tài năng âm nhạc đã làm rung động tâm hồn con người thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều cảnh ngộ, nhiều thân phận. Mà cuộc đời thì ngắn ngủi nhưng nghệ thuật thì dài lâu!

"Ôi đường phố dài/ Lối ru miệt mài/ Ngàn năm ngàn năm" [Tuổi đá buồn].■



Con đường mới mở mang tên Trịnh Công Sơn ở Huế

(Tiếp theo trang 1)

Buổi sáng hân nhủ mủp mắt, tỉnh dậy chỉ việc với tay lấy chai rượu rồi cấp đit ra hiên nhà ngồi khặt khừ uống rượu nhìn mọi người qua lại. Mãi nhà gianh thừa nào vẫn lụp xup y nguyên, hân mặc kệ. Nhiều người nói thì hân lý luận: "Xây nhà á? Chỉ tổ phí tiền. Ngày nào cũng đi ăn nhậu, uống rượu, về đến nhà là say bết nhè rồi, năm đầu chả ngủ được. Thử hỏi thế thì cần chó gì nhà đẹp?" Có người khuyên hân nên tu chỉ làm ăn, hân gạt phắt: "Tu chỉ làm ăn cái đểch gì?". Người ta hỏi: "Không sợ đói, không sợ hết tiền á?" Hân lại phẩy tay: "Lúc nào hết tiền ông lại bán đất, có mà ăn nhậu đến mùt mùa cũng không hết!" Nghe nói cũng có người cố gắng gán ghép mai mối hân với mấy cô nhưng không ai chịu nổi cái tính hay rượu và cộc cằn của hân nên đều một đi không trở lại...

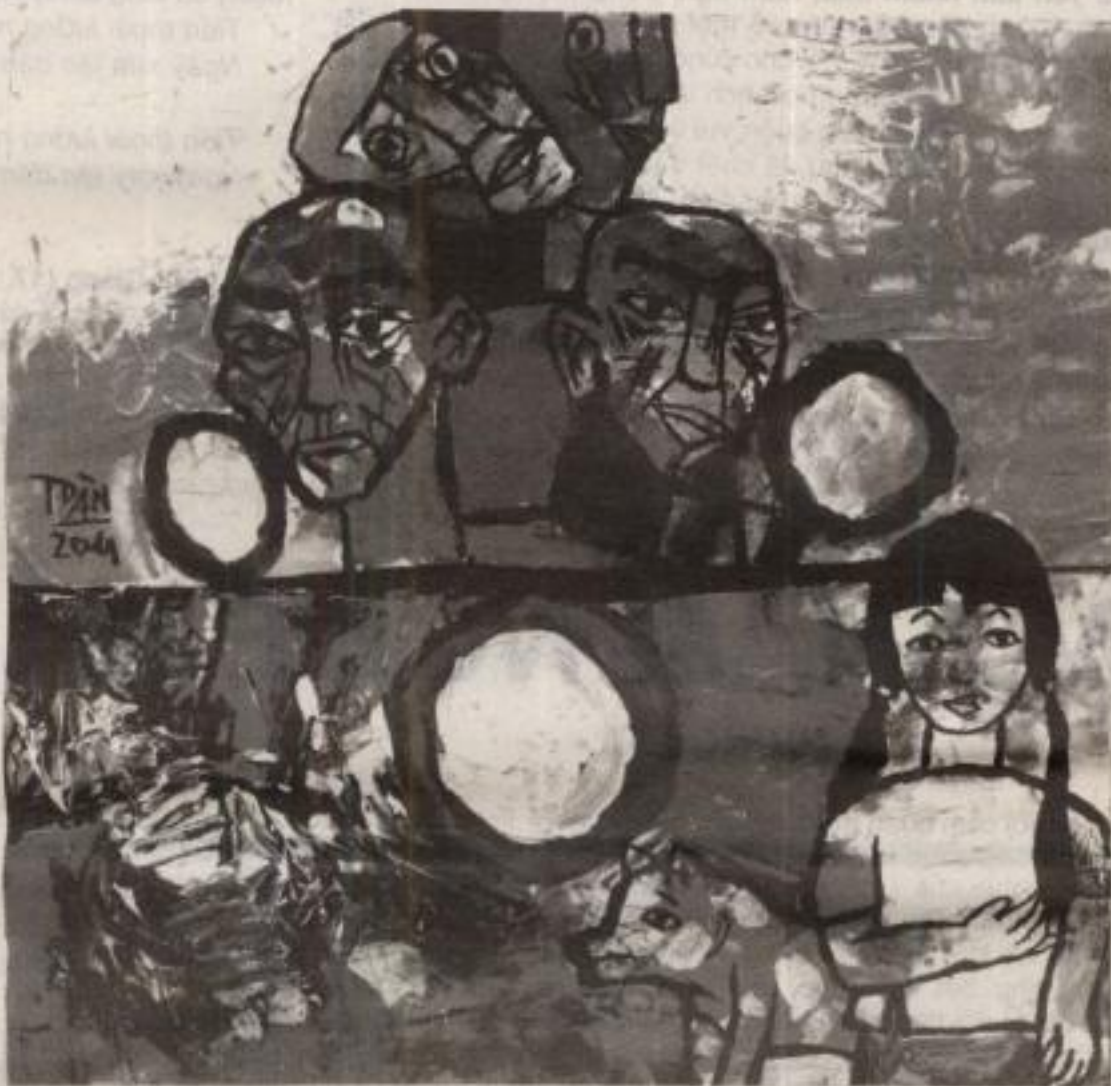
2. Ngay buổi đầu tiên làm hàng xóm với thằng Nhân, tôi đã thấy hân dẫn một á cave mắt xanh mờ đỏ ăn mặc hồ hang vẻ. Thấy tôi ngây người ra nhìn, hân cười khằng khác vỏ mỏng á gái nháy mắt với tôi: "Tiền bán đất đấy! Ngon không?" Rồi hai đứa chui tọt vào nhà. Một lúc sau là tiếng

góc vườn um tùm nhà thằng Nhân xem đêm qua hân làm gì ở đấy. Bỗng tôi dựng hết cả tóc gáy. Mấy cái chân hương vẫn đang nắm chơ vơ trên một mỏ đất nhỏ nhỏ. Đó là một nắm mộ con con thấp tè tè. Tôi tìm đến nhà ông trưởng thôn phân nân: "Ài lại cho nó chôn người trong vườn nhà hà bác? Sau xóm làng không báo thằng Nhân dời ngôi mộ đó ra nghĩa địa?". Ông trầm giọng: "Chả ăn thua gì đâu". Hóa ra đã bao nhiêu lần rồi người ta vận động thằng Nhân chuyển cái ngôi mộ đó ra nghĩa địa, hân đều nhảy dựng lên chửi bới loạn xạ: "Trên đất nhà ông ông thích chôn gì kệ mẹ ông, dính dáng gì đến lũ chúng mày?" Có người dọa cưỡng chế di dời mộ, mắt hân long lên sòng sọc: "Thằng nào bước chân vào đây ông đâm chết". Tôi hỏi: "Thế đó là mộ của ai?". Ông trưởng thôn âm ừ: "Mộ của thằng Nhã, em nó đấy". Tôi ngạc nhiên: "Hóa ra hồi trước thằng Nhân có em á? Thế bố mẹ nó đâu?" Ông trưởng thôn thờ dãi: "Hai anh em nó mồ côi từ nhỏ, nương tựa vào nhau sống vạ vật. Giờ chỉ còn mỗi nó sống một mình". Tôi thất vọng đi về nhà. Dần dần mới biết thêm một điều từ người dân xóm Giếng nhận xét về em thằng Nhân: "Tại sao cái thằng trời đánh đấy lại chết á? Nó chết là đáng kiếp!"

Thằng Nhân phóng xe bạt mạng. Góc thối thốc vào mặt

LÀM NGƯỜI THÌ KHÓ(*)...

Truyện ngắn dự thi của HOÀNG TÙNG



cười là lời của á cave. Rồi chỉ thấy tiếng huỳnh huych, tiếng thằng Nhân tru lên như chó sói gào thét với tiếng rên ư ừ của đứa con gái. Nửa đêm thì hai đứa lại xoay ra cãi nhau. Thằng Nhân chửi á cave té tát. Á cave không phải tay vừa, lu loa chửi lại tay đôi. Rồi thấy thằng Nhân suynh suynh hò hét đuổi á cave ra khỏi nhà đóng sầm cửa lại.

Sáng hôm sau thằng Nhân phờ phạc qua nhà tôi gõ gõ cửa: "Ê, hàng xóm mới, có ăn thịt chó không?" Dẫu sao tôi cũng muốn "bán anh em xa mua láng giềng gần" nên bảo thằng Nhân chờ chút để mặc quần áo rồi cùng đi. Thằng Nhân trợn mắt: "Đi đâu?". "Thì đi ra quán thịt chó" – tôi trả lời. Hân cười hề hề: "Mấy cái hàng thịt chó bây giờ toàn chó bệnh, ăn kinh bố mẹ". Tôi ngạc nhiên: "Thế ăn ở đâu?" Thằng Nhân lừ đừ bảo tôi sang nhà nó. Tôi còn đang ngơ ngác thì nó đã quay ngoắt lại lấy sợi dây tóm con chó vàng uơng đang ngủ trước hiên nhà rồi siết cổ mạnh. Con chó đang ngủ giờ bị thit họng dớt dài chảy tong tong tru lên đau đớn. Thằng Nhân chậm rãi xoa đầu con chó nói thủ thủ: "Đừng có mà oán trách tao. Vì lũ chúng mày mà bọn nó đánh em tao đến chết!" Nói đoạn hân cầm cái chày gỗ lên nhắm thẳng đầu con chó vụt cật lực. "Bốp! Bốp!" Con khuyến chỉ kịp kêu "Oăng! Oăng!" rồi mắt trợn ngược nằm vật ra mềm oặt. Hân chậm rãi vun vun lại thành đùn rồi châm lửa bắt đầu thui chó. Hân làm thịt chó rất thành thạo. Nhoáng cái đã xong. Tôi bị ấn tượng cảnh hân đập chết con chó nên dù đĩa thịt nướng thơm nức bốc lên mũi nhưng tôi cũng không thể nào nuốt trôi qua cổ họng. Thằng Nhân ăn nhồm nhồm, nốc rượu tỳ tỳ, cười nói luyên huyên: "Ông biết tại sao hôm qua tôi đánh con cave đấy không? Đ. M, chưa gì nó đã đòi tiền! Đ. M, thằng này coi tiền là chuyện nhỏ, nhá! Đ. M, thích thì chơi tới bến còn không thích thì cút luôn, nhá!" Cứ nói một câu là hân lại đem một câu chửi. Mặt hân găng lên đỏ đòng đòng. Mắt hân trợn ngược vẫn máu nhìn trừng trừng như đang chửi thẳng vào mặt người đối diện. Một lúc sau hân đã say nhưn cả người.

Giữa đêm đen tối thui như mực, bỗng có tiếng khóc rú lên như bị người ta bóp cổ. Thằng Nhân. Chính là cái thằng trời đánh đấy. Sau bữa rượu sáng nay, hân nắm say vật vờ chắc giờ mới tỉnh. Không biết hân lại giờ trò gì đây. Tôi một mội ngó qua cửa sổ. Ở góc vườn lập lờ mấy nén nhang màu đỏ. Thằng Nhân đang ôm mặt khóc rưng rức như một bóng ma đơn độc. Sáng hôm sau, tôi tò mò nhìn sang chỗ

3. Đáng kiếp? Có lẽ bởi anh em thằng Nhân trước đây là dân chuyên ăn trộm chó. Trình độ bắt trộm chó của anh em hân thuộc dạng siêu đẳng. Đồ nghề cực kỳ gọn nhẹ. Một chiếc thông lọng. Một đoạn dây phanh. Một cái bao tải. Cừ đêm xuống là anh em hân đi dạo quanh mấy xóm. Thằng Nhân chuyên phóng xe đánh hơi quan sát mục tiêu và chạy trốn. Thằng Nhã ngồi đẳng sau chuyên nhiệm vụ bắt chó.

Nhìn anh em hân bắt chó thì đến những tay cao bồi Viễn Tây cũng phải nể phục. Thấy mục tiêu từ xa, thằng Nhân lập tức hất đầu với thằng Nhã và cho xe tiến lại gần. "Véol!" Thằng Nhã quăng dây. Cừ phải gọi là "bách phát bách trúng". Chó đang vech mồm sủa, chó đang chạy lang thang, chó đang ngồi vênh râu, chó đang sủa ăng ăng cảnh giác, tất cả đều không thoát khỏi chiếc thông lọng dây phanh của thằng Nhã. "A lé háp!" Một cái giật mạnh là con chó bị thit chặt cổ họng. "Réol!" Thằng Nhân rít ga. "Oăng!" Con chó xấu số chỉ kịp kêu lên một tiếng là đã bay theo xe. Thằng Nhã sau đó chỉ việc thu dây, tóm lấy con chó lúc đấy đã mềm oặt, bỏ vào bao tải rồi cả hai lướt đi êm ru. Một đêm tóm được bốn năm con đem bán cho hàng thịt chó là đủ cho anh em thằng Nhân no say được mấy ngày.

4. Đêm hôm đó anh em thằng Nhân tình cờ qua rình bắt chó ở xóm Đình. Anh em hân không biết rằng chỉ mấy hôm trước xảy ra chuyện của cái Tí.

Cái Tí là ai, trông mặt mũi nó như thế nào, bọn trẻ con xóm Đình bây giờ có khi chẳng mấy đứa biết. Thế nhưng chuyện cái Tí thì đứa nào cũng thuộc nằm lòng.

Bữa đó cái Tí mới chỉ bốn tuổi. Chiều thu. Nắng vàng óng như rải mật. Làng quê thanh bình. Hồi xưa làm gì có nhà trẻ. Lũ trẻ con cứ tụ lủi hủi chơi đùa với nhau. Thế mà có nhiều trò hay ra phết. Nào là đánh khăng, nào là đánh đáo, nào là ô ăn quan, nào là pháo đất sét. Nhưng vui nhất vẫn là chơi trốn tìm. Một đứa úp mặt vào tường đọc to: "Năm, mười, mười lăm, hai mươi, hai lăm, ba mươi..." Bọn trẻ chạy túa đi khắp nơi như ong vỡ tổ. Có đứa lý lợm đứng lại xem thử đứa đang đếm có "ti hi" mất hay không. "...chín lăm, một trăm, mờ mắt đi tìm". Cả cái xóm Đình bao nhiêu ngóc ngách đều được bọn trẻ tận dụng làm chỗ trốn. Cái Tí chạy vội vã ra tận đầu làng chui vào đồng rơm phủ mình kín mít. Được một lúc, nó thấy tiếng khịt mũi "Sjt! Sjt!". Đó là con

chó Cún. Chắc con chó đánh hơi thấy mùi người ở trong đồng rơm liền lấy chân cào cào. Cái Tí xùy xùy đuổi con chó. Con Cún lại càng lẩn lộn lao vào hít ngửi đào bới đồng rơm. Cái Tí thò cổ khỏi đồng rơm, đẩy mồm con chó ra. Bỗng nó thấy có hai người phóng xe trở tới như bóng ma. "Réol!" Tiếng dây thép mảnh tang xé gió. Cái Tí thấy cổ mắt mát. Một cái vòng bằng dây phanh cuốn đã quanh cổ nó. Con Cún quay lại phía hai người thanh niên sủa dữ dội.

Có tiếng người hô to: "Bớ làng xóm, trộm choooo!" Hai gã thanh niên khiếp đảm không kịp suy nghĩ lập tức rồ ga phóng bạt mạng. Cái Tí bị kéo văng ra khỏi đụn rơm, rơi lê lê xệt dọc trên đường làng mấp mỗ. Con chó Cún đuổi theo cái Tí sủa ăng ăng. Gã lái xe máy quát lên với đứa ngồi sau: "Đ. M. Máy quăng nhắm trúng vào đứa bé rồi!" Dân làng đuổi theo rầm rập tri hô. Thằng trộm chó ngồi sau vội quăng lại bộ cần câu chó. Hai đứa bọn chúng chạy biến mất tăm.

Cái Tí nằm lướt thướt trên đường làng. Cổ họng cái Tí đã bị siết đứt. Một cái Tí nằm đầu tiên lổ đi vào nghĩa địa xóm.

5. Anh em thằng Nhân thực ra cũng không biết cái Tí là ai. Anh em hân cũng không biết rằng mấy hôm trước người dân xóm Đình vừa làm đám ma cho cái Tí. Cái đêm đi bắt trộm chó ở xóm Đình, anh em hân lại càng không biết xóm Đình mấy ngày hôm sau có đám cưới.

Đám cưới ngày hôm sau thì mọi thứ đã phải chuẩn bị tươm tất mọi thứ từ đêm hôm trước. Mỗi khi có đám cưới, người dân xóm Đình bao giờ cũng tụ tập lại với chủ nhà. Đám cưới trăm công nghìn việc nhưng mỗi người giúp một tay thì chả mấy mà xong. Cộng đồng làng xóm ai cũng biết ai, việc riêng cưới hỏi giỗ chạp cũng thành việc chung của cả xóm. Đó ầu cũng là dịp để mọi người thể hiện sự gắn kết thắt chặt lại quan hệ cộng đồng với nhau. Thế là người thì giúp dựng rạp, người thì giúp làm cỗ đãi khách, gọi nhau ới ới, vui đáo để. Đám thanh niên bao giờ cũng lấy cớ để đêm hôm tụ tập, đám thì mở video hát karaoke ông ổng, đám thì chè chén, đám thì tụ tập đánh tá lá xóc đĩa rộn cả xóm. Đêm nay cũng chẳng khác là mấy.

Bỗng xa xa có tiếng chó kêu ăng ăng. Mọi người lắng nghe: "Chó nhà ai sủa như chó đại ý nhể". Rồi tiếng xe máy rồ ga văng lại. Đám thanh niên nghe ngóng. Một đứa vụt toet bộ bài xuống: "Hình như có bọn ăn trộm chó. Đúng là ăn trộm chó rồi anh em ạ". Bố cái Tí đang ngồi uống rượu gần đấy lập tức đập tan tành cái chén đứng phắt lên mắt rưng rưng đồnggầu giọng ngân ngao: "Có khi lại là mấy thằng ăn trộm chó hôm trước quen mui đến đấy! Tí ơi! Con ơi là con!" Mọi người sùng sục phẫn nộ. Đang có men say, một người khác lên tiếng: "Đ. M! Phải cho mấy thằng khốn nạn này một bài học!" Lập tức đám thanh niên tụ lại bàn tính: "Bọn này kiểu gì cũng phải đi qua đường cái ở đầu làng. Anh em mình ra săn đầu làng chờ, kiểu gì cũng sẽ bắt được mấy thằng trộm chó khốn nạn".

6. Thằng Nhân phóng xe bạt mạng. Góc thối thốc vào mặt mát lộng nhưng người hân nóng bừng bừng vui sướng nói với thằng em: "Hôm nay son quá, con nào con nấy béo núc ních". Thằng Nhã ghì chặt con chó đút vào bao tải cười to: "Bao tải đầy rồi! Về nghỉ thôi". Anh em hân vọt khỏi đường làng lao ra đường cái. Con đường hun hút. Trăng lơ lờ mờ.

Bỗng thằng Nhân hơi gợn gợn. Hình như phía trước có ánh đèn pin loang loáng. Có cả bóng người ló nhỏ hai bên vệ đường. Xe chạy lại càng gần thằng Nhân em càng nhìn rõ. Đúng là có người. Hân kêu lên với em: "Bố mẹ rồi! Có người chặn đằng trước, tình sao bây giờ?". Thằng Nhã dưới giục: "Kệ mẹ bọn nó. Anh cừ phóng đại vào! Thằng nào cản cứ chệt chết bỏ mẹ chúng nó đi". Thằng Nhân rồ ga. Ánh đèn pha chiếu thẳng vào đám thanh niên đang ló nhỏ đứng chờ sẵn. Mắt đám thanh niên phản chiếu ánh đèn bỗng trở nên đỏ rực và sáng quắc như mắt chó sói. Chiếc xe lao vun vút. Gậy vụt tới tấp vào anh em hân. Thằng Nhã ngồi đằng sau chửi to và cầm gậy vụt lại điên đại. Bỗng thằng Nhân giật mình vì thấy có sợi dây căng ngang đường. Đám thanh niên đã lấy dây dù cột rạp đám cưới đem căng ra ngang đường làm bẫy. Hân hét to: "Bọn nó căng dây!" rồi cù đầu xuống tránh. "Pung!" Thằng Nhã vướng vào dây ngã lộn ngửa ra đằng sau. Chiếc xe máy loạng choạng. Thằng Nhân quay lại nhìn em. Đám thanh niên vác gậy gộc đồn gánh nhẩy ó ra, chỉ mặt thằng Nhân hét to. Hân kinh hoàng nủ ga chạy thực mạng. Tiếng chân người vẫn dồn dập đuổi đằng sau.

Thằng Nhã nằm bệt dưới đường bụi bấn. Cái cần bắt chó và bao tải chó văng ra một bên. Đám người còn lại từ từ quây quanh thằng Nhã. Đám. Đạp. Phang. Đạp. Gậy. Đòn gánh. Gạch. Đá. Thằng Nhã ban đầu còn chửi bới, rồi sau chỉ còn tiếng rên rĩ vì đau đớn, cuối cùng người ta chỉ còn nghe thấy tiếng hô hét điên loạn của đám thanh niên xóm Đình.

Thằng Nhã bị đánh chết. Đám thanh niên xóm Đình vút xác hân ngay sát mộ cái Tí.

Hôm sau thằng Nhân quay lại xóm Đình. Hân thấy thằng em nằm ẻo ượt bết bụi bấn bùn đất, mặt mũi méo xeo biến dạng, máu me loang lổ. Dân xóm Đình đổ ra xem. Mọi người đều đoán hân chính là thằng trộm chó đã chạy thoát nhưng chẳng ai làm khó dễ gì. Có lẽ sau cơn say máu, mọi người đều chùng lại. Thằng Nhân uất hận nhìn mặt dân xóm Đình hét lên như xé họng: "Đ. M lũ chúng mày, tao sẽ trả thù!" Mọi người im lặng. Bỗng có người gạt

đám đông đứng trước thằng Nhân: "Bọn trộm chó mất dạy chúng mày giết chết con gái tao. Tao chưa trả thù mày thì thôi, mày thích gì?" Chính là bố cái Tí. Ông nhìn thẳng vào mặt thằng Nhân, mắt vẫn tia máu. Dân xóm Đình rộ lên: "Đúng là hai thằng này hôm nọ đã bắt đứt cổ cái Tí đấy! Đánh chết mẹ nốt thằng oắt này đi. " Mẹ cái Tí nhảy xổ ra tóc tai xòa sợi tóc quần chỉ tay vào mặt thằng Nhân xĩa xối chửi rủa thậm tệ. Mọi người ào lên giận dữ. Nếu không có công an thì hẳn đã xảy ra xô xát. Thằng Nhân nhìn ngời mộ nhỏ bé vẫn đang còn phủ đầy hoa trắng của cái Tí cúi đầu. Công an bắt hắn về đồn hỏi xem anh em hắn có liên quan đến cái chết của cái Tí không. Còn với cái chết của thằng Nhã, công an chẳng bắt ai. Bắt ai? Bắt ai khi chẳng ai nhận mình có liên quan nhưng hình như ai cũng dự phần.

Đến khi được công an thả, thằng Nhân vác xác em về chôn ở góc vườn.

Không còn thằng Nhã, thằng Nhân cũng bỏ luôn nghề trộm chó.

7.
Sau khi giết con chó vàng, mấy hôm sau tôi lại thấy thằng Nhân nuôi một con chó khác. Rồi lại đến một hôm hắn nổi hứng lên vác chày ra đập con chó chết tươi. Sau đó hắn lại lấy rơm vun thui. Mùi thịt chó thơm nức khắp xóm làng. Ai cũng phải thừa nhận thằng Nhân khéo làm thịt chó. Thỉnh thoảng khi có cỗ bàn cần làm thịt chó, người ta cũng nhờ hắn đến giúp một tay. Ai nói đến chuyện trả công, hắn đều chửi cho tẻ tât: "Ông đây thích thì làm, đểch cần tiền nhá!" Biết tính thằng Nhân như thế nên thường thì bao giờ xong việc, người ta đều biếu hắn mấy đĩa thịt chó mang về. Lần nào hắn cũng dọn riêng ra một đĩa thịt chó thật ngon rồi lại cùi mang ra đặt ở mộ thằng em.

Con Đốm là đời chó thứ tư kể từ khi tôi về làm hàng xóm với thằng Nhân. Hắn nuôi chó nhưng rất ghét chó. Cứ nhìn cách hắn đối xử với con Đốm là biết. Hôm trước thằng Nhân vỗ vai gọi tôi ra: "Ông có biết không, người ta cứ bảo "Chó không ăn thịt chó"? Bỏ lão bố toét hết". Tôi ngần ngừ: "Lần trước ông cho ăn, nó có ăn đâu?" Hắn cười hênh hếch: "Lần trước là lần trước! Còn lần này thử xem nó có làm kiểu được không?"

Lại nói về chuyện thằng Nhân luyện chó ăn thịt chó. Hắn nhất quyết cho rằng cái lũ chó thực ra rất ngu, cũng ăn thịt đồng loại. Hắn chứng minh lý thuyết "chó ăn thịt chó" trên chính con Đốm của hắn. Thế nhưng mấy lần hắn thử rồi mà không được. Có lần hắn nhét thịt chó vào mồm con Đốm, nó nhất quyết là ra không chịu nuốt. Hắn tròn miêng thụt chĩa vào trong cục cơm ném cho nó. Con chó trợn trạo nuốt miếng cơm nhưng rồi lập tức khạc ra, chỉ nhả ăn phần cơm mà bỏ lại nguyên phần thịt. Cứ mỗi lần con Đốm không chịu ăn thịt chó là thằng Nhân lại vác gậy ra: "Tổ sư mày! Không ăn à? Không ăn à?" Cứ mỗi câu "Không ăn à!" là mỗi lần chiếc gậy vụt không thương tiếc. Con Đốm trước cơn giận điên cuồng của chủ chỉ biết lông lộn chịu đòn kêu oang oang từng hồi đau đớn.

Lần này thằng Nhân dụng sẵn cái gậy ra. Con Đốm len lét nhìn hắn, mắt đầy e sợ. Thằng Nhân nhấc miếng thịt chó nướng thơm phưng phức lên dử dử con Đốm. Con Đốm hích hích mũi ngửi miếng thịt chó, gục gặc ngán ngừ. Hắn lập tức vớ lấy cái gậy, dử dử lên đầu con chó, giọng đe dọa: "Con khốn nạn này, có ăn không thì bảo? Bỏ mày đập cho một phát chết tươi bây giờ!" Con Đốm rúm người lại sợ sệt. Hắn liến tẩm lấy đầu con chó rồi nhét miếng thịt vào mồm nó. Con Đốm thở hắt ra thườn thượt rồi nuốt chửng miếng thịt chó đánh ực. Thằng Nhân đắc chí nhìn tôi cười tít mắt: "Ông thấy chưa? Tay tôi mà đã rèn thì bắt ăn đất nó cũng phải ăn" Tôi ngạc nhiên: "Sao mấy lần trước nó không ăn mà lần này nó lại ăn?" Hắn cười sảng sặc: "Đ. M, không ăn thì chỉ có chết đói. Tôi bỏ đói nó gần một tuần rồi". Rồi bỗng hắn xoa cằm ngẩn người ra như một triết gia và nói một câu triết lý: "Ở đời này sĩ thế dẻo nào được. Đối lên người còn ăn thịt nhau nữa là chớ!" Nói đoạn hắn nhấc chai rượu lên tu ừng ực, mặt đầy vẻ mãn nguyện. Rồi hắn loạng choạng ngồi dựa vào cửa nhà, đầu ngẹo sang một bên ngày khô khô.

Con Đốm lét đến bên thằng Nhân ngửi hít. Rồi bỗng nhiên nó trợn ngược mắt. Người nó co lại như một cái lò xo. "Hộc!" Con chó nồn thốc nồn tháo miếng thịt nó vừa nuốt ra ngoài rồi nằm bệt xuống mặt mồi. Cái bụng lép kẹp dính vào xương của nó phập phồng. Thấy thế tôi liền chạy về nhà lấy một ít cơm nguội ra cho con Đốm. Nó ưỡ oải nhai, hai mắt rí rỉ nước. Ăn xong, con chó nhìn tôi, đuôi phe phẩy như cảm ơn. Tôi đưa tay xoa đầu nó. Nó lim dim sung sướng. Tôi về sân nhà mình. Con Đốm nhìn theo mắt lóng lánh. Tôi vẫy vẫy gọi nó sang. Con chó chỉ nhìn rồi cúi đầu quay về bên cạnh chủ quay quay một vòng rồi rúc ngồi bên cạnh đầy tin cậy.

Mưa đông. Quảng mây đen đang tụ thành một khối bóng tủa ra như một cái ré quạt khổng lồ xám xịt trời đất. Gió mát lộng lộng rười rượi. Thỉnh thoảng có tiếng sấm găm gào như một viên đá khổng lồ đang lăn rầm rầm ngay trên đỉnh đầu. Trời mưa sấm sập. Bỗng thấy con Đốm chạy sang. Nó lao vào cắn mạnh vào ống quần tôi giật giật. Tôi quay lại. Con chó nhìn thẳng vào tôi sủa ăng ăng. Tôi ngạc nhiên không hiểu chuyện gì. Nó lại cắn vào chân tôi giật giật rồi chạy đi, đầu vẫn ngoái lại nhìn như ra hiệu. Tôi hiểu ý với bước theo nó. Mưa sấm trời đen kịt. Con Đốm lao đến bên cạnh chủ sủa điên cuồng. Thằng Nhân đang nằm sõng sượt, người ướt nhẹp nước mưa, nồng nặc hơi rượu, máu mũi máu miệng ộc ra một đồng. Tôi vội xốc nách hắn lên gọi hàng xóm rồi lấy xe đèo hắn vào bệnh viện.

Thằng Nhân bị cảm nhập tâm.

DƯƠNG KIỀU MINH

Tiếng bầy ngỗng trời lạc giữa đêm thu

Ta sắp trở lại với người rồi
 Những trang sách cũ mở giữa đêm thu dịu lạnh
 Tiếng bầy ngỗng trời xa ngàn ngát cất theo trục
 đông tây.

Ta sắp trở lại với người rồi
 Sự bình lặng từ từ lắng sâu vốn có từ thuở đôi mươi,
 rồi bỏ mất
 Theo năm tháng ta cứ khuấy đục dần cái hồ nước
 lòng mình.

Đó là câu chuyện cũ?
 Không, ta già đi trong nỗi niềm thế tục
 Đã khô cạn trong chiếc bình đã cũ
 Cảnh đồng ấu thơ kia
 Con đường ngày mới lớn
 Mở ra bát ngát chân trời...

Ta đã dạt vào câu chuyện cũ
 Bến những luồng chảy xiết
 Khát khao như nắm tro bãi vãn khăn thả xuống dòng
 sông cổ

Đây là câu chuyện cũ?
 Núi thu um tùm những khóm ngải tiên
 Mây sương trùng trùng trải rộng như mặt biển

Ta đã già cùng những tuồng tích cũ
 Chợt tiếng vọng từ thâm sơn cùng cốc
 Hơi sương từ cánh rừng theo làn gió thấm qua
 rèm cửa

Xào xạc những trang sách cũ mở toang giữa đêm
 thu gợn lạnh

Tiếng bầy ngỗng trời ngàn ngát âm thanh nhỏ xíu
 mất hút về hướng tây.

Giông hạ

Sầm sầm mây phía núi
 mật sông nhàu nhàu đen
 ào qua cơn lốc bụi
 có phải con đường quen...

Những ngôi nhà đang nắng
 chợt nhòa theo dưới chiều
 một thoáng màu xanh rập
 mưa đổ xiêu xiêu xiêu

Chẳng biết bao giờ lặng
 niềm hưng khởi đang đây
 gió lồng lên bứt đứt
 kéo hạ về hôm nay

8.
Thằng Nhân thoát chết nhưng yếu đi nhiều. Mấy hôm hắn nằm trong viện, ngày nào tôi cũng để phần con Đốm một ít cơm thừa. Con chó bao giờ cũng ăn vội vàng rồi lại chạy về nhà lấy một ít cơm nguội ra cho con Đốm. Nó ưỡ oải nhai, hai mắt rí rỉ nước. Ăn xong, con chó nhìn tôi, đuôi phe phẩy như cảm ơn. Tôi đưa tay xoa đầu nó. Nó lim dim sung sướng. Tôi về sân nhà mình. Con Đốm nhìn theo mắt lóng lánh. Tôi vẫy vẫy gọi nó sang. Con chó chỉ nhìn rồi cúi đầu quay về bên cạnh chủ quay quay một vòng rồi rúc ngồi bên cạnh đầy tin cậy.

Hôm nay thằng Nhân ra viện. Tôi đi làm về, thấy hắn đang ngồi ở hiên nhà, con Đốm ngồi thu lu bên cạnh. Tôi hỏi thăm: "Ông khỏe hẳn chưa? May mà thoát nhé, phải khao mừng thôi!" Hắn trả lời: "Tôi đang định thịt con Đốm này ăn mừng mình thoát chết đấy, ông thấy thế nào?" Tôi khựng người không biết trả lời ra sao. Hắn nhìn con Đốm rồi nói: "Mày cũng lớn rồi, đến lúc phải vào nồi rồi!" Con Đốm tưởng chủ nói chuyện với mình, lập tức xun xue nhồm lên liếm liếm tay thằng Nhân. Hắn vuốt vuốt đầu con chó. Có lẽ đây là lần đầu tiên trong cuộc đời hắn làm như vậy. Đây cũng là lần đầu tiên con Đốm được chủ vuốt ve. Cu cậu vừa liếm tay chủ, vừa rên ỉ ỉ nhẹ nhẹ bày tỏ tình cảm. Hắn gẩn giọng: "Không phải nịnh. Rồi ông cũng thịt mày sớm thôi". Tôi nhìn thằng Nhân nhỏ nhẹ: "Thịt nó làm gì? Con chó này khôn đấy, nó lại vừa cứu mạng ông! Ai lại nỡ làm thịt nó?" Hắn vỗ vỗ lên đầu con Đốm, nhìn tôi cười cười: "Nói đùa thôi! Mà ông không thích ăn khao thịt chó thì chỉ có rượu suông thôi. Tôi nay uống với tôi nhá!" Tôi tấn ngăn gặt đầu ...

Tâm tưởng

Ánh sáng chói cuồng những đêm mất ngủ
 mái hiên cao cao
 heo may gợn gợn
 công trường
 đập nước
 những tòa nhà đồ dài
 đồ dài bóng núi
 dòng sông đồ dài
 mất hút...
 xa xanh.

Những con đường đồ bóng xuống chính mình
 bài ca đồ bóng lên khát vọng

Em từ đâu trở lại
 Âm thanh thuở ban đầu
 gõ vào tuổi ta

Gõ vào ngày xuân không trở lại
 hoa tảo vừa rụng trắng ở cửa nâu mở suốt mùa hè

Đêm chủ nhật tuần đầu tháng tư

Đêm chủ nhật tuần đầu tháng tư
 Mưa bụi như tấm voan lớn căng giữa trời đất
 Âm nhạc Bach vút lên từng luồng ánh sáng êm dịu

Phải tôi đã già niếm nhân thế ấy
 Không biết mình đang ở đâu theo dòng nước thả trôi
 về cuối xuân

Phải tôi đã già không nhớ được tuổi mình
 Một lần duy nhất uống ngụm nước
 thanh xuân chuyển phà sang sông miền lam
 chương Hòa Bình

Đêm chủ nhật tuần đầu tháng tư
 Ai đó nhắc
 Không nghĩ mình vừa chui ra khỏi vỏ kèn cuối ngày
 Những con đường lạnh ần khuất những thân
 cây rêu ướt
 Ừ, một ngày có tên

Mưa bụi tựa tấm voan khổng lồ giăng mờ lên cảnh vật
 Những tán cây rục rờ vươn mình trong âm thanh
 của Bach
 Những quảng đen xa tít lấp lánh khúc xạ qua làn
 hơi ẩm

Ai đó nhắc
 Đêm chủ nhật tuần đầu tháng tư
 Trên đỉnh đồi chỗ ngôi sao rụng
 Mọc lên một ngày.

9.
Buổi tối, thằng Nhân cầm chai rượu sang nhà tôi cảm ơn. Con Đốm leo đèo xoắn xuýt theo sau. Hắn sùy sùy: "Cút ra chỗ khác, bần hết nhà của người ta!" Tôi mời thằng Nhân ngồi rồi quay đi lấy mấy cái chén rót rượu. Con Đốm ngồi chồm hổm ngoài cổng cửa nhòm vào nhà nhìn chủ lười thè lưỡi.

Bỗng "Oàng!" Con Đốm tru lên thê thiết. Tiếng xe máy rù lên điên loạn. "Bỏ mẹ rồi! Trộm chó!" - Thằng Nhân nhảy dựng kêu lên thẳng thốt rồi lao vội ra ngoài cổng. Tôi cũng chạy ra theo. Con Đốm đang bị kéo lết xệt sau cái xe. Nó cố trì lại một cách vô vọng. Đôi mắt con chó trợn ngược nhìn chủ cầu cứu. Nhoảng một cái, thằng trộm chó ngồi sau giật mạnh. Chiếc xe rổ ga. Con Đốm bay cả người lên không rồi rơi bịch xuống đất. Thằng trộm chó nhanh như cắt đứt con Đốm vào cái bao tải. Thằng Nhân và tôi cố đuổi theo. Chỉ thấy bóng chiếc xe mờ dần mờ dần.

Thằng Nhân ngồi bệt xuống đất, đầu tóc rũ rượi. Tôi thần thờ nhìn. Con đường dài ngoằn ngoèo như một con rắn hun hút đen ngòm. "Thế là bọn nó bắt con Đốm mất rồi!" - tôi nhìn thằng Nhân. Bỗng hắn ôm mặt khóc tru lên. Tôi ngồi xuống bên cạnh, muốn an ủi hắn mà chả biết nói gì.

Thằng Nhân lấp bắp trong tiếng nấc: "Đốm ơi..."■

(*) Trích câu tục ngữ: Làm người thì khó, làm chó thì dễ

BUỔI SÁNG 400 NĂM...

HÙNG PHIÊN

HÌNH như buổi sớm ở một vùng đất nào cũng có dáng nét hấp dẫn, thơm thảo riêng tư của thiên nhiên lòng người. Tuy Hòa, một rạng sáng khoảng gần 4 giờ, tôi thả bộ ra cung phố trung tâm. Đường Trần Hưng Đạo giờ này còn phải nhờ ánh điện hắt xuống mới nhìn rõ mặt nhau. Gió vi vút, gió dạt dào của một mùa nam cổ nữa lại về. Điểm trong dòng người tản mạn bách bộ là những cô công nhân quét dọn đường phố, những bếp lửa chuẩn bị cho quây hàng cà phê và ăn sáng ven đường, thoảng nghe đâu đây chấp chờn lác đác là những chuyến xe ngựa hay xe đạp, ba gác với rau quả chợ sớm,...

Ba, bốn giờ sáng là giờ của người đứng tuổi. Ở hoa viên Diên Hồng, những nhóm tập dưỡng sinh cũng bắt

đầu khởi động. Thấp thoáng những nếp nhà bên đường đã có vài nhóm cụ ông, cụ bà đang ngồi trầm tư chuyện gẫu quanh ấm trà. Họ chính là những lão nông ở quê được con cháu đưa lên phố cho tiện bề chăm sóc vào những năm tuổi già. Câu chuyện thành thị Tuy Hòa của họ vẫn chen nhiều kỷ ức hột lúa củ khoai, nghĩa xóm tình làng,... và họ cũng công nhận với tôi rằng tình lý Phú Yên vẫn mang nhiều dáng nét thôn dã, ngay cả trong dáng hình và nét nghĩ suy, giao tiếp xã hội,... Nhiều người tin cái bản tính chân chất, hiền hòa rất riêng ấy của người Tuy Hòa sẽ còn dài lâu, dù nhịp điệu đô thị có biến chuyển bao nhiêu,...

Khoảng từ bốn rưỡi trở đi là giờ của những người trung niên, năm giờ là lúc của những tốp gái trai, con nít tíu tít trẻ túa ra đường tập luyện đón chào một bình minh lại đến. Chợt nhận ra là chuyện dậy sớm thể dục của người Tuy Hòa đã trở nên rầm rộ chừng mười năm nay. Có lẽ sự phát triển về vật chất, về cường độ công việc buộc con người ta phải đến nhiều với chăm lo sức vóc. Và hít thở không gian trong lành buổi sớm đã thành một thú vui không thể thiếu mỗi ngày của người Tuy Hòa. Vui tươi, giàu sức trẻ lắm khi ta ngang qua những cơ thể đang hòa mình vào thiên nhiên và câu chuyện buổi mai của những người yêu thể thao,...

Nói về khí thế buổi sớm của người Tuy Hòa, không thể không đặc tả điểm tập núi Nhạn và bờ biển thành phố. Hơn mười năm, núi Nhạn được khai mở một con đường bê tông yêu kiều, cũng là lúc dấu ấn thể thao của đô thị này định hình và tiến bước. Riêng chuyện tắm biển thì đã có lâu rồi trong nhiều thế hệ, giờ được bồi đắp thêm theo năm tháng. Núi Nhạn sớm mai tươi mát và gần gũi. Nơi đây đã hình thành một vườn thực vật phong phú, mùa nào hoa nấy, phượng vĩ, bằng lăng, hải

đường, hoàng yến, hoàng lan, hoàng anh,... rồi cơ man những loài hoa dại hay nhiều loài mới đưa về trồng, chưa kịp nhớ tên.... Con đường loanh quanh ngọn núi giữa lòng thành phố từ ấy đã làm thổn thức biết bao trái tim thi sĩ đến với tình lý cuối dòng sông Ba....

Cũng như một đời người, một vùng đất biết dậy sớm mới cảm nhận được bình minh, nói như nhà thơ Võ Quảng, *ai dậy sớm/ chạy lên đồi/ cả đất trời/ đang chào đón* (Ai dậy sớm). Dậy sớm của người Tuy Hòa có thể là âm hưởng của một vùng quê lúa nhưng đây đã thành nếp đẹp và việc tận dụng buổi mai trong trẻo bao giờ cũng làm được nhiều chuyện hơn những giờ giấc khác trong ngày... Đô thị trẻ Tuy Hòa cần thiết lắm những giờ dậy sớm để tranh thủ hơn trong bước đường xa. Có thể ví von, vị thế Tuy Hòa như cô gái còn mơ màng trong giấc ngủ, đang đợi người - công - dân - trách - nhiệm đánh thức một cách khéo léo, kịp giờ nắng đến...

Cũng có những góc đường, Tuy Hòa chẳng những dậy sớm mà còn không ngủ. Đó là những công nhân làm ca đêm hay một số quán hàng dọc Quốc lộ 1A. Tôi đã từng với bạn tri âm cùng thức xuyên đêm bên một quán nhỏ ở ngã ba Lê Lợi - Quốc lộ 1. Đêm ở những nơi đó như là một ban ngày trọn vẹn. Xen trong câu chuyện riêng tư là một ước mơ về một ngày Tuy Hòa thấp sáng, xúng tắp kỳ vọng tiến nhân. Còn nhiều việc lắm đang nghĩ, đang làm và phải làm để đô thị này thêm đẹp thêm tươi! Ai từng lắng nghe nhịp đập Tuy Hòa sẽ tin hẳn rằng: gió Tuy Hòa đang chăm chỉ vươn lên hòa nhập, khẳng định mình và trên những nẻo đường bình minh thành phố, nào ai có thể ngủ muộn trước những đổi thay từng giờ trong máu thịt quê hương...

Mới đó mà đã 400 năm...■



Một góc thành phố Tuy Hòa bên sông Đà Ràng

Ý KIẾN NGẮN

GIỜ VIỆT NAM

TRẦN BÁ GIAO

NHIÊN sự kiện Giờ Trái đất (hoạt động vì môi trường - tự nguyện tắt các thiết bị điện và ánh sáng trong một giờ). Việt Nam hưởng ứng vào tối thứ bảy ngày 26/3/2011, tôi xin đưa ra một đề xuất nhỏ sau:

Ở Việt Nam nên có giờ Việt Nam. Xin hãy lấy một giờ của tối ngày rằm hàng tháng (tính theo âm lịch) là giờ Việt Nam.

Phố Cổ Hội An đã có hoạt động này từ lâu rồi. Ta thử nghĩ xem không phải một năm có một ngày chọn làm Giờ Trái đất mà ở Việt Nam sẽ có 12 ngày hoặc 13 ngày (nếu như năm nhuận) có Giờ Việt Nam. Hoạt động tự nguyện tắt các thiết bị điện và ánh sáng vào một giờ trong một ngày hàng tháng, thật có ý nghĩa, không chỉ tiết kiệm điện năng, giáo dục ý thức tiết kiệm điện năng mà đó còn là hoạt động vì môi trường. Như thế cũng là hành động thiết thực làm giảm đi nguy cơ biến đổi khí hậu. (Việt Nam là một trong 5 nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu). Nếu hoạt động đó có được thực thi cũng là một ứng xử văn hoá mang đậm đà bản sắc Việt Nam. Rất mong những người có trách nhiệm xem xét để có quyết định về vấn đề này. Lợi ích của việc làm này nếu tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân ta, tin là ai ai cũng hưởng ứng.

Bạn thử nghĩ xem ngày rằm hàng tháng, dưới ánh trăng rằm bên cạnh ánh nến, ta làm bạn với thiên nhiên vì hành tinh xanh của chúng ta - một hành động thật đẹp có phải không bạn?■

CHỈ DÙNG 4 HỘP THUỐC, TÔI ĐÃ ĐI LẠI ĐƯỢC BÌNH THƯỜNG



Ảnh minh họa

Không cần những biện pháp chữa trị quá hiện đại, đắt tiền, bác Lâm Thị Kim Chi (sinh năm 1937, trú tại 16 Tầng Bạt

Hố - Quy Nhơn-Bình Định) đã vượt qua căn bệnh thoái hóa khớp gối nhiều năm của mình bằng phương thuốc hết sức đơn giản và hiệu quả.

Bác Chi chia sẻ, khi tuổi già ghé thăm cũng là lúc căn bệnh xương khớp bộc lộ rõ nhất. Bác cũng không ngoài quy luật đó, có điều, bác đã sớm chọn được phương pháp hiệu quả đẩy lùi căn bệnh của mình.

"Chân bên phải của tôi thường xuyên trong tình trạng đau nhức cả ngày lẫn đêm, càng vận động thì càng đau, vận động ít thì đỡ hơn, khiến tôi vô cùng khó chịu, gần như không đi lại được, nhiều lúc phải bò, không làm được việc gì" - bác Chi nhớ lại. Đi khám nhiều nơi, ở đâu cũng nói là bác bị thoái hóa khớp. Uống thuốc tây, chích 3 mũi thuốc nhưng chỉ đỡ được ít hôm lại tái phát. Bác chuyển qua

dùng thuốc bắc, bệnh tình không giảm bao nhiêu. Là người ham tìm hiểu, một lần đọc báo, thấy nhiều người sử dụng cồn thuốc đắp ngoài Cốt Thống Linh hiệu quả, bác liền ra hiệu thuốc mua một hộp về dùng.

Đó là năm 2009. "Thật kỳ lạ, tôi đắp miếng Cốt Thống Linh đầu tiên đã thấy đỡ đau hẳn. Cô bạn thuốc có dặn là dán 30 phút có thể sẽ bị nóng. Tôi thấy "y sì" như thế luôn. Nhiều lần đắp thuốc thấy dễ chịu quá nên mặc dù đắp được 30 phút như hương dẫn rồi nhưng tôi vẫn chưa bóc miếng đắp ra. Thời tiết nóng nên chỗ đắp bị nóng đỏ và hơi ngứa - bác Chi hình hinh kể lại với chúng tôi, khuôn mặt vui vẻ như cơn đau vừa mới biến mất mới đây thôi. Bác cũng cho biết, trong năm 2009, bác chỉ cần dùng hết 2 hộp Cốt Thống Linh, tổng cộng là 20 lần đắp thì

cơn đau khớp đã hết, đi lại bình thường. Mãi tới năm 2010, bác mới thấy hơi nhức khớp trở lại. Kinh nghiệm từ lần điều trị trước, bác mua tiếp 2 hộp Cốt Thống Linh về đắp, và cũng chỉ cần như vậy là từ đó đến nay, bác không thấy đau nhức chân nữa.

Đang chuẩn bị chia tay bác Chi thì chúng tôi nán lại vì người em dâu của bác Chi là bác Liễu Thị Ngọc Thúy cũng hào hứng kể rằng: "Tôi đã hết những cơn đau lưng dai dẳng sau khi đắp Cốt Thống Linh để điều trị thoái hóa cột sống thắt lưng, tôi rất tin tưởng vào tác dụng của sản phẩm này và đã giới thiệu cho rất nhiều người sử dụng". Niềm vui của bác Chi và bác Thúy khiến chúng tôi cảm thấy vui lây và hy vọng nhiều người bệnh khác cũng sớm tìm được niềm vui như hai bác. ■

NGỌC HÀ

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY XSKT THỦ ĐÔ

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ CHÍNH XÁC NHẤT

KẾT NỐI TRỰC TIẾP VỚI BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT QUAY SỐ



Để lấy kết quả xổ số truyền thống mỗi nhất

Soạn tin: **XSTD** **Gửi đến 8197**



**Để lấy 3 kết quả: xổ số truyền thống
- xổ số điện toán và lô tô cặp số**

Soạn tin: **XSTD** **Gửi đến 8297**



Để nhận kết quả xổ số trực tiếp từ trường quay

Soạn tin: **XSTD** **Gửi đến 8597**



**Để lấy kết quả xổ số truyền thống - xổ số
điện toán và lô tô cặp số 20 ngày liên tục.**

Soạn tin: **XSTD** **Gửi đến 8797**

3 6 9 12 14 16

1 5 7 10 12 15

Để nhận kết quả xổ số 3 tỉnh Miền Nam

Soạn tin **XSMN** **Gửi đến 8297**

Để nhận kết quả xổ số Miền Trung

Soạn tin **XSMT** **Gửi đến 8297**

Được đảm bảo bằng thương hiệu xổ số kiến thiết Thủ Đức

THÔNG BÁO

CUỘC THI TRUYỆN NGẮN 2011 - 2012

CỦA TUẦN BÁO VĂN NGHỆ -

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

TRONG không khí giới văn nghệ sĩ cả nước sôi nổi chuẩn bị triển khai, thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI về văn học nghệ thuật, nhằm góp phần nâng cao chất lượng truyện ngắn Việt Nam nói riêng, đời sống văn học nước nhà nói chung, phản ánh sâu sắc con người và xã hội Việt Nam đương đại; phát hiện và cổ vũ kịp thời những tài năng văn học mới. Tuần báo **Văn nghệ** tổ chức phát động Cuộc thi truyện ngắn trong 2 năm 2011-2012. Đăng tải trên **Văn nghệ** và **Văn nghệ Trẻ**. Cuộc thi hoan nghênh mọi tìm tòi, khám phá cả nội dung lẫn hình thức; quan tâm đặc biệt những tác phẩm đề cao các giá trị nhân văn, góp phần hoàn

thiện xã hội và con người trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Đối tượng dự thi:

- Tất cả các nhà văn, các cây bút chuyên và không chuyên trong và ngoài nước.

Bài dự thi gửi: BAN VĂN, TUẦN BÁO VĂN NGHỆ 17 TRẦN QUỐC TOẢN, HÀ NỘI hoặc địa chỉ email: banvanvn@gmail.com

Quy định:

Tác phẩm hợp lệ trước tiên phải là truyện ngắn với số lượng không quá 5000 từ. Truyện chưa in trong sách hoặc trên các báo và tạp chí Trung ương. Bản thảo vi tính trên một mặt giấy, sạch và rõ. Trong thời gian cuộc thi, tác phẩm dự thi không được gửi in sách, báo hay tạp chí nào khác.

Thời hạn:

Nhận bài từ 1-2-2011. Kết thúc ngày 1-2-2013. Lễ tổng kết và trao giải vào tháng 5 năm 2013.

Giải thưởng:

Giải Nhất: 30.000.000 đồng, giải Nhì: 20.000.000 đồng, giải Ba: 10.000.000 đồng.

Ban giám khảo:

Ban Sơ khảo là Ban Văn (mở rộng) của báo **Văn nghệ**. Ban Chung khảo gồm các nhà văn uy tín do BBT Tuần báo **Văn nghệ** mời.

Tuần báo **Văn nghệ** mong được sự hưởng ứng nhiệt tình của các bạn viết trong và ngoài nước.

BAN BIÊN TẬP
TUẦN BÁO VĂN NGHỆ

GÓC HÀI HƯỚC



CHUYỆN VUI

LỖI TẠI CHỒNG

Cán bộ dân số hỏi đôi vợ chồng trẻ:

- Sao anh chị sinh nhiều thế?

- Dạ, tại chồng em cả đấy. Tối nào em cũng hỏi anh ấy: đi chơi hay ở nhà? Và lần nào anh ấy cũng trả lời rằng cứ theo ý em.

TẠI SAO PHỤ NỮ NHỚ NGÀY CƯỚI?

Một người bạn của Bernard Shaw một hôm thốt lên với ông:

- Kỳ lạ thật! Các bà vợ bao giờ cũng nhớ rất rõ ngày cưới, trong khi các ông chồng hầu như chẳng bao giờ nhớ cả. Không hiểu tại sao lại như vậy nhỉ?

- Rất đơn giản! - Bernard Shaw trả lời. - Ngài là một người mê câu cá phải không? Thế tôi hỏi ngài nhé, ngài có nhớ cái ngày ngài câu được con cá đầu tiên không?

- Tất nhiên rồi!

- Đấy đấy, ngài thấy chưa! Nhưng tôi đảm bảo là con cá ấy nó đã quên từ lâu rồi!

SỰ TỈNH TÁO

Xong bữa nhậu đầu năm với bạn bè, anh chồng ngất ngư về nhà. Để đánh lửa, anh ta đi thẳng vào phòng và ngồi đọc sách, cốt cho vợ thấy là mình vẫn tỉnh táo. Vài phút sau, cô vợ lao vào hỏi.

- Anh đang giữ cái trò gì vậy?

- Đọc sách thôi mà em yêu.

- Đồ điên, đóng va li lại rồi ngủ đi.

THANH HỒNG

Anh đi đường anh, tôi đường tôi!
Chức tước giờ đây miễn nhiệm rồi
Rượu Tây chớ có chờ mang đến
Nặng nề "phong bì" cũng cất thôi

Anh đi đường anh, tôi đường tôi
Ngày trước nhà đông khách đến chơi
Nay khách đi "mô" không tới nữa!

Thời đại học bùng ra quá xá
Đất nước mình vượt cả năm châu(!)
Than ôi, ngẫm lại mà sầu
Phổ thông cấp bốn(!) còn cầu mong chí!
Mở đại học có gì để mở
Hay chỉ mang cốt ở cái danh
Trường ốc không, chuyện chẳng đành
Đi thuê địa điểm học hành cho xong
Trường mở ra vẫn không thấy dạy
Trò bơ vơ biết cậy nhờ ai?
Giáo sư, tiến sĩ... chân ngoài



Tranh của HUY CHUÔNG

THƠ CHÂM

Nhấn ai

Hoa tàn bướm vắng tất nhiên thôi!

Anh đi đường anh, tôi đường tôi
Quy luật trên đời cũng thế thôi
Nhấn ai: Trong sạch khi đương chức
Đừng để khi về cất tiếng... ôi!

(*) Thơ Thế Lữ

ĐÀO ANH ĐÀO

Đại học ngâm... khúc

Chạy "sô" thân đã một nhòai "dạy thuê"
Ai tỏ tường, ai biết mấy ai?
Chỉ mong kết thúc chương, bài
"Tiền trao, cháo múc" để bai... bai (bye... bye) trường.

Chuyện học vấn trăm đường rộng mở
Chọn đường nào tùy ở sức dân
Phải đâu đại học mới cần!

(*) Có người nghĩ đại học nước ta chỉ là phổ thông cấp 4 (bốn).

TRẦN HỮU LẠN



Đi viết
chống
tham nhũng